

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ TỶ VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN Cáo BẠCH

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 9100005174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2009, thay đổi lần thứ 15 ngày 1/01/2024)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 15/PGN-118CK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 6, năm 2024)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung được cung cấp từ ngày/...../2024 tại:
Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 2 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024. 3772.2773

Website : www.agribank.com.vn

Tổ Chức Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024. 6276.2666

Website : agriconom.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên : (Trần Ngọc Lâm) - Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại : 024. 37722773 - Fax : 024.38314069

Handwritten signature in blue ink

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

(Cấp: chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100886174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2014)

CHÀO BẠN TRÁI PHIEU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--|---|
| - Tên Trái Phiếu | : Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024 đến hạn năm 2034 |
| - Loại Trái Phiếu | : Là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật |
| - Mệnh giá | : 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu) |
| - Giá chào bán | : 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu) |
| - Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán | : 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu |
| - Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá | : 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng) |
| - Kỳ hạn Trái Phiếu | : 10 (mười) năm |
| - Lãi suất | : Lãi suất là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau: $\text{Lãi suất Trái phiếu} = \text{LSTC} + \text{hiên độ}$ <p>Quy định chi tiết về lãi suất được trình bày tại Khoản 1 Mục VI</p> |
| - Kỳ hạn trả lãi | : 01 năm/lần. |

- TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG: Không có
- TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có
- TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KPMG

- Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 3946 1600 - Fax: 024. 3946 1601

- 3- TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Agriland

- Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024. 6276 2666 - Fax: 024. 6276 5666

2. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU: Không có



MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 1 |
| 1. Tổ Chức Phát Hành | 1 |
| 2. Tổ chức tư vấn | 1 |
| II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 2 |
| 1. Rủi ro về kinh tế | 2 |
| 2. Rủi ro về luật pháp | 3 |
| 3. Rủi ro đặc thù | 4 |
| 4. Rủi ro về đợt chào bán | 11 |
| 5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán | 12 |
| 6. Rủi ro quản trị công ty | 13 |
| 7. Rủi ro khác | 14 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM | 16 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH | 17 |
| 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành | 17 |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành | 22 |
| 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành | 24 |
| 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành | 32 |
| 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối | 35 |
| 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành | 36 |
| 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành | 38 |
| 8. Hoạt động kinh doanh | 40 |
| 9. Thông tin về cổ đông lớn, chủ sở hữu công ty, thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên | 82 |
| 10. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng | 82 |
| 11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức | 109 |
| 12. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại | 109 |



| | |
|---|------------|
| 13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành..... | 109 |
| 14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng, liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... | 111 |
| 15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa tích..... | 111 |
| V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... | 112 |
| 1. Kết quả hoạt động kinh doanh..... | 112 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 120 |
| 3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành..... | 128 |
| 4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm..... | 129 |
| 5. Kế hoạch kinh doanh năm 2024..... | 129 |
| 6. Kế hoạch chào bán Trái Phiếu trong vòng 03 năm tiếp theo..... | 131 |
| VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... | 132 |
| 1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán..... | 132 |
| 2. Định nghĩa và nguyên tắc diễn giải..... | 132 |
| 3. Tên Trái Phiếu..... | 135 |
| 4. Mã Trái Phiếu trước khi niêm yết..... | 135 |
| 5. Loại Trái Phiếu..... | 135 |
| 6. Hình thức Trái Phiếu..... | 135 |
| 7. Mệnh giá Trái Phiếu..... | 135 |
| 8. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán..... | 135 |
| 9. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá..... | 135 |
| 10. Kỳ hạn Trái Phiếu..... | 135 |
| 11. Lãi suất..... | 135 |
| 12. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc..... | 137 |
| 13. Giá chào bán..... | 139 |
| 14. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động..... | 139 |
| 15. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu Trái Phiếu..... | 140 |



| | |
|---|-----|
| 16. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu (nếu có) | 144 |
| 17. Cam kết về báo đảm | 144 |
| 18. Nghị quyết người sở hữu Trái Phiếu | 144 |
| 19. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn | 146 |
| 20. Hủy bỏ Trái Phiếu | 146 |
| 21. Phương thức phân phối | 147 |
| 22. Đăng ký mua Trái Phiếu | 147 |
| 23. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu | 148 |
| 24. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu | 149 |
| 25. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành | 149 |
| 26. Các loại thuế liên quan | 149 |
| 27. Thông báo, địa chỉ đăng ký | 151 |
| 28. Thông tin về các cam kết | 151 |
| 29. Luật điều chỉnh | 152 |
| VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN | 153 |
| 1. Mục đích chào bán | 153 |
| 2. Phương án khả thi | 153 |
| VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SƠ TIÊN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 153 | |
| 1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu | 153 |
| 2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư | 154 |
| IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN | 155 |
| 1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán | 155 |
| 2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành về đợt chào bán | 155 |
| 3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán | 155 |
| X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN | 156 |
| XI. PHỤ LỤC | 157 |





NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

- | | |
|-----------------------------|---------------------------|
| - Ông: Phạm Đức Ân | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| - Ông: Phạm Toàn Vượng | - Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| - Ông: Phùng Văn Hưng Quang | - Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện được ủy quyền: Ông Lê Sơn Tùng – Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 88A/QĐ-CT/HĐQT ngày 11/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank tham gia lập tên cơ sở Hợp đồng Tư vấn phát hành, Tư vấn kiểm soát, Đại lý phát hành, Đại lý đăng ký, lưu ký Trái Phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2024 số 23/2024/TPROC/AGRISeco – AGRIBANK ngày 07 tháng 06 năm 2024 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cung cấp.





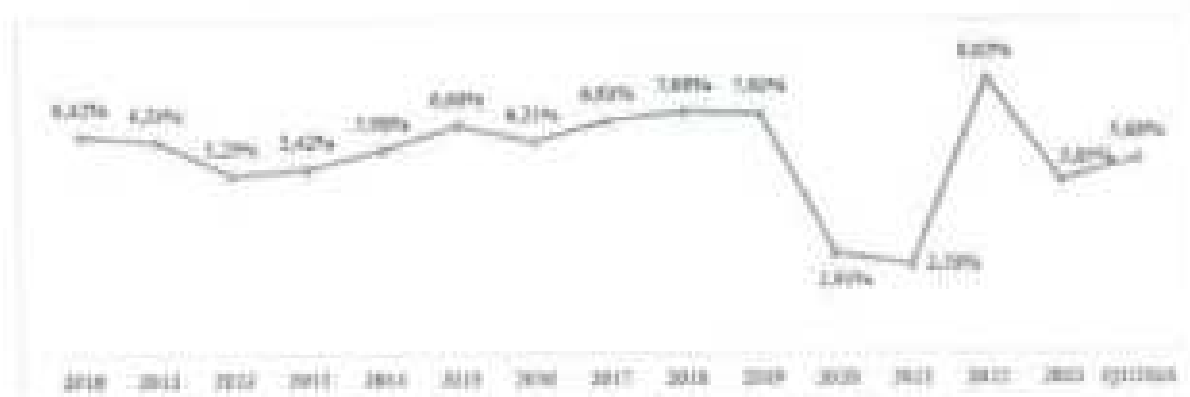
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

L. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại. Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn còn đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Chính phủ tiếp tục thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiểm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định...

GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022 do nền kinh tế khởi phục trở lại. Trung mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%. Trung bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động mạnh và khó đoán định, tăng trưởng ở hầu hết các quốc gia và khu vực cho thấy nhiều bất ổn và thách thức, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được đánh giá cao bởi kết quả thực tế ở các giai đoạn 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2022 đều nằm trong và vượt dự báo tăng trưởng theo kịch bản đưa ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Hình: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Năm 2023, nền kinh tế nước ta tiếp tục phục hồi và tăng trưởng, GDP quy mô 430 tỉ USD, tăng trưởng 5,05%, cao gấp 1,5 lần so với mức tăng trưởng 3,3% của kinh tế toàn cầu. Tuy không đạt mục tiêu 6,5% đề ra nhưng Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất



khu vực và thế giới. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,33%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Tính đến Quý 1/2024, GDP tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức độ tăng trưởng của quý 1 từ năm 2020 đến nay. Điều này cho thấy kinh tế Việt Nam tiếp tục xu hướng phục hồi thời kỳ hậu COVID-19, cũng như thể hiện sức chống chịu tốt trước những bất ổn về địa chính trị trong thời gian qua.

Về tình hình lạm phát, trong quý 1/2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Nhiều quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu yếu khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Ở Việt Nam, chỉ số giá tiêu dùng quý 1/2024 tăng 3,77% so với cùng kỳ năm 2023. Chính phủ đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững kinh tế vĩ mô ổn định, kiểm soát lạm phát, cụ thể như: giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, tuy nhiên không thể đảm bảo rằng nền kinh tế sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai khi mà nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Lạm phát tăng kéo theo chi phí của Tổ Chức Phát Hành tăng, bao gồm chi phí trả lương người lao động, chi phí tài chính, chi phí quản lý khác,... Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí này vào giá dịch vụ cho khách hàng, điều đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Sự suy giảm của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định của pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng tại Việt Nam, trong đó có Agribank. Trong thời gian qua, nhiều văn bản quy phạm



pháp luật mới được ban hành nhằm hoàn thiện các luật cũ không còn phù hợp. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế còn đang phát triển và trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, hệ thống pháp luật tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Vậy đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến các vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan có thẩm quyền.

Rủi ro pháp lý liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đôi tác dẫn đến việc Agribank bị khởi kiện. Rủi ro này có thể phát sinh trong các mảng hoạt động của Agribank, đặc biệt là hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của Agribank chịu sự điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, các văn bản chính sách của NHNN và các bộ ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của NHNN đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Agribank.

Để phòng chống các rủi ro này, Agribank đã thực hiện cơ chế giám sát online hàng ngày qua hệ thống Core Banking và trách nhiệm này được giao cho bộ phận kiểm soát, giám sát. Theo phân cấp, tất cả các chi nhánh đều có phòng/bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Với hệ thống Core Banking nói trên, nếu xuất hiện rủi ro, hệ thống có thể cập nhật kịp thời các cảnh báo, đồng thời chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính, đảm bảo sự chính xác trong khâu tác nghiệp của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Agribank chủ động tiến hành phân tích thị trường, nghiên cứu kỹ lưỡng và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm ứng phó được với những thay đổi về khung pháp lý. Đồng thời, Agribank có các đơn vị nghiệp vụ tại trụ sở chính với chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ; thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ về tính thích hợp, tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật và các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank.

Agribank cũng đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản. Bộ phận pháp chế của ngân hàng chịu trách nhiệm tư vấn hoàn thiện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý, phù hợp với quy định pháp luật. Agribank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Agribank.



Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng vô tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng... Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của Agribank và đòi hỏi Agribank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Trong những năm gần đây, hoạt động của doanh nghiệp và người dân vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và những diễn biến bất lợi của nền kinh tế; nhiều khoản nợ cơ cấu giữ nguyên nhằm nợ do khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 không có khả năng trả được nợ khi đến hạn theo thời hạn cơ cấu, tiềm ẩn khả năng chuyển nợ xấu; công tác thu hồi nợ đến hạn, nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro vẫn gặp nhiều khó khăn.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các NHTM Việt Nam nói chung và Agribank nói riêng do các khoản cho vay khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của các NHTM, nguồn thu từ hoạt động tín dụng cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu và đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của các NHTM. Rủi ro tín dụng có thể dẫn tới tổn thất về tài sản, sụt giảm thu nhập, lợi nhuận và giảm khả năng thanh toán của ngân hàng. Do đó, Agribank thường xuyên và luôn quan tâm chú trọng đến rủi ro tín dụng, xác định giới hạn mức rủi ro hợp lý, đồng thời chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Để kiểm soát nợ xấu, Agribank đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp như sau:

- Một là, theo định hướng của Ban điều hành, đảm bảo kế hoạch do NHNN giao năm 2024, Agribank đã rà soát từng chi nhánh trên cơ sở nợ xấu thực hiện năm 2023, kế hoạch chi nhánh xây dựng để giao chỉ tiêu tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu và nợ có khả năng mất vốn cho từng Chi nhánh phù hợp đảm bảo mục tiêu, định hướng nợ xấu của Agribank. Thường xuyên cập nhật, đánh giá tình hình khả thi của phương án xử lý nợ xấu để đảm bảo hoàn thành kế hoạch tỷ lệ nợ xấu do NHNN giao năm 2024. Đến thời điểm 31/3/2024 tỷ lệ nợ xấu của Agribank là 1,98% theo Thông tư 11. Agribank quyết liệt áp dụng các biện pháp xử lý nợ đảm bảo tỷ lệ nợ xấu 30/6/2024 và 31/12/2024 dưới 2% (đảm bảo hoàn thành kế hoạch NHNN giao năm 2024).
- Hai là, xây dựng phương án xử lý, thu hồi nợ xấu toàn hệ thống năm 2023 và phương án nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Thuộc phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025). Trên cơ sở đó, thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai phương án của các chi nhánh, theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo các chi nhánh rà soát, xây dựng lộ trình, biện pháp xử lý thu hồi nợ phù hợp đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng cụ thể cũng như cập nhật tiến độ thu hồi các khoản nợ xấu. Phấn đấu đến cuối năm 2025 tỷ lệ nợ xấu, nợ tiềm ẩn chuyển xấu ở mức dưới 3%, hoàn thành Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử



lý nợ xấu giai đoạn 2021-2023.

- Ba là, Agribank đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề và tổ chức triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo tại Trụ sở chính, Văn phòng Đại diện khu vực và các Chi nhánh Loại I; phân công nhiệm vụ và triển khai một số nội dung của Ban chỉ đạo xử lý nợ có vấn đề.
- Bốn là, giám sát việc thực hiện theo kế hoạch được giao của các chi nhánh: Cập nhật tình hình các nhóm nợ của chi nhánh để theo dõi sự biến động, cũng như hỗ trợ các Chi nhánh xử lý các tình huống phát sinh hằng ngày. Với chi nhánh có phát sinh nợ xấu cao, thành lập đoàn công tác làm việc với Chi nhánh để nắm bắt tình hình thực tế cũng như đôn đốc, hỗ trợ và chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát tốt nợ tiềm ẩn phát sinh nợ xấu, xử lý thu hồi nợ xấu.
- Năm là, áp dụng linh hoạt, đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế về xử lý nợ để tăng cường quản lý, giám sát và chỉ đạo các chi nhánh trong công tác xử lý, thu hồi nợ.
- Sáu là, tăng cường rà soát các khoản nợ tiềm ẩn, nợ xấu; thường xuyên cảnh báo tới chi nhánh để kịp thời triển khai các biện pháp xử lý thu hồi nợ.
- Bảy là, kịp thời kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chi nhánh về việc quyết liệt triển khai các biện pháp xử lý, thu hồi nợ xấu.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối; rủi ro giá cổ phiếu; rủi ro giá hàng hóa.

- Rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng. Sự thay đổi (tăng hoặc giảm) của lãi suất trên thị trường, rủi ro phát sinh từ các yếu tố liên quan đến đơn vị phát hành công cụ tài chính mà Ngân hàng đang nắm giữ ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị thị trường của công cụ tài chính, có thể dẫn đến sự suy giảm về lợi nhuận và lợi tức Ngân hàng nhận được từ công cụ tài chính đó.
- Rủi ro ngoại hối là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị các tài sản và khoản nợ bằng ngoại tệ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của ngân hàng.
- Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của Ngân hàng. Biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến giá trị các khoản đầu tư và kết quả hoạt động đầu tư của Ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm tài sản và lợi nhuận của Ngân hàng.
- Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng. Biến động giá hàng hóa ảnh hưởng đến giá trị các sản phẩm phái sinh và kết quả hoạt động đầu tư của ngân hàng, có thể dẫn tới suy giảm lợi nhuận của Ngân



hàng.

Để đo lường và kiểm soát rủi ro thị trường, Agribank áp dụng các công cụ, phương pháp, mô hình đo lường rủi ro như trạng thái mô thuận (NUP), phương pháp, mô hình định giá giá trị thị trường đối với danh mục ngoại hối, giấy tờ có giá và phương pháp VaR lịch sử đối với danh mục ngoại hối; đồng thời thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro thị trường như: hạn mức trạng thái ngoại tệ, hạn mức lỗ trong kinh doanh ngoại tệ, hạn mức trạng thái vàng... Công tác quản lý rủi ro thị trường cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của NHNN và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh, đảm bảo Agribank luôn duy trì trạng thái rủi ro thị trường tuân thủ khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro của Agribank và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

3.3. Rủi ro lãi suất trên Sở ngân hàng

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro đặc thù của ngân hàng, xảy ra khi có sự chênh lệch giữa lãi suất huy động đầu vào và lãi suất đầu ra do biến động của thị trường và chênh lệch giữa các kỳ hạn huy động và kỳ hạn đầu tư. Sự biến động của lãi suất thị trường có thể tác động tiêu cực tới lợi nhuận của Ngân hàng do làm tăng chi phí, giảm thu nhập của Ngân hàng.

Rủi ro lãi suất trên Sở ngân hàng là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Agribank phát sinh do: Chênh lệch thời điểm đảo định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đảo hạn; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái kho hũ tài sản nhạy cảm với lãi suất mà thu nhập thuần hay vốn chủ sở hữu của Agribank có thể bị ảnh hưởng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Agribank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- HĐQT Agribank đã ban hành quy định quản lý rủi ro lãi suất trên sở ngân hàng trong hệ thống Agribank. Hiện đang xây dựng và hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro lãi suất trên sở ngân hàng đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT - NHNN và tiến tới hoàn thiện quy định của Basel II.
- Agribank đang tiến hành thử nghiệm và hoàn thiện các phương pháp, công cụ đo lường rủi ro lãi suất trên Sở ngân hàng nhằm theo dõi, nhận định, đo lường và kiểm soát rủi ro lãi suất trên Sở ngân hàng, đảm bảo trạng thái rủi ro luôn tuân thủ các giới hạn cho phép.
- Thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay cũng như điều chỉnh lại cơ cấu giữa huy động vốn và sử dụng vốn. Để tránh rủi ro lãi suất, Agribank thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường để điều chỉnh lãi suất trên toàn hệ thống đảm bảo chính





lịch đầu ra đầu vào thực dương.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng (ngoại trừ các tác động về danh tiếng có nguyên nhân từ rủi ro hoạt động).

Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh mẽ sản phẩm dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác hoặc thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các rủi ro hoạt động liên quan đến ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba.

Agribank đang áp dụng 02 phương pháp đo lường rủi ro hoạt động (sử dụng các phát hiện của Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán, thu thập, phân tích số liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài), đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

Căn cứ kết quả nhận dạng, đo lường và theo dõi rủi ro hoạt động, Agribank thực hiện kiểm soát rủi ro hoạt động thông qua hoạt động kiểm soát nội bộ; thiết lập hạn mức rủi ro hoạt động, giảm sát mức độ rủi ro hoạt động theo hạn mức; triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro hoạt động phù hợp (gồm giảm thiểu rủi ro, chuyển giao, chấp nhận rủi ro, phòng tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro), báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro hoạt động, xử lý kịp thời các sự kiện rủi ro hoạt động.

Xây dựng phương án, kế hoạch dự trù hoạt động liên tục trong những trường hợp gián đoạn hoạt động do mất tài liệu, cơ sở dữ liệu quan trọng; hệ thống công nghệ thông tin bị sự cố; các sự kiện bất khả kháng (thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, chiến tranh, ...) nhằm chủ động ứng phó, khôi phục các hoạt động kinh doanh trong thời gian sớm nhất, giảm thiểu các ảnh hưởng có thể xảy ra.

3.5. Rủi ro về Phòng, chống rửa tiền

Để tuân thủ các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền và quản lý rủi ro rửa tiền, Agribank đã ban hành các văn bản quy định nội bộ về Phòng, chống rửa tiền và tài trợ không rõ (PCRT và TTKB); thực hiện đầy đủ các biện pháp nhận biết khách hàng, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, giám sát giao dịch, báo cáo và lưu trữ, báo mật thông tin theo quy định; cung cấp thông tin theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện đào tạo và kiểm toán nội bộ phòng, chống rửa tiền định kỳ hàng năm nhằm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ am hiểu về quy định, trách nhiệm trung công tác PCRT và TTKB, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác PCRT và TTKB.

3.6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Agribank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Agribank có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Agribank. Rủi ro





thành khoản có thể làm giảm thu nhập, uy tín của ngân hàng, nghiêm trọng hơn có thể khiến ngân hàng mất khả năng thanh toán. Agribank đã ban hành quy định, quy trình quản lý rủi ro thanh khoản trong hệ thống Agribank, qua đó Agribank luôn đảm bảo khả năng thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Rủi ro thanh khoản bao gồm:

a) Rủi ro thanh khoản thị trường

Là tình trạng ngân hàng gặp khó khăn trong việc bù đắp thiếu hụt thanh khoản thông qua việc chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền ở mức giá của thị trường.

b) Rủi ro thanh khoản nguồn vốn

Là tình trạng ngân hàng thiếu khả năng thanh toán, không đáp ứng ngay được các nghĩa vụ chi trả hiện tại và trong tương lai theo dự kiến và phát sinh đột xuất.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Agribank đã triển khai thực hiện đầy đủ quy định của NHNN thông qua các phương pháp sau: phương pháp đồng tiền thông qua báo cáo khe hở thanh khoản và phương pháp dựa trên chỉ số của bảng cân đối (bao gồm tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ Dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi; tỷ lệ Vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung, dài hạn). Ban Quản lý tài sản Nợ-tài sản Có, Trung tâm Quản lý rủi ro Phi tín dụng phối hợp với các đơn vị liên quan thường xuyên xem xét và tính toán các tỷ lệ khả năng thanh khoản và có biện pháp đảm bảo tỷ lệ khả năng thanh khoản trong từng khoảng thời gian tiếp theo. Agribank cũng đã xây dựng kế hoạch dự phòng trường hợp xảy ra khủng hoảng thanh khoản và cách đối phó trong từng thời kỳ. Với sự phát triển ổn định, khả năng nắm bắt và theo dõi kịp thời biến động vốn khả dụng, Agribank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản và đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Hơn nữa, Agribank duy trì khối lượng tài sản có tính thanh khoản cao đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường; tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo thanh khoản theo quy định của NHNN; và luôn sẵn sàng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở với NHNN để điều hòa thanh khoản của hệ thống. Agribank cũng thiết lập và duy trì quan hệ hạn mức giao dịch với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

3.7. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do NHTM, chủ nhân ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của NHTM, chủ nhân ngân hàng nước ngoài. Hiện nay, tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt gần 70% tổng dư nợ của Agribank. Vì vậy, những thay đổi về môi trường, sự xuất hiện của dịch bệnh hay những chính sách tác động đến khu vực nông nghiệp, nông thôn có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, thu nhập, lợi nhuận và triển vọng phát triển của Agribank.



Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

3.8. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Agribank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này đã tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Các hoạt động ngoại bảng (như cam kết bảo lãnh thanh toán, cam kết trong nghiệp vụ L/C, ...) là các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn do khi khách hàng vi phạm thỏa thuận với bên thứ ba, Ngân hàng sẽ phải thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba và các khoản nợ tiềm ẩn này sẽ thành nghĩa vụ nợ thực sự, dẫn tới gia tăng chi phí trích lập, giảm lợi nhuận và suy giảm tài sản của Ngân hàng.

Để giảm thiểu rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, Agribank đã xây dựng, sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định về công tác tín dụng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ, đảm bảo ngăn ngừa các yếu tố tiềm ẩn rủi ro; xử lý nghiêm túc và cá nhân liên quan các tồn tại vi phạm; tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn các quy định pháp luật, các quy định, quy trình của Agribank cho cán bộ toàn hệ thống.

3.9. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Ngày nay, hệ thống công nghệ thông tin là một phần rất quan trọng trong hoạt động của một ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên, như bất kỳ hệ thống công nghệ nào khác, hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng cũng mang theo các rủi ro tiềm ẩn như: rủi ro bảo mật; rủi ro liên quan đến khách hàng; rủi ro liên quan đến sự cố kỹ thuật; rủi ro liên quan đến quản lý hệ thống. Việc vận hành tốt hệ thống công nghệ thông tin liên quan đến công tác kế toán, tài chính, quản lý rủi ro, phân tích tín dụng và báo cáo, dịch vụ khách hàng và các vấn đề khác, cũng như việc truyền thông suốt giữa các đơn vị và trung tâm xử lý dữ liệu chính, có tính quyết định đối với công việc kinh doanh và khả năng cạnh tranh hiệu quả của ngân hàng. Các hoạt động kinh doanh có thể bị gián đoạn nếu hệ thống công nghệ thông tin vận hành không tốt.

Vì vậy, nhằm đáp ứng các quy định của Nhà nước (Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chủ thành ngân hàng nước ngoài; Thông tư 09/2020/TT-NHNN Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng;...) và bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin khỏi các rủi ro tiềm ẩn nêu trên, Agribank đã chủ động ban hành các chính sách, quy định nội bộ về an toàn hệ thống công nghệ thông tin. Đồng thời, Agribank cũng thường xuyên chủ động định kỳ rà soát, cập nhật rủi ro và lên phương án phòng ngừa rủi ro. Trong đó, tại Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030, Agribank đã đưa ra các giải pháp quản lý rủi ro hệ thống công nghệ thông tin như: Xây dựng kiểm soát an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu mới của ứng dụng và nghiệp vụ; Giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP); Đầu tư hệ thống kiểm soát



an ninh bảo mật ứng dụng; Đầu tư hệ thống quản lý sổ hồng và địa sản; Triển khai dịch vụ an ninh bảo mật phòng chống tấn công từ xa;....

3.10. Rủi ro đối thủ cạnh tranh

Agribank hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các Ngân hàng khác (bao gồm cả NHNN có vốn Nhà nước chi phối khác, NHNN cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam). Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa rộng hơn với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại thế kỷ mới hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Số lượng các công ty Fintech tham gia cung ứng dịch vụ trên thị trường Việt Nam đã tăng hơn hai lần từ con số khoảng 40 công ty cuối năm 2016 lên tới gần 100 công ty ở thời điểm hiện tại, trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Đến nay, Việt Nam có 48 công ty Fintech và 48% công ty tham gia vào hoạt động thanh toán, cung cấp cho khách hàng và các nhà bán lẻ các dịch vụ thanh toán trực tuyến hoặc các giải pháp thanh toán kỹ thuật số (JC3P, VTPay, OnePay, VTCPay, BankPlus, VimaPay, VNPAY, Sengpay, NgânLương, ZingPay, BaoKim, 123Pay,...). Bên cạnh đó, tại Việt Nam thời gian qua các công ty Fintech phát triển khá mạnh mẽ, tận dụng những lợi thế mạnh để cung ứng các dịch vụ, giải pháp tài chính an toàn và thuận tiện cho người sử dụng. Báo cáo thị trường Fintech Việt Nam 2022 của NHNN, trong số hơn 260 công ty hoạt động trong lĩnh vực Fintech tại Việt Nam vào cuối năm 2022, 81 công ty hoạt động trong mảng dịch vụ thanh toán (chiếm 31,1% tổng số lượng công ty Fintech tại Việt Nam), 42 công ty hoạt động trong mảng cho vay khách hàng (P2P Lending) (14,7%); 31 công ty hoạt động trong mảng Blockchain/Crypto (tiền điện tử) (11,9%).

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán

Đợt phát hành Trái Phiếu ra công chúng của Agribank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên sẽ có rủi ro về khả năng thành công của đợt chào bán trong trường hợp không bán hết số lượng Trái Phiếu dự kiến phát hành. Ngoài ra, trường hợp có nhiều TCTD khác phát hành Trái Phiếu với cùng đặc điểm, cùng loại Trái phiếu, cùng kỳ hạn và trong cùng khoảng thời gian chào bán với Trái Phiếu của Agribank sẽ làm gia tăng tình cạnh tranh giữa các sản phẩm Trái Phiếu, do đó có thể dẫn tới những rủi ro bất lợi về khả năng hấp thụ thành công khối lượng Trái Phiếu đã đăng ký chào bán của Agribank. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng Trái Phiếu đã đăng ký, Agribank sẽ sử dụng các nguồn vốn huy động trung và dài hạn thông thường để cân đối phù hợp với tình hình thực tế của thị trường.

b) Rủi ro của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành Trái Phiếu được sử dụng để tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, tăng trưởng thêm nguồn vốn dài hạn



đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế chung theo kế hoạch kinh doanh được phê duyệt. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất... đã đề cập ở trên.

5. Rủi ro đối với Trái Phiếu chào bán

a) Trái Phiếu không phải là khoản nợ có đảm bảo

Nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu sẽ được đáp ứng từ các nguồn như sau: Nguồn thu nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu của Agribank; Nguồn vốn tích lũy của Agribank; Nguồn vốn huy động khác và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank. Tuy nhiên, nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành không được đảm bảo bằng bất kỳ tài sản nào của Tổ Chức Phát Hành hay bên thứ ba nào khác. Do đó, người sở hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền đòi thanh toán trực tiếp bằng các tài sản của Tổ Chức Phát Hành hay của bên thứ ba nào khác.

b) Trái Phiếu là nợ thứ cấp

Trái Phiếu là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành. Theo đó, trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản hay giải thể, người sở hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán Trái Phiếu sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có đảm bảo và không có đảm bảo khác của Tổ Chức Phát Hành. Với điều kiện này, khi Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản hay giải thể, người sở hữu Trái Phiếu có thể sẽ không hoàn toàn được vốn đầu tư vào Trái Phiếu.

c) Lãi Trái Phiếu có thể bị tạm ngừng trả

Theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành sẽ dự chi cho tiền lãi Trái Phiếu hàng năm, tuy nhiên không có gì đảm bảo rằng Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải thực hiện quyền tạm ngừng trả lãi nếu kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các yếu tố khác, trong đó có các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này. Lãi sau khi được tạm ngừng trả, sẽ được kết chuyển sang năm tiếp theo và sẽ được thanh toán theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

d) Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường và không có gì đảm bảo rằng thị trường giao dịch của Trái Phiếu sẽ phát triển hơn trong tương lai. Ngoài ra, Trái Phiếu có thể được giao dịch trên thị trường với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành tùy thuộc vào nhiều yếu tố kể cả lãi suất áp dụng tại thời điểm đó, tình hình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và thị trường đối với những chứng khoán tương tự.



c) Phát hành thêm chứng khoán

Tùy từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức mà Tổ Chức Phát Hành cho là phù hợp, kể cả việc phát hành thêm chứng khoán nợ (với các điều khoản và điều kiện tương tự như Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và hoặc các điều khoản và điều kiện khác), phụ thuộc vào việc xin được các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng việc huy động vốn theo các cách thức nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

f) Bảo hiểm tiền gửi

Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân cần biết rằng Trái Phiếu mà họ sở hữu sẽ không được hưởng chế độ bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật Việt Nam (Luật Bảo hiểm Tiền gửi số 06/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 18/06/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan).

g) Tiền lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Tiền lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế. Nhà đầu tư cần biết rằng các khoản thanh toán của Agribank cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải chịu thuế và Agribank không có nghĩa vụ đóng thuế đánh trên các khoản thanh toán đó. Agribank hoặc Đại Lý Thanh Toán có thể phải khấu trừ khoản thuế phải nộp trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và nộp các khoản thuế đó cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Xem thêm tại Khoản 26 Mục VI).

h) Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu có thể bị giới hạn theo quy định của NHNN

Hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do tổ chức tín dụng và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên, để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, trong tương lai, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với Trái Phiếu doanh nghiệp và/hoặc Trái Phiếu do các tổ chức tín dụng dẫn tư và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng bởi tổ đối với các Trái Phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp. Trong những năm gần đây, quản trị rủi ro ngày càng gắn liền với các hoạt động của doanh nghiệp. Xu hướng này bao gồm cả việc các doanh nghiệp sẵn sàng đầu tư một phần nguồn lực nhằm nâng cao mối liên hệ giữa việc chấp nhận rủi ro và thu nhập của doanh nghiệp, đồng thời việc thiết lập quản trị rủi ro đã mạnh mẽ là một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách ở cấp độ quản lý của doanh nghiệp.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn



hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Cơ cấu điều hành và quản trị của Agribank được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Agribank còn được kiểm soát chặt chẽ. Do đó các hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Người ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành góp đội ngũ quản trị của Agribank có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

a) Điều lệ của Agribank

Ngày 18/01/2024, Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (Luật các tổ chức tín dụng năm 2024) đã được Quốc hội thông qua. Trước thời điểm này, Agribank đã xây dựng Dự thảo Điều lệ phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 để thay thế Điều lệ hiện hành và có bốn (04) văn bản gửi Chủ sở hữu – NHNN xem xét, cụ thể: Văn bản số 396/HĐTV-PC ngày 30/6/2020, Văn bản số 681/HĐTV-PC ngày 14/9/2020, Văn bản số 119/HĐTV-PC ngày 18/3/2021 và Văn bản số 11712/NHNo-PC ngày 20/12/2021. Đồng thời, ngày 04/03/2022 Agribank đã có văn bản số 101/HĐTV-PC, ngày 14/04/2022 Agribank đã có văn bản số 2922/NHNo-PC và ngày 16/02/2023 Agribank đã có văn bản số 1469/NHNo-PC gửi NHNN qua cơ quan Thanh tra, giám sát NHNN xem xét, có ý kiến đề Agribank tiếp thu, giải trình các nội dung tại Dự thảo Điều lệ. Ngày 22/09/2023, Tổng Giám đốc Agribank đã có văn bản số 10974/NHNo-PC gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị NHNN tổ chức một buổi làm việc để Agribank có điều kiện giải trình, lĩnh hội các ý kiến còn vướng mắc về dự thảo Điều lệ mới của Agribank. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét Dự thảo Điều lệ của Agribank, NHNN đã xin ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thẩm quyền ban hành Điều lệ của Agribank hiện nay có sự khác nhau giữa Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 để xác định thẩm quyền ban hành Điều lệ của Agribank. NHNN đã có Tờ trình trình Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền ban hành Điều lệ của Agribank.

Sau khi Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 được thông qua (chính thức có hiệu lực vào ngày 01/7/2024), Agribank đã chủ động rà soát, cập nhật dự thảo Điều lệ mới để đáp ứng các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Ngày 18/6/2024, Agribank đã có văn bản số



393/HDTV-PC gửi Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo đó Agribank đề nghị NHNN xem xét, quyết định ban hành hoặc ủy quyền/chỉ đạo Hội đồng thành viên Agribank ban hành Điều lệ mới. Ngày 19/6/2024, Tổng Giám đốc Agribank đã có văn bản số E164/NHNo-PC ngày 19/6/2024 gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng bố trí 01 buổi làm việc trực tiếp trong tuần từ 24 – 28/6/2024 để Agribank báo cáo, giải trình và lĩnh hội các ý kiến của NHNN đối với dự thảo Điều lệ đã trình ngày 18/6/2024.

Agribank sẽ tiếp tục trao đổi, làm việc với NHNN để được ban hành Điều lệ mới phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Agribank sẽ thực hiện ban hành Điều lệ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

b) Sự kiện bất khả kháng

Bên cạnh đó, một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, động đất, hạn hán, hóa học, dịch bệnh... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và các ngành chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, tác động ít nhiều đến hoạt động của Agribank, đặc biệt đây là lĩnh vực đầu tư chính của Agribank.



III. CÁC KHÁI NIỆM

| | | |
|----------------------------|---|--|
| Bản Cáo Bạch | : | Bản Cáo Bạch này là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về Trái Phiếu chào bán, tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu. |
| Tổ Chức Phát Hành/Agribank | : | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam |
| Tổ chức tư vấn/Agrieco | : | Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank |
| NHTM | : | Ngân hàng thương mại |
| TCTD | : | Tổ chức tín dụng |
| CTCP | : | Công ty cổ phần |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| NHNN | : | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| TMCP | : | Thương mại cổ phần |
| HD/V | : | Hội đồng thành viên |
| BKS | : | Ban kiểm soát |
| SXKD | : | Sản xuất kinh doanh |
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| ATM | : | Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động |
| KHNN | : | Kho học Nhà nước |
| NSNN | : | Ngân sách Nhà nước |
| VSDC | : | Tổng Công ty Lưu ký và Bộ trừ Chứng khoán Việt Nam |
| SGDCK | : | Sổ Giao dịch Chứng khoán |
| UBCKNN | : | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước |
| CK | : | Chứng khoán |
| TCKT | : | Tổ chức kinh tế |
| NHDL | : | Ngân hàng đại lý |

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.





IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

| | |
|---|---|
| • Tên đầy đủ tiếng Việt | : NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM |
| • Tên giao dịch quốc tế | : VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT |
| • Tên viết tắt | : AGRIBANK |
| • Trụ sở chính | : Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội |
| • Điện thoại | : 024. 3772 2773 Fax: 024. 3831 4069 |
| • Website | : www.agribank.com.vn |
| • Logo |  |
| • Vốn thực góp của chủ sở hữu đến 31/03/2024 | : 41.268.833 triệu đồng (tại thời điểm 31/03/2024 theo BCTC hợp nhất Quý 1/2024). |
| • Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 11/01/2024 | : 40.962.923.001.584 đồng (Vốn điều lệ thực góp của chủ sở hữu đến ngày 31/03/2024 lớn hơn vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 11/01/2023 là do từ Trái Phiếu Chính phủ được ghi tăng vốn điều lệ theo Thông tư số 190/2002/TT-BTC ngày 4/11/2002 của Bộ Tài chính. Agribank đang hoàn thiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ nên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) |
| • Vốn chủ sở hữu | : 105.650.724 triệu đồng (tại thời điểm 31/03/2024 theo BCTC hợp nhất Quý 1/2024). |
| • Giấy phép thành lập và hoạt động | : Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 24/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 26/5/2021. |
| • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | : Số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 26/02/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/01/2024. |
| • Người đại diện theo pháp luật | : Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| • Mã số thuế | : 0100686174 |
| • Mã cổ phiếu | : Không có |



➤ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

Agribank tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ Agribank, và phù hợp với quy định của pháp luật. Hoạt động kinh doanh chính của Agribank bao gồm:

| STT | Tên ngành |
|-----|---|
| 1 | Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. |
| 2 | Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bảo thanh toán trong nước. |
| 3 | Mở tài khoản cho khách hàng. |
| 4 | Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thu tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. |
| 5 | Mở tài khoản; a) Mở tài khoản tại NHNN; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. |
| 6 | Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. |
| 7 | Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. |
| 8 | Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. |
| 9 | Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. |
| 10 | Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. |
| 11 | Dịch vụ môi giới tiền tệ. |
| 12 | Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN. |
| 13 | Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN. |



| STT | Tên ngành |
|-----|---|
| 14 | Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. |
| 15 | Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. |
| 16 | Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. |
| 17 | Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định. |
| 18 | Lưu ký chứng khoán. |
| 19 | Kinh doanh mua, bán vàng miếng. |
| 20 | Mua nợ. |

➤ Các giải thưởng và danh hiệu, xếp hạng tín nhiệm

- 13 năm đạt "TOP10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam".
- Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2021.
- 03 năm 2018, 2020, 2022 đạt "Thương hiệu Quốc gia".
- 03 năm liên tiếp đạt "Ngân hàng tiêu biểu vì Cộng đồng"; "Ngân hàng tiêu biểu về hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp công nghệ cao"; "Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh".
- 06 năm liên tiếp từ năm 2016 đến nay đạt 10 giải thưởng Sao Khuê do Hệ thống/phần mềm công nghệ thông tin xuất sắc trong lĩnh vực Tài chính/Ngân hàng.
- 06 năm liên tiếp từ năm 2016 đến nay thuộc Top đầu trong danh sách Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
- Đạt 12 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2023.
- "Ngân hàng thực hiện trách nhiệm xã hội và chương trình xanh của năm" và "Ngân hàng có giải pháp thanh toán trên điện thoại tốt nhất của năm" (phạm vi Việt Nam); "Ngân hàng bán lẻ nội địa tốt nhất năm tại Việt Nam 2020" do tổ chức Asian Banking & Finance trao tặng.
- 03 năm liên tiếp là ngân hàng xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu năm (2020, 2021, 2022) theo đánh giá của Công ty tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới Brand Finance.
- Nhiều năm liên tục nhận giải thưởng về "Tỷ lệ điện đạt chuẩn cao" do Ngân hàng Bank of New York Mellon và Citibank trao tặng.
- Ngân hàng có thể hạng cao nhất trong số những ngân hàng Việt Nam tại bảng xếp hạng 500 ngân hàng hàng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương về quy mô tài sản trong năm 2021 được tạp chí The Asian Banker công bố.
- Thương hiệu Quốc gia Việt Nam năm 2022.





- Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2022,2023 (Agribank xếp vị trí thứ 6 trong TOP 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam).
- Giải thưởng Doanh nghiệp Chuyển đổi số xuất sắc Việt Nam năm 2022 – hạng mục Sản phẩm công nghệ số tiêu biểu, đồng thời Hệ thống hạ tầng thanh toán tập trung của Agribank được vinh danh tại hạng mục Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc của Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam năm 2022 do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) trao tặng.
- Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức "Ba3" lên mức "Ba2" với triển vọng "Ổn định" năm 2022.
- Được vinh danh Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc và sản phẩm công nghệ số tiêu biểu năm 2022.
- Thuộc TOP10 Thương hiệu mạnh Việt Nam lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng năm 2022.
- Đạt 13 giải thưởng Sao Khuê từ năm 2016 đến năm 2024.
- 03 năm liên tiếp đạt ""Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh"".
- Giải thưởng Ngân hàng có mạng lưới ATM tốt nhất, dẫn đầu về chuyển đổi thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS do Công ty CP Thanh toán quốc gia Việt Nam (NAPAS) trao tặng. Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ toàn vẹn dữ liệu cao nhất do Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh.
- Giải thưởng Ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng doanh số sử dụng thẻ ghi nợ, tăng trưởng tỷ lệ giao dịch thanh toán chạm, phát triển thẻ ghi nợ và doanh số thanh toán thẻ do các Tổ chức Thẻ quốc tế trao tặng (JCB, Visa, MasterCard).
- Agribank – Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng tỉ lệ giao dịch thanh toán chạm.
- Top 10 thương hiệu mạnh ngành Ngân hàng Tài chính nhiều năm.
- Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín nhiều năm.
- Bảng khen của Thống đốc NHNN về thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số ngành Ngân hàng năm 2023.
- Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam 2022-2023 do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VNEconomy) trao tặng.
- Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2023 do Brand Finance bình chọn.
- Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 theo bảng xếp hạng của VNR500.
- Năm 2023, Agribank được Moody's giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm ở mức Ba2, triển vọng ổn định.
- Năm 2023, Fitch Ratings xếp hạng Agribank là nhà phát hành dài hạn ở mức BB+ với triển vọng "Ổn định", bằng với trần xếp hạng quốc gia và là mức xếp hạng cao nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam).
- Trong 03 năm 2020, 2022 và 2023, Agribank nhận Giải thưởng "Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc" do các ngân hàng uy tín trên thế giới trao tặng (J.P Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank New York, The Bank of New York Mellon và Citibank).



- Giải thưởng Ngân hàng giao dịch trái phiếu xuất sắc năm 2022, 2023 do London Stock Exchange Group (LSEG) trao tặng.
- Giải thưởng top 3 thành viên giao dịch đặc biệt cổ thị phần giao dịch lớn nhất năm 2022 do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trao tặng.

➤ **Tầm nhìn, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, triết lý kinh doanh**

- **Tầm nhìn:** Tăng trưởng an toàn- Hiệu quả- Bền vững, đủ sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, Kỳ cương, Sáng tạo, Chất lượng, Hiệu quả.
- **Sứ mệnh:** Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam; giữ vai trò chủ lực trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- **Triết lý kinh doanh:** Mang phần thành đến khách hàng.

➤ **Trách nhiệm xã hội**

Là một trong các ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chủ lực trong hệ thống ngân hàng, bên cạnh hoạt động kinh doanh, Agribank tích cực triển khai công tác hỗ trợ an sinh xã hội trên khắp cả nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Hàng năm, Agribank đều dành hàng trăm tỉ đồng để thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, quan tâm chia sẻ và hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, dịch bệnh.

Năm 2022, Agribank dành nguồn kinh phí hơn 230 tỷ đồng tài trợ cho các địa phương có huyện nghèo, hỗ trợ xây dựng hơn 2.000 căn nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho người nghèo và đối tượng chính sách trong cả nước (đều biểu trao tặng 1.000 căn nhà đại đoàn kết với tổng trị giá 5 tỷ đồng/tỉnh cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn). Agribank tiếp tục vận động cam kết trong toàn hệ thống đóng góp tiền lương và sử dụng nguồn lực hoạt động kinh doanh để tiếp tục thực hiện tốt công tác từ thiện, an sinh xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, tài trợ y tế giáo dục, hỗ trợ giải quyết hậu quả dịch bệnh, thiên tai... với tổng số tiền 600 tỷ đồng.

Trong năm 2023, từ lợi nhuận kinh doanh, Agribank đã dành hơn 560 tỷ đồng kinh phí cho các chương trình an sinh, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế; xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết; xóa đói giảm nghèo; đền ơn đáp nghĩa; khắc phục hậu quả thiên tai. Trong đó, riêng kinh phí đầu tư cho giáo dục hơn 151 tỷ đồng; đầu tư xây dựng công trình và mua sắm thiết bị y tế hơn 107 tỷ đồng; kinh phí dành để xây dựng nhà ở cho người nghèo hơn 189 tỷ đồng; hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai hơn 41 tỷ đồng; kinh phí dành cho các hoạt động xã hội khác là hơn 72 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2019-2023, tổng kinh phí Agribank dành cho các hoạt động an sinh xã hội của Agribank là hơn 2.160 tỷ đồng.



Tiếp tục phát huy trách nhiệm với xã hội đối với cộng đồng trong nhiều năm qua, vào dịp tốt nguyên đán năm 2024, Agribank đã dành hơn 100 tỷ đồng trao quà, hỗ trợ cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách đón Tết.

Với những đóng góp tích cực cho công tác an sinh xã hội trong nhiều năm qua, Agribank được các tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận là Ngân hàng vì cộng đồng; Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong thời kỳ đổi mới; Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và phát triển cộng đồng; Ngân hàng thực hiện tốt trách nhiệm xã hội khu vực Đông Nam Á... Hình ảnh thương hiệu gắn liền với dấu ấn "Agribank – Ngân hàng vì cộng đồng" đã lan tỏa mọi miền Tổ quốc, đến tận vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

| NĂM | MỐC LỊCH SỬ |
|------|---|
| 1988 | Thành lập ngày 26/03/1988 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp Việt Nam. |
| 1990 | Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam. |
| 1995 | Thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo, nay là Ngân hàng Chính sách Xã hội, tách ra từ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam. |
| 1996 | Đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank). |
| 2003 | Được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. |
| | Triển khai hiện đại hóa hệ thống thanh toán và kế toán khách hàng (IPCAS) tại các chi nhánh của Agribank. |
| 2005 | Mô Văn phòng đại diện đầu tiên tại nước ngoài đầu tiên tại Campuchia. |
| 2007 | Được Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) xếp hạng là Doanh nghiệp số 1 Việt Nam. |
| 2008 | Kỷ niệm 20 năm thành lập. |
| | Được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì. |
| | Đảm nhận chức Chủ tịch Hiệp hội Tín dụng Nông nghiệp và Nông thôn Châu Á – Thái Bình Dương (APRACA). |
| | Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt. |
| 2009 | Vinh dự được đón Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tới thăm và làm việc. |
| | Lần thứ 2 đạt Giải thưởng TOP 10 Sao vàng đất Việt. |
| | Khởi trương hệ thống IPCAS II, kết nối trực tuyến toàn bộ 2.300 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống. |
| 2010 | Khởi trương chi nhánh tại Campuchia; Khẳng định vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam trong lĩnh vực phát triển chủ thẻ. |
| | Top 10 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500). |
| 2011 | Chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên |





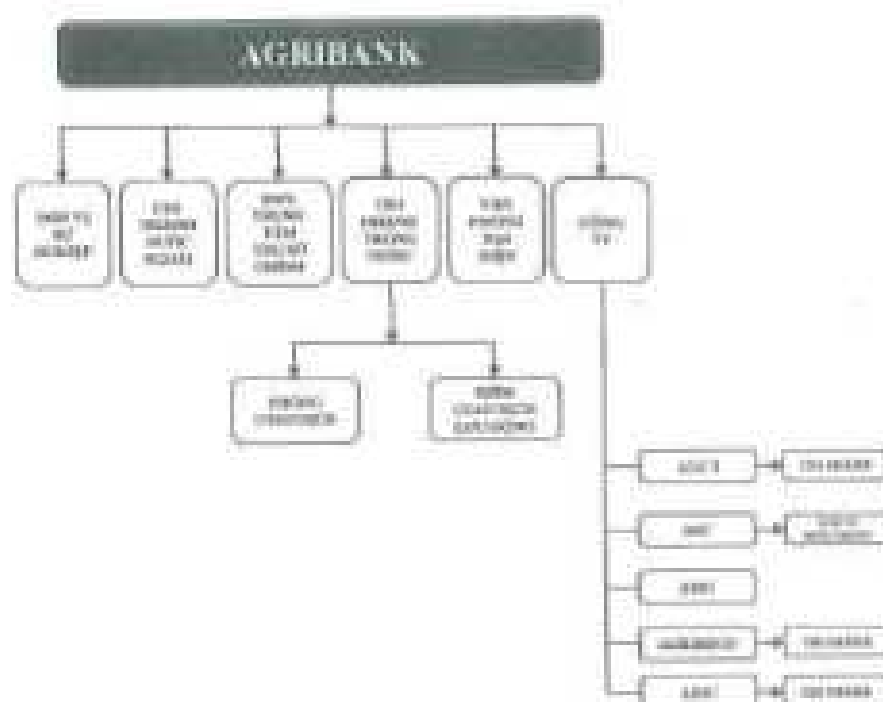
| NĂM | MỐC LỊCH SỬ |
|------|---|
| | do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ. |
| 2012 | Ngân hàng thương mại có quy mô tổng tài sản lớn nhất Việt Nam. Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500); Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN; Thương hiệu nổi tiếng ASEAN; Ngân hàng có chất lượng thanh toán cao; Ngân hàng thương mại thanh toán hàng đầu Việt Nam. |
| 2013 | Kỷ niệm 25 năm ngày thành lập. Được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và công dân trong thời kỳ Đổi mới. |
| 2014 | Thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu. Ngân hàng thương mại duy nhất lần thứ 5 liên tiếp thuộc Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500). Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng xếp hạng tín nhiệm của Agribank lên B+. |
| 2015 | Triển khai thành công Đề án Tái cơ cấu đã được Thống đốc NHNN phê duyệt. Thành lập Trung tâm Vốn Agribank nhằm nâng cao tính tập trung, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Vốn và Ngoại tệ. Ra mắt hệ thống phát hành và thanh toán thẻ CHIP theo chuẩn EMV đem lại nhiều tiện ích và an toàn hơn cho chủ thẻ Agribank. |
| 2016 | Tổng tài sản cán mốc trên 01 triệu tỷ đồng. Ngân hàng đứng đầu hệ thống ngân hàng theo Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, năm đầu tiên thực hiện Đề án chiến lược kinh doanh năm 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Đề án chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ giai đoạn 2016-2020, Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam. |
| 2017 | Giữ vững vị trí Top 3 ngân hàng thương mại dẫn đầu thị trường thẻ. Top 10 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đứng thứ 6 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất và thứ nhất trong các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo bảng xếp hạng VNR500. Top 20 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam. Tổ chức xếp hạng quốc tế Fitch Ratings nâng mức triển vọng của Agribank từ "Ổn định" lên "Tích cực" với đánh giá xếp hạng Nhà phát hành nợ dài hạn ở mức B+. |
| 2018 | Kỷ niệm 30 năm thành lập. Được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất. Năm thứ 6 liên tiếp đạt Top 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Bảng xếp hạng VNR500). |
| 2019 | Được tổ chức Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng ở mức Ba3, tương đương mức tín nhiệm quốc gia; Xếp hạng thứ 142/500 Ngân hàng lớn nhất châu Á về quy mô tài sản. Lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục trong 31 năm hoạt động. |

[Handwritten signatures and notes in blue ink]



| NĂM | MỐC LỊCH SỬ |
|------|---|
| 2020 | Hoàn thành thắng lợi Phương án Tài cơ cấu Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020; Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2277/QĐ-TTg về việc điều chỉnh mức vốn điều lệ cho Agribank tăng 3.500 tỷ đồng. |
| 2021 | Agribank thực hiện tăng vốn điều lệ lên 34.209.923.001,584 tỷ đồng theo Quyết định số 2277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thành và phát huy tốt “rô mệnh kép” của ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa phát triển kinh tế xã hội |
| 2022 | Được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody’s nâng hạng tiền gửi nội tệ và nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ từ mức “Ba3” lên mức “Ba2” với triển vọng “Ổn định” Lợi nhuận đạt mức gần 1 tỷ Đô la Mỹ; đi đầu trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn Brand Finance xác định Agribank là thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất Việt Nam |
| 2023 | Đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhũ và Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Quốc hội nhất trí chủ trương bổ sung vốn điều lệ cho Agribank 17.100 tỷ đồng (Agribank đã được cấp bổ sung vốn điều lệ 6.753 tỷ đồng theo Quyết định số 1584/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023) |

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



(Nguồn: Agribank)

◆ Đơn vị sự nghiệp

- Trường Đào tạo cán bộ: Trường Đào tạo cán bộ có chức năng tham mưu cho HĐQT, Tổng



Giám đốc về hoạt động đào tạo; trực tiếp tổ chức triển khai các hoạt động đào tạo trong hệ thống Agribank.

- **Trung tâm Công nghệ Thông tin:** Trung tâm Công nghệ Thông tin có chức năng tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống Công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank. Thực hiện việc nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị, vận hành, giám sát các hệ thống công nghệ thông tin của Agribank.
- **Trung tâm Thẻ:** Trung tâm Thẻ Agribank có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thẻ; tham gia kết nối thanh toán với các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế và các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ và quản lý triển khai nghiệp vụ thẻ trong toàn hệ thống theo quy định của pháp luật, NHNN, Agribank và các Tổ chức thẻ trong nước, quốc tế mà Agribank là thành viên. Trực tiếp quản trị, giám sát, vận hành hệ thống thẻ, các chương trình phần mềm và thiết bị phần cứng liên quan đến hệ thống thẻ theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

♦ **Hệ thống các Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính**

- **Ban Chính sách tín dụng:** Ban Chính sách tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành các cơ chế chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và triển khai các chương trình tín dụng chính sách của Chính phủ, NHNN. Thực hiện xây dựng và quản lý hạn mức cấp tín dụng đối với ngành, lĩnh vực, khách hàng, nhóm khách hàng có liên quan.
- **Ban Cổ phần hóa:** Ban Cổ phần hóa có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa Agribank; Xây dựng phương án sử dụng các tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi dự kiến chuyển giao cho Công đoàn Agribank khi cổ phần hóa; Đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch, lộ trình cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Triển khai các nhiệm vụ cụ thể được giao sau cổ phần hóa Agribank.
- **Ban Công nghệ:** Ban Công nghệ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc hoạch định, xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển công nghệ thông tin trong toàn bộ hệ thống Agribank; Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành quy chế, quy định về công nghệ thông tin; đầu mối chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, giám sát các đơn vị tại Agribank thực hiện chính sách, quy định của pháp luật, NHNN, Agribank trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- **Ban Đầu tư:** Ban Đầu tư có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về đầu tư và quản lý vốn của Agribank đầu tư vào công ty con, doanh nghiệp khác và dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc đối tượng cơ sở ở nước ngoài (sau đây gọi là hoạt động đầu tư). Giám sát, kiểm tra việc



thực hiện các chế độ, quy định của NHNN, Agribank trong quản lý hoạt động đầu tư.

- **Ban Định chế Tài chính:** Ban Định chế Tài chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của Agribank. Tham mưu, đề xuất quản lý, dự báo, xây dựng và tổ chức triển khai chính sách khách hàng, phát triển sản phẩm dịch vụ đối với khách hàng là định chế tài chính và kênh phân phối cung cấp sản phẩm dịch vụ cho định chế tài chính; thiết lập, duy trì, phát triển khách hàng định chế tài chính. Tham mưu, đề xuất xây dựng quy chế, quy định, quy trình, đầu mối tiếp cận, tiếp nhận, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý nguồn vốn dự án tín dụng nước ngoài, nguồn vốn tài trợ, dự án ngân hàng phục vụ, nguồn vốn Agribank nhận ủy thác từ nước ngoài.
- **Ban Kế hoạch Chiến lược:** Ban Kế hoạch Chiến lược có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, đề án liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác kế hoạch, cân đối các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh; xếp loại, xếp hạng Agribank theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước; xếp loại, xếp hạng các chi nhánh theo quy định của Agribank; công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ. Tham mưu trong công tác xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh trung, dài hạn; kế hoạch kinh doanh hàng quý, niên của toàn hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng cá nhân:** Ban Khách hàng cá nhân có chức năng tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng cá nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là Khách hàng cá nhân). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng cá nhân; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng cá nhân. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng cá nhân trong hệ thống Agribank.
- **Ban Khách hàng doanh nghiệp:** Ban Khách hàng doanh nghiệp có chức năng tham mưu giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách khách hàng đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, phát triển, quản lý các sản phẩm: huy động vốn, tín dụng, dịch vụ cung cấp đối với Khách hàng doanh nghiệp; đề xuất việc phát triển các kênh phân phối để cung cấp các sản phẩm đối với Khách hàng doanh nghiệp. Tham mưu, đề xuất trong việc thiết lập, quản lý, duy trì và phát triển Khách hàng doanh nghiệp trong hệ thống Agribank.
- **Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ:** Ban Kiểm tra, giám sát nội bộ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc kiểm tra, giám sát việc triển khai các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Agribank đối với các hoạt động tại các đơn vị; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xử lý đơn thư, phàn nàn, khiếu nại, tố cáo.



cực và tội phạm, phòng, chống khủng bố.

- **Ban Ngân hàng số:** Ban Ngân hàng số có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai chiến lược chuyển đổi số trong toàn hệ thống Agribank; Đề xuất và xây dựng giải pháp kỹ thuật để triển khai các sản phẩm liên quan đến ngân hàng số; Hỗ trợ các đơn vị trong quá trình chuyển đổi số.
- **Ban Pháp chế:** Ban Pháp chế có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Agribank. Giám sát tuân thủ việc xây dựng và ban hành văn bản trong hệ thống Agribank. Quản lý, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra chuyên đề việc thực hiện cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
- **Ban Quản lý đầu tư nội ngành:** Ban Quản lý đầu tư nội ngành có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng: đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank. Giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng: đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê và quản lý tài sản trong hệ thống Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực có chức năng trực tiếp tổ chức quản lý dự án theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và Chủ đầu tư về các hoạt động của mình. Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Thực hiện một số chức năng khác theo phân công của Người có thẩm quyền quyết định đầu tư và của Chủ đầu tư đang theo quy định của pháp luật và của Agribank.
- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Trụ sở chính Agribank tại Lô 23-E3 Cầu Giấy, Hà Nội; thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo thẩm quyền được giao và quy định của pháp luật.
- **Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có:** Ban Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn trong công tác ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến công tác quản lý tài sản Nợ - tài sản Có và đánh giá nội bộ về mức độ vốn của Agribank; xây dựng và vận hành cơ chế điều hành vốn nội bộ. Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phát triển hệ thống thông tin quản lý về một nghiệp vụ.
- **Ban Tài chính Kế toán:** Ban Tài chính kế toán có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về lĩnh vực



- tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank. Quản lý, giám sát, kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, tiền tệ kho quỹ trong hệ thống Agribank theo quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Agribank. Lập, quản lý báo cáo tài chính, báo cáo kế toán, tiền tệ kho quỹ theo quy định của Nhà nước và Agribank. Quản lý, khai thác và cung cấp thông tin số liệu kế toán tài chính, tiền tệ kho quỹ của Agribank phục vụ công tác quản trị điều hành.
- **Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng:** Ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt thẩm quyền của Chi nhánh; phê duyệt Hạn mức tín dụng đối với các Định chế tài chính. Phê duyệt các khoản cấp tín dụng theo phân cấp, ủy quyền trong từng thời kỳ.
 - **Ban Thư ký tổng hợp:** Ban Thư ký tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động của Agribank. Tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phân công tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, NHNN, các cơ quan, Bộ ngành, cấp ủy Đảng và HĐQT Agribank. Tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng chỉ đạo, đề xuất giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định điều hành, lễ lễ làm việc của các cá nhân, đơn vị thành viên Trụ sở chính theo quy định.
 - **Ban Tổ chức nhân sự:** Ban Tổ chức nhân sự có chức năng Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về mô hình tổ chức, mạng lưới hoạt động, công tác nhân sự, quản lý lao động, tiền lương và các công việc có liên quan trong hệ thống Agribank; giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
 - **Ban Truyền thông:** Ban Truyền thông có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về công tác truyền thông và quan hệ công chúng; phát triển thương hiệu và marketing; quản lý và phát triển văn hóa doanh nghiệp, thực hiện công tác truyền thông nội bộ trong toàn hệ thống Agribank; Phối hợp tổ chức tập huấn và đào tạo theo chuyên đề, giải đáp các vướng mắc, các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Ban.
 - **Ban Thi đua Khen thưởng:** Ban Thi đua – Khen thưởng có chức năng tham mưu HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực thi đua, khen thưởng trong hệ thống Agribank. Tham mưu HĐQT, Tổng Giám đốc trong quản lý, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định nội bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.
 - **Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank:** Trung tâm Phòng, chống rửa tiền Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa

(Handwritten signatures and initials)



tiền, tài trợ không bồi và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong hệ thống Agribank; tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ không bồi và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

- **Trung tâm Chăm sóc khách hàng:** Trung tâm Chăm sóc khách hàng có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ khách hàng theo quy định của pháp luật và của Agribank. Tham mưu, đề xuất xây dựng, tổ chức triển khai, thực hiện công tác chăm sóc, hỗ trợ khách hàng của Agribank; tham gia nghiên cứu, khảo sát thị trường, giới thiệu, tư vấn, quảng bá các sản phẩm dịch vụ, chương trình khuyến mại, marketing của Agribank thông qua các kênh của Trung tâm.
- **Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiểm soát:** Trung tâm Dịch vụ thanh toán và Kiểm soát có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành quy định nội bộ về lĩnh vực thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài theo quy định của Agribank, NHNN và pháp luật; Tổ chức quản lý, phát triển, triển khai sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước, kiều hối, chuyển tiền ngoại tệ cá nhân ra nước ngoài của Agribank.
- **Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ:** Trung tâm Kinh doanh Vốn và Tiền tệ có chức năng Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về chiến lược, chính sách, quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh của Agribank. Trực tiếp kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh trên thị trường liên ngân hàng trong nước và quốc tế thuộc Sở kinh doanh theo quy định của pháp luật và Agribank. Thực hiện giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn, ngoại tệ và phái sinh cho Sở ngân hàng theo quy định.
- **Trung tâm Lưu trữ:** Trung tâm Lưu trữ có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ về lĩnh vực lưu trữ trong hệ thống Agribank. Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng các tài liệu lưu trữ của Trụ sở chính Agribank; quản lý, vận hành kho lưu trữ tập trung theo quy định.
- **Trung tâm Ngân quỹ Miền Bắc:** Trung tâm Ngân quỹ Miền Bắc có chức năng quản lý tiền mặt, kho tiền của Agribank tại Trung tâm theo quy định của NHNN và Agribank; Điều hòa tiền mặt VND cho các chi nhánh, phòng giao dịch, ATM trên địa bàn Thành phố Hà Nội và địa bàn được giao (gọi chung là địa bàn hoạt động); Tổ chức thu, chi tiền mặt; kiểm đếm, phân loại, thùng/hòm niêm phong cho các đơn vị thuộc hệ thống Agribank trên địa bàn hoạt động theo lộ trình phê duyệt của HĐQT.
- **Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh:** Trung tâm Phê duyệt tín dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác phê duyệt cấp tín dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thực hiện thẩm quyền phê duyệt các khoản cấp tín dụng áp dụng cho Trung tâm phê duyệt tín dụng khu vực theo quy định của HĐQT từng thời kỳ; Chấp thuận chủ trương trước khi triển khai quy trình



cấp tín dụng đối với các trường hợp phải trình chủ trương thuộc thẩm quyền của Trung tâm.

- **Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề:** Trung tâm Quản lý nợ có vấn đề có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong quản lý, xử lý các khoản cấp tín dụng có vấn đề (nợ nhóm 2 đến nợ nhóm 5, nợ xử lý rủi ro và các khoản nợ khác theo quy định của Agribank trong từng thời kỳ). Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính trong việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Agribank.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro phi tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro phi tín dụng, bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh, rủi ro lãi suất tiền sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động; thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về quản lý rủi ro (QLRR) phi tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR phi tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng:** Trung tâm Quản lý rủi ro tín dụng có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý rủi ro (QLRR) tín dụng; quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động cấp tín dụng (QLRR tập trung tín dụng); thực hiện đo lường, theo dõi và báo cáo về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng. Tham mưu, đề xuất Hội đồng xử lý rủi ro Trụ sở chính và các Hội đồng khác có liên quan trong việc theo dõi, giám sát phân loại, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp của Agribank. Tham mưu, đề xuất Hội đồng rủi ro trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ về QLRR tín dụng, QLRR tập trung tín dụng theo quy định.
- **Trung tâm Tài trợ thương mại:** Trung tâm Tài trợ thương mại có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các cơ chế, quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, chiến lược, chính sách phát triển hoạt động thanh toán, chuyển tiền quốc tế (bao gồm hoạt động thanh toán biên giới) và tài trợ thương mại đối với khách hàng là Doanh nghiệp và Pháp nhân khác không phải là doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Khách hàng doanh nghiệp). Thực hiện tác nghiệp tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tại Agribank đối với Khách hàng doanh nghiệp.
- **Trung tâm Thanh toán:** Trung tâm Thanh toán Agribank có chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc về tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống thanh toán nội bộ, tham gia thanh toán với các tổ chức thanh toán trong nước và quốc tế; Trực tiếp quản lý, giám sát về nghiệp vụ, vận hành các hệ thống/ chương trình thanh toán tại Trụ sở chính theo các quy định, quy trình nghiệp vụ; Thực hiện nghiệp vụ hạch toán kế toán thuộc cấp đối Trụ sở chính.
- **Văn phòng Trụ sở chính:** Văn phòng Trụ sở chính có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Tổng giám đốc trong lĩnh vực hành chính, lễ tân, quản trị tại Trụ sở chính; kiểm soát thủ tục hành chính, quản lý công tác kế hoạch tài chính, tài sản và tổ chức thực hiện công tác hành



chính, quản trị, lễ tân, quảng cáo đối với các hoạt động của Trụ sở.

❖ Văn phòng Đại diện

- Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Nam: Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực, gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh (gọi chung là khu vực); Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
- Văn phòng Đại diện Khu vực Miền Trung: Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực, gồm các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và thành phố Đà Nẵng (gọi chung là khu vực); Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.
- Văn phòng Đại diện Khu vực Tây Nam Bộ: Thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành hoạt động của các Chi nhánh trong khu vực, gồm các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ (gọi chung là khu vực); Tham mưu, đề xuất HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các quy định nội bộ liên quan đến chiến lược kinh doanh, công tác phát triển sản phẩm dịch vụ cho các chi nhánh trong khu vực, công tác thống kê, dự báo kinh tế, tài chính tiền tệ tại khu vực; Đại diện theo ủy quyền và bảo vệ lợi ích của Agribank tại các tỉnh, thành phố trong khu vực.

- ❖ Chi nhánh loại I: Chi nhánh loại I là chi nhánh chịu sự quản lý, điều hành của Agribank.
- ❖ Chi nhánh loại II: Chi nhánh loại II là chi nhánh chịu sự quản lý, điều hành của chi nhánh loại I theo phân cấp, ủy quyền của Agribank.
- ❖ Phòng giao dịch: Phòng giao dịch là đơn vị phụ thuộc, do một Chi nhánh loại I hoặc loại II trực tiếp quản lý, thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.
- ❖ Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài: Công ty con và Chi nhánh ở nước ngoài hoạt động theo Điều lệ (Công ty con hoạt động theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty

(Chữ ký và dấu)



coa, chi nhánh nước ngoài hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài).

- **Điểm giao dịch lưu động:** Là bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức hoạt động của một chi nhánh Agribank, được sử dụng con dấu và tư cách pháp lý của chi nhánh trực tiếp quản lý để thực hiện một số lĩnh vực, nghiệp vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật, NHNN và Agribank.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành



(Nguồn: Agribank)

➤ Hội đồng thành viên

- Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu Agribank NHNN, nhà đầu tư Chủ sở hữu Agribank tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu Agribank theo quy định, là cơ quan quản trị Agribank, có toàn quyền nhân danh Agribank để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Agribank.
- HĐQT bao gồm tất cả các thành viên có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp HĐQT định kỳ, họp HĐQT bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
- HĐQT có nhiệm vụ xác định, quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và các chính sách, quy chế hoạt động, cơ cấu tổ chức... của Agribank và các nhiệm vụ và quyền



khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank.

- Các thành viên HĐQT bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|---------------------------------|
| Ông Phạm Đức Ân | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Phạm Toàn Vượng | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Trí | Thành viên HĐQT |
| Ông Trần Văn Đông | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Tuyết Dương | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Thị Thảo | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Minh Phương | Thành viên HĐQT |
| Ông Lê Xuân Trung | Thành viên HĐQT |
| Bà Từ Thị Kim Thanh | Thành viên HĐQT |
| Ông Phạm Đức Tuấn | Thành viên HĐQT |

- ❖ Các ủy ban giúp việc của Hội đồng thành viên bao gồm:

- Ủy ban Đầu tư: Ủy ban Đầu tư có chức năng tham mưu, giúp HĐQT trong hoạt động đầu tư nội ngành và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Nhân sự: Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tiền lương và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Chính sách: Ủy ban Chính sách có chức năng tham mưu, giúp HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Agribank; xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ủy ban Quản lý rủi ro: Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý rủi ro và một số công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank.
- Ban Thư ký Hội đồng thành viên: Ban Thư ký HĐQT có chức năng tham mưu, giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Agribank; theo dõi, đôn đốc các cá nhân, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do HĐQT, Chủ tịch HĐQT chỉ đạo.

- ❖ Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT.
- Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Trần Trọng Dương | Trưởng ban Ban kiểm soát |



| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|--------------------------|
| Ông Bùi Hồng Quảng | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Hoàng Văn Thắng | Thành viên Ban kiểm soát |
| Ông Nguyễn Xuân Hồng | Thành viên Ban kiểm soát |

♦ Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ là việc thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá độc lập về tính thích hợp và tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong hệ thống Agribank; Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Agribank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Bộ phận Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ (tuyên báo về thứ ba trong Hệ thống kiểm soát nội bộ của Agribank).

♦ Ban Điều hành, Kế toán trưởng

- Ban điều hành chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc hàng ngày của Agribank theo Điều lệ của Agribank, Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng bao gồm:

| Họ và Tên | Chức vụ |
|--------------------------|-------------------|
| Ông Phạm Toàn Vượng | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Minh Ngọc | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Hồng Phúc | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Phùng Thị Bình | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Tô Đình Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Dự | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quang Hồng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đoàn Ngọc Lưu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phùng Văn Hưng Quang | Kế toán trưởng |

♦ Các hội đồng giúp việc của Ban điều hành

- Hội đồng Rủi ro: Hội đồng Rủi ro có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc trong việc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quản lý rủi ro của Agribank.
- Hội đồng ALCO: Hội đồng ALCO có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, đơn vị trong việc quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Agribank.
- Hội đồng Quản lý vốn: Hội đồng Quản lý vốn có chức năng tham mưu, đề xuất Tổng Giám đốc giám sát, chỉ đạo các cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện đánh giá nội bộ về mức độ vốn của Agribank.





- Các Hội đồng khác: Các Hội đồng khác được thành lập và tổ chức hoạt động theo quyết định của các cấp có thẩm quyền, có chức năng tham mưu, đề xuất trong việc giám sát, điều hành các hoạt động khác của Agribank.
- ♦ Đơn vị sự nghiệp: Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ♦ Hệ thống Ban, Trung tâm tại Trụ sở chính: Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ♦ Văn phòng đại diện: Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ♦ Chi nhánh, Phòng giao dịch: Như trình bày tại Khoản 3 Mục IV.
- ♦ Công ty con và Chi nhánh nước ngoài: Như trình bày tại Khoản 5 Mục IV.
- 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối
- 5.1. Danh sách công ty con, công ty Agribank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối tại ngày 31/03/2024

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán cho đến ngày 31/03/2024, Agribank có 5 công ty con, cụ thể:

| 1 | Công ty Cho thuê Tài chính (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCT")) |
|---|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: 4 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 14/07/1998. - Giấy phép thành lập và hoạt động: 238/1998/QĐ-NHNN 14 tháng 7 năm 1998 do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế doanh nghiệp nhà nước: 0100780297 (số đăng ký kinh doanh cũ: 0106000597) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/12/2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 06/12/2019. - Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê tài chính. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%. |
| 2 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam ("Công ty Dịch vụ") |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Số 10 Chấn Học, Phường Quảng Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 15/04/2011. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0101452242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2011, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 29/9/2022. - Hoạt động kinh doanh chính: In thương mại, quảng cáo thiết kế thi công các công trình xây dựng cơ bản, đào tạo và cung cấp các dịch vụ ngân quỹ cho Ngân hàng. - Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%. |
| 3 | Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Agribank ("Agribank AMC") |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Trụ sở chính: Tầng 8, tầng 9, số nhà 135 đường Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. - Ngày thành lập: 25/03/2013. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động: 0106134589 do Sở Kế |

35
HKT



| | |
|----------|--|
| | <p>hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/03/2013, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 04/04/2023</p> <ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh chính: Quản lý và khai thác tài sản. Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 100%. |
| 4 | CTCP Chứng khoán Agribank ("AgriSeco") |
| | <ul style="list-style-type: none"> Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Ngày thành lập: 04/05/2001. Giấy phép hoạt động: 08/GPHDKD ngày 04/5/2001 và giấy phép điều chỉnh số 06/GPDC-UBCK ngày 31/01/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101150107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/05/2001, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 21/02/2024. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán. Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 74,92%. |
| 5 | CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("ABIC") |
| | <ul style="list-style-type: none"> Trụ sở chính: Tầng 6 – Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Ngày thành lập: 18/10/2006. Giấy chứng nhận đăng ký hoặc giấy phép hoạt động: 38/GP/KDBH ngày 18 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 38/GPDC/KDBH ngày 30 tháng 12 năm 2022 do Bộ Tài chính cấp. Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính. Tỷ lệ sở hữu của Agribank tại công ty: 52,08%. |

(Nguồn: Agribank)

5.2. Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Agribank

Agribank là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, NHNN là đơn vị đại diện vốn chủ sở hữu tại Agribank.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Đơn vị: Đồng

| Năm | Số vốn (đồng) | Vốn sau tăng/giảm | Hình thức tăng | Cơ sở pháp lý |
|------|-------------------|--------------------|---|--|
| 2011 | 118.470.000.000 | 21.100.111.522.375 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2012 | 4.700.000.000.000 | 23.840.111.522.375 | Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011 | Quyết định 439/QĐ-BTC ngày 2/3/2012 của Bộ Tài Chính |
| 2013 | 118.470.000.000 | 23.918.141.522.375 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2017 | 100.347.037.409 | 26.078.928.579.784 | Nguồn thu lãi nợ tín dụng nhóm II | Quyết định số 2183/QĐ-BTC ngày 12/11/2012 của Bộ Tài Chính |
| 2018 | 118.470.000.000 | 26.197.398.579.784 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |



| Năm | Số vốn tăng | Vốn vào kết tổng | Hình thức tăng | Căn cứ pháp lý |
|------|-------------------|--------------------|---|--|
| | | | hợp | Bộ Tài chính |
| 2013 | 6.983.171.983 | 28.204.383.731.766 | Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu bổ trợ thực hiện quỹ con báo số 5 năm 1997 của năm 2011, 2012, 2013 | VB 791/NĐ-NN-TCKT ngày 23/12/2008 của NNĐN |
| 2014 | 2.537.460.000.000 | 38.721.783.731.766 | Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011 | Quyết định 36/QĐ – BTC ngày 14/1/2014 của Bộ Tài Chính |
| 2014 | 118.470.000.000 | 28.640.251.731.766 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2015 | 44.989.628.035 | 28.685.241.359.841 | Nguồn thu bổ trợ của dự án nhóm II | Quyết định 3076/QĐ-BTC ngày 01/12/2014 (Bổ trợ đầu tư nhóm 2 năm 2012, 2013) của Bộ Tài chính |
| 2015 | 118.400.000.000 | 29.095.641.359.841 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2016 | 4.265.641.742 | 29.097.903.001.583 | Tăng vốn điều lệ từ nguồn thu từ khoản phát hành quỹ con báo số 5 năm 2014, 2015 | Hạch toán theo VB 791/NĐ-NN-TCKT ngày 23/12/2008 của NNĐN |
| 2016 | 118.540.000.000 | 29.126.443.001.583 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | <ul style="list-style-type: none"> Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính Gấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 15/12/2019 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2011 – 2016) |
| 2017 | 1.109.660.000.000 | 30.236.043.001.583 | Cấp bổ sung vốn điều lệ theo Quyết định 3000/QĐ-BTC ngày 12/12/2011 | Quyết định số 1264/QĐ-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính |
| 2017 | 118.470.000.000 | 30.354.513.001.583 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2018 | 118.470.000.000 | 30.472.983.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2019 | 118.470.000.000 | 30.591.453.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính Phủ đặc biệt | <ul style="list-style-type: none"> Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính Gấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội |



| Năm | Số vốn tăng | Vốn sau khi tăng | Hình thức tăng | Căn cứ pháp lý |
|----------|-------------------|--------------------|--|---|
| | | | | cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 22/01/2021 (bao gồm các đợt tăng vốn năm 2017 - 2019) |
| 2020 | 118.470.000.000 | 30.799.923.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | - Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính - Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ |
| 2021 | 1.500.000.000.000 | 34.299.923.001.584 | Cấp vốn bổ sung vốn điều lệ | - Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 22/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 2272/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 50-K04801 Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021 |
| 2021 (*) | 118.470.000.000 | 34.328.393.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2022 (*) | 118.470.000.000 | 34.446.863.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2023 (*) | 68.970.000.000 | 34.515.833.001.584 | Lãi được nhận từ Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 04/11/2002 của Bộ Tài chính |
| 2023 | 6.753.000.000.000 | 41.268.833.001.584 | Cấp bổ sung vốn điều lệ | Quyết định số 1564/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 7/12/2023 |

(*) Agribank đang hoàn thiện thủ tục thay đổi vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Kể từ khi thành lập đến nay, Agribank không có lần giảm vốn điều lệ nào.

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Toàn bộ chứng khoán đang lưu hành của Agribank là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Tính đến ngày 30/04/2024, tổng giá trị Trái Phiếu chưa đáo hạn có ký hạn trên 05 năm tính theo mệnh giá của Agribank là 49.788.877 triệu đồng.

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:

| STT | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Số lượng Trái Phiếu (TP) | Giá trị theo mệnh giá (tỷ đồng) | Học phần gốc Trái Phiếu |
|------------------|---|----------------|--------|-----------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|
| I | Trái Phiếu phát hành ra công chúng | | | | | | |
| 1. | Agribank182881 | 25/12/2018 | 10 năm | 1.000.000 | 3.961.937 | 3.961.937 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 2. | Agribank192801 (*) | 24/09/2019 | 07 năm | 1.000.000 | 4.997.673 | 4.997.673 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 3. | Agribank202703 | 24/12/2020 | 07 năm | 1.000.000 | 4.617.921 | 4.617.921 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 4. | VBA121033 | 31/12/2021 | 07 năm | 1.000.000 | 1.799.146 | 1.799.146 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 5. | VBA121061 | 30/12/2022 | 08 năm | 100.000 | 10.000.000 | 10.000.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 6. | VBA123856 | 03/12/2023 | 10 năm | 100.000 | 10.000.000 | 10.000.000 | |
| Tổng cộng | | | | | | 35.346.677 | |
| II | Trái Phiếu phát hành riêng lẻ | | | | | | |
| 1. | AGBUBANK BOND-15 (*) | 02/12/2013 | 10 năm | 1.000.000.000 | 4.350 | 4.350.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 2. | Agribank7027012 | 24/09/2020 | 07 năm | 1.000.000.000 | 2.000 | 2.000.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 3. | Agribank7027021 | 28/10/2020 | 07 năm | 500.000.000 | 153 | 76.500 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 4. | Agribank7027022 | 30/10/2020 | 07 năm | 1.000.000.000 | 387 | 387.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 5. | Agribank7027041 | 15/12/2020 | 07 năm | 500.000.000 | 234 | 117.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 6. | Agribank7027042 | 15/12/2020 | 07 năm | 1.000.000.000 | 630 | 630.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 7. | VBA12101 | 08/04/2021 | 07 năm | 500.000.000 | 609 | 300.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 8. | VBA12102 | 08/04/2021 | 07 năm | 1.000.000.000 | 1.489 | 1.489.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 9. | VBA12127 | 30/08/2021 | 10 năm | 100.000.000 | 12.000 | 1.200.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 10. | VBA12183 | 28/10/2021 | 07 năm | 100.000.000 | 10.000 | 1.000.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 11. | VBA12104 | 30/11/2021 | 07 năm | 100.000.000 | 10.577 | 1.057.700 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 12. | VBA12105 | 22/12/2021 | 07 năm | 100.000.000 | 6.000 | 600.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 13. | VBA12287 | 30/06/2022 | 10 năm | 1.000.000.000 | 200 | 200.000 | Trái Phiếu tăng vốn |



| STT | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (000đ) | Số lượng Trái Phiếu (TỶ) | Giá trị theo mệnh giá (tỷ đồng) | Đặc điểm loại Trái Phiếu |
|-------------------|---------------|----------------|--------|-----------------|--------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| 14. | VBA12208 | 10/08/2022 | 10 năm | 1.000.000.000 | 409 | 409.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| 15. | VBA12209 | 16/09/2022 | 10 năm | 1.000.000.000 | 435 | 435.000 | Trái Phiếu tăng vốn |
| Tổng cộng: | | | | | | 14.442.200 | |

(Nguồn: Agribank)

(*) Mã trái phiếu Agribank dự kiến mua lại theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐTV ngày 05/01/2024 về phương án mua lại trái phiếu trước hạn năm 2024.

3. Hoạt động kinh doanh

3.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

3.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân

a) Tiền gửi

Tiền gửi không kỳ hạn

- Tiền gửi thanh toán là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng khác của Agribank, bao gồm: dịch vụ thu ngân sách Nhà nước, dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ nộp thu tự động, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối, chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi, chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế cho khách hàng cá nhân không cần tài khoản; chuyển nhận tiền, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh chi tài khoản, phát hành thẻ, đăng ký sử dụng dịch vụ khác: Mobile banking, eBanking... Trong năm 2021, Agribank chính thức triển khai dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tuyến bằng phương thức điện tử (eKYC) trên ứng dụng Agribank Plus. Agribank triển khai chính thức dịch vụ đăng ký mở tài khoản thanh toán trực tiếp bằng phương thức điện tử (eKYC) trên Kiosk Ngân hàng số (Agribank Digital) từ năm 2022.
- Tiết kiệm không kỳ hạn là hình thức gửi tiền tiết kiệm mà khách hàng có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của Agribank và gửi thêm tiền không giới hạn số lần gửi tại bất kỳ thời điểm nào dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy, chuyển khoản tại quầy, qua Mobile Banking, ATM, eBanking, ủy quyền cho Agribank trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán. Khách hàng được rút tiền không giới hạn tại bất cứ Đơn vị giao dịch tiết kiệm nào; Sử dụng tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn để chuyển khoản thanh toán, Dịch vụ thông tin tài khoản qua Mobile Banking.
- Tiền gửi linh hoạt là tiền gửi không kỳ hạn, trong đó khách hàng gửi tiền vào tài khoản và rút tiền một cách linh hoạt dưới nhiều hình thức; áp dụng lãi suất thả nổi bậc thang lũy tiến theo số dư hình quản tháng trên tài khoản tiền gửi linh hoạt, không vượt trần lãi suất huy



động của NHNN từng thời kỳ và được niêm yết công khai tại các Điểm giao dịch.

Tiền gửi có kỳ hạn

- *Tiết kiệm có kỳ hạn:* Là sản phẩm tiết kiệm có kỳ hạn cho khách hàng cá nhân với đa dạng kỳ hạn gửi, kỳ hạn lĩnh lãi (như tiết kiệm có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ, trả lãi sau định kỳ, trả lãi trước toàn bộ, trả lãi trước định kỳ) và các tiện ích kèm theo như: giao dịch tại bất kỳ chi nhánh/phòng giao dịch của Agribank; được chuyển quyền sở hữu khi sổ tiết kiệm chưa đến hạn thanh toán; được bảo hiểm theo quy định của bảo hiểm tiền gửi, bảo mật số dư tiền gửi; được sử dụng số dư để cầm cố vay vốn, chứng minh tài chính, được lựa chọn phương thức thanh toán lãi, được tham gia các chương trình dự thưởng của Agribank, dịch vụ tài khoản qua Mobile Banking, eBanking...
- *Tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất thả nổi:* Là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi suất được tự động điều chỉnh phù hợp với lãi suất thị trường và theo quy định của Agribank theo từng thời kỳ. Theo đó khách hàng có thể yên tâm gửi tiền khi có biến động về lãi suất trên thị trường. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm có kỳ hạn*.
- *Tiết kiệm linh hoạt:* Là sản phẩm huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, theo đó trong kỳ hạn gửi, khách hàng có thể rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền gốc. Phần tiền gửi rút trước hạn khách hàng được hưởng lãi suất không kỳ hạn. Số tiền gốc còn lại khách hàng được hưởng nguyên lãi suất khi gửi tiền.
- *Tiết kiệm gửi góp theo định kỳ:* là hình thức gửi tiền tiết kiệm tích lũy có kỳ hạn với tổng số tiền tích lũy cố định, theo đó khách hàng gửi tiền nhiều định kỳ (theo tháng) một số tiền cố định vào tài khoản tiết kiệm gửi góp dưới nhiều hình thức: trực tiếp tại quầy giao dịch, chuyển khoản từ tài khoản khác, Mobile Banking, eBanking, ATM, ủy quyền chủ Ngân hàng trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán và rút tiền một lần khi đến hạn. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để xác nhận khả năng tài chính và được bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi; Bảo mật số dư và thông tin tài khoản.
- *Tiết kiệm gửi góp không theo định kỳ:* Là hình thức gửi tiền tích lũy, theo đó trong kỳ hạn đăng ký gửi khách hàng có thể chủ động gửi tiền thành nhiều lần không theo định kỳ, với số tiền gửi mỗi lần không cố định, khách hàng rút gốc và lãi một lần khi đến hạn. Các tiện ích khác tương tự với sản phẩm *tiết kiệm gửi góp theo định kỳ*.
- *Các sản phẩm nên gửi được thiết kế cho từng nhóm đối tượng khách hàng đặc thù:* Ngoài các sản phẩm nêu trên, Agribank còn có các sản phẩm được thiết kế để phù hợp với từng nhóm đối tượng khách hàng như *Tiết kiệm An sinh*, *Tiết kiệm Học đường*, *Tiết kiệm Hưu trí* để giúp khách hàng đạt được các kế hoạch tài chính cụ thể như tích lũy tài chính, đáp ứng nhu cầu học tập, cuộc sống khi về hưu; sản phẩm *Tiết kiệm Tích lũy Kiểu tiết kiệm* hướng đến khách hàng là các đối tượng đi lao động, học tập và làm việc tại nước ngoài có nhu cầu tích lũy tiền lương chuyển về Việt Nam để gửi tiết kiệm cho chính khách hàng hoặc người thân.
- *Tiền gửi có kỳ hạn:* Agribank cung cấp đa dạng kỳ hạn gửi và định kỳ trả lãi (Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau định kỳ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước toàn bộ; Tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau toàn bộ).



Tiền gửi trên kênh trực tuyến: Người kinh giao dịch truyền thống, Agribank đã phát triển các sản phẩm Tiền gửi Trực tuyến, Tiền gửi Tích lũy trực tuyến trên các kênh số như Agribank Plus, Agribank eBanking, Agribank Digital nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền online ngày càng được khách hàng ưa chuộng, phù hợp với xu thế số hóa trong hoạt động ngân hàng.

Giấy tờ có giá gồm: Kỳ phiếu, Tín phiếu, Trái Phiếu, Chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

b) Tín dụng

Các sản phẩm cho vay do Agribank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các khách hàng cá nhân vay vốn tiêu dùng, đời sống và sản xuất kinh doanh cụ thể:

- *Cho vay tiêu dùng: Là giải pháp tài chính đối với các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân, phục vụ nhu cầu đời sống như: Cho vay mua sắm hàng tiêu dùng vật dụng gia đình; cho vay xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mua nhà ở đối với dân cư; cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài; cho vay cầm cố giấy tờ có giá; cho vay mua phương tiện đi lại; cho vay tiêu dùng đối với khách hàng cá nhân, hộ gia đình nhằm hạn chế tín dụng đen. Agribank không ngừng phát triển thêm nhiều sản phẩm, chương trình ưu đãi dành riêng cho đối tượng khách hàng cá nhân, đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng cho khách hàng.*
- *Cho vay sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu đối với khách hàng cá nhân và hộ gia đình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với các nhu cầu đa dạng như: Bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu, hàng không, vận tải kho bãi, du lịch, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, công nghệ chế biến chế tạo; hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, chuỗi cung ứng hàng hóa, sản xuất, mua bán nguyên vật liệu, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp... Là Ngân hàng phục vụ đối tượng khách hàng đa dạng từ thành thị đến nông thôn do đó các sản phẩm Agribank đưa ra đều phù hợp cả về phương thức vay và Chương trình cho vay.*
- *Chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác: Agribank mua công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác từ người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán. Công cụ chuyển nhượng bao gồm Hối phiếu trả nợ, Hối phiếu nhận nợ, Séc; Các loại công cụ chuyển nhượng khác theo quy định của pháp luật. Các giấy tờ có giá khác bao gồm Tín phiếu NHNN; Trái Phiếu Chính phủ; Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh; Trái Phiếu Chính quyền địa phương được NHNN cho phép tham gia thị trường mở; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu, sổ tiết kiệm do Agribank phát hành theo quy định của NHNN; Kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu do tổ chức khác phát hành và được chiết khấu theo quy định của pháp luật hiện hành.*
- *Bảo lãnh: Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.*

e) Dịch vụ thanh toán: Agribank cung cấp các dịch vụ thanh toán đa dạng, đáp ứng tối ưu



mọi nhu cầu thanh toán và quản lý dòng tiền của khách hàng cá nhân. Theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện các dịch vụ: Thanh toán, chuyển tiền, Nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, học phí, viễn thông...; dịch vụ như thu tự động, Séc, nhờ thu, kết nối quản lý tài khoản và thanh toán chứng khoán, chuyển và nhận tiền kiều hối; chuyển nhận tiền nhiều nơi, gửi rút tiền nhiều nơi; chuyển, nhận tiền trong nước và quốc tế... Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thanh toán qua các kênh giao dịch khác nhau của Agribank (tài quỹ, Điểm giao dịch hra động, Mobile banking, Internet banking, ATM, CDM, POS).

Agribank liên tục mở rộng, gia tăng tiện ích dịch vụ và số hóa các giao dịch cho khách hàng cá nhân thông qua liên kết trực tuyến với các fintech, sàn thương mại điện tử, ví điện tử, trung gian thanh toán...; Triển khai các giải pháp thanh toán hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nông thôn như ứng dụng QR code cho Chợ dân sinh không dùng tiền mặt....

Đến ngày 30/4/2024, đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, Agribank đã triển khai kết nối thêm với 1.216 trường học và bệnh viện, triển khai dịch vụ thanh toán với tổng giá trị trên 2,9 ngàn tỷ đồng. Đối với lĩnh vực người y tế, giáo dục, triển khai kết nối mới với 11 đối tác, thực hiện thanh toán hơn 24,7 triệu giao dịch với tổng giá trị trên 24,64 ngàn tỷ đồng.

d) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng cá nhân có thể thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- Dịch vụ Mobile Banking, bao gồm:

- + **Dịch vụ Agribank Plus:** Là dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua ứng dụng Agribank Plus được cài đặt trên các thiết bị di động có kết nối GPRS/3G/4G/Wifi... Theo đó, khách hàng có thể thực hiện giao dịch với hạn mức giao dịch cao, an toàn, phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng như: Chuyển khoản, Gửi tiền trực tuyến, thanh toán hóa đơn, thanh toán Qrpay, đặt vé máy bay, vé tàu, vé xe, đặt phòng khách sạn, check in vé máy bay, đặt hoa, mua vé xem phim, mua sắm trực tuyến, dịch vụ dành cho khách hàng VIP....
- + **Dịch vụ SMS Banking:** Dịch vụ do Agribank cung cấp, cho phép khách hàng thực hiện giao dịch với Agribank thông qua tin nhắn điện thoại di động hoặc thiết bị có chức năng nhận tin nhắn. Khách hàng có thể cập nhật tài khoản biến động số dư tài khoản tiền gửi, nhắc nợ tiền vay....
- + **Dịch vụ BankPlus của Viettel tại Agribank:** Dịch vụ cho phép khách hàng thực hiện chuyển tiền vào tài khoản khách hàng tại Agribank, thanh toán hóa đơn, nạp tiền cho thuê bao Viettel.
- + **Dịch vụ thương mại điện tử (e-Commerce):** Dịch vụ cho phép khách hàng có tài khoản thanh toán mở tại Agribank thực hiện đăng ký các dịch vụ trực tuyến trên kênh điện tử (như liên kết ví điện tử); thanh toán trực tuyến cho các giao dịch mua hàng hóa/dịch vụ có kết nối hệ thống với Agribank và sử dụng các dịch vụ khác do Agribank cung cấp trong từng thời kỳ.

- Dịch vụ Agribank eBanking: Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:

- + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn> và/hoặc



+ Quy ứng dụng *Agribank Retail eBanking* dành cho khách hàng cá nhân được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.

- *Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital)*: Là mô hình ngân hàng tự động 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, có chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để được thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank.

c) Thẻ

Agribank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho khách hàng cá nhân, các sản phẩm thẻ hiện nay của Agribank cung cấp cho khách hàng cá nhân bao gồm:

- *Thẻ ghi nợ nội địa*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền và/hoặc hạn mức thấu chi (nếu có) trên tài khoản thanh toán của chủ thẻ mở tại Agribank. Thẻ ghi nợ nội địa có thể thực hiện giao dịch thẻ trong lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp giao dịch tại Tổ chức thanh toán thẻ nước ngoài kết nối qua NAPAS. Thẻ ghi nợ nội địa kết nối thanh toán với trung gian thanh toán Vi điện tử để thực hiện các dịch vụ liên kết, nạp rút Vi và thanh toán hàng hóa dịch vụ bằng thẻ đã liên kết. Thẻ ghi nợ có thể sử dụng ứng dụng *SamsungPay* được cài đặt trên điện thoại Samsung để thực hiện thanh toán hàng hóa dịch vụ trên Pos của Agribank và các Tổ chức thanh toán thẻ khác có triển khai chấp nhận dịch vụ *SamsungPay*. Hiện nay thẻ ghi nợ nội địa của Agribank bao gồm: Thẻ ghi nợ nội địa hạng chuẩn – Success, Thẻ ghi nợ nội địa hạng vàng – Plus success, First Class, các loại thẻ: thẻ liên kết sinh viên, thẻ “Lập nghiệp” (sản phẩm thẻ liên kết giữa Agribank và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam), thẻ liên kết thương hiệu Co-brand Card.
- *Thẻ ghi nợ quốc tế*: Là thẻ ghi nợ do Agribank phát hành cho chủ thẻ để thực hiện giao dịch thẻ trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam. Thẻ ghi nợ quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm thẻ: Thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng chuẩn, hạng vàng (chỉ phát hành thẻ phi vật lý)), thẻ ghi nợ quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng).
- *Thẻ tín dụng quốc tế*: Là thẻ cho phép chủ thẻ sử dụng trong phạm vi hạn mức tín dụng do Agribank cấp. Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; ứng tiền mặt; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi Có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Thẻ tín dụng quốc tế của Agribank bao gồm các sản phẩm: Thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu Visa (hạng chuẩn, hạng vàng), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu MasterCard (hạng vàng, hạng bạch kim), thẻ tín dụng quốc tế mang thương hiệu JCB (hạng vàng, hạng bạch kim).
- *Thẻ phi vật lý*: là thẻ không hiển hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ cho phép chủ thẻ giao dịch trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường Internet, các chương trình ứng dụng trên thiết bị di



động. Hiện nay, Agribank đang triển khai 03 sản phẩm thẻ ghi vật lý gồm: Thẻ ghi vật lý ghi nợ nội địa (Debit), Thẻ ghi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu MasterCard (Vcard), Thẻ ghi vật lý ghi nợ quốc tế thương hiệu JCB (Jcard)."

- **Thẻ Lọc Việt:** là sản phẩm thẻ chip nội địa theo chuẩn VCCS được phát triển trên nền tảng công nghệ hiện đại tích hợp 02 ứng dụng thẻ ghi nợ nội địa và thẻ tín dụng nội địa trên cùng một chip.
- **Thẻ trả trước:** bao gồm thẻ trả trước định danh và thẻ trả trước vô danh. Thẻ trả trước vô danh không được rút tiền mặt, nạp thêm tiền vào thẻ; không được sử dụng thẻ thực hiện giao dịch thẻ trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không được phát hành lại, trường hợp chủ thẻ làm mất thẻ coi như mất tiền mặt. Thẻ trả trước vô danh chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán trên lãnh thổ Việt Nam.
- f) **Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối:** đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chuyển học phí, sinh hoạt phí cho học sinh du học, chuyển tiền phục vụ khám, chữa bệnh ở nước ngoài, trợ cấp cho thân nhân ở nước ngoài, ... và mục đích khác theo quy định của pháp luật; dịch vụ nhận và chi trả kiều hối qua Western Union, qua hệ thống SWIFT, chi trả kiều hối với các đối tác song phương tại các thị trường: Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản...

g) Dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm- chứng khoán, liên kết khác

Bảo hiểm phi nhân thọ: Agribank phối hợp với Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) phân phối sản phẩm bảo hiểm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng cá nhân như: Bảo hiểm chủ thẻ; Bảo an tín dụng; Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm xe máy; Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân; Bảo hiểm tài sản kỹ thuật và cháy nổ; Bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thuyền... Trong năm 2022, Agribank đã triển khai cung cấp dịch vụ đại lý bảo hiểm đối với sản phẩm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự cho chủ xe moto-xe máy trên ứng dụng Agribank Plus; Bảo hiểm bảo an Tài khoản, đáp ứng nhu cầu khách hàng trước các rủi ro mất tiền trong tài khoản thanh toán, rủi ro về bị trộm cắp danh tính trong bối cảnh sự gia tăng không ngừng của tội phạm công nghệ cao. Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại các chi nhánh, phòng giao dịch Agribank trên toàn quốc.

Bảo hiểm nhân thọ: trong năm 2021 Agribank liên kết với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam, hoàn thiện công tác chuẩn bị triển khai dịch vụ liên kết bảo hiểm nhân thọ FWD. Năm 2022 Agribank chính thức phân phối các sản phẩm bảo hiểm FWD Việt Nam qua hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc.

Chứng khoán: Agribank hợp tác với Agriseo triển khai dịch vụ chứng khoán Agriseo trên ứng dụng Agribank Plus như dịch vụ mở tài khoản, nạp tiền chứng khoán, giao dịch, đầu tư tài phiếu, tư vấn đầu tư...

Dịch vụ liên kết khác: Agribank triển khai dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay...



Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng tổ chức

a) Nhóm sản phẩm huy động vốn

- *Tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)* là sản phẩm tiền gửi mà theo đó khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để thực hiện các dịch vụ chuyển khoản, thanh toán và đăng ký sử dụng các dịch vụ tiện ích giữa các tài khoản của Agribank.
- *Tiền gửi rút gốc linh hoạt* là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, theo đó trong thời hạn gửi tiền, bên gửi tiền có thể rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trước hạn.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Doanh nghiệp có thể chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền với đa dạng hình thức linh hoạt: trả lãi trước/sau toàn bộ hoặc theo định kỳ khách hàng đăng ký. Khách hàng có thể sử dụng số dư tài khoản để vay vốn tại Agribank theo quy định từng thời kỳ.
- *Tiền gửi Tích lũy*: Là hình thức gửi tiền có kỳ hạn của khách hàng tổ chức, theo đó khách hàng được gửi thêm tiền vào tài khoản không theo định kỳ (gửi tiền tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian giao dịch của ngân hàng mà không cần theo định kỳ), phù hợp với các doanh nghiệp muốn tích lũy một khoản vốn để thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản hoặc đầu tư dự án trong tương lai.
- *Tiền gửi trực tuyến*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn trả lãi sau được thực hiện trên kênh Agribank eBanking của Agribank.
- *Tiền gửi đầu tư tự động*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, trả lãi sau toàn bộ. Theo đó khách hàng ủy quyền cho Agribank tự động đầu tư số tiền tạm thời nhàn rỗi từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiền gửi đầu tư tự động. Hết thời hạn gửi tiền, tổng số tiền gốc và lãi của tài khoản tiền gửi đầu tư tự động được tự động chuyển về tài khoản thanh toán của khách hàng khi gửi tiền.
- *Giấy tờ có giá*: bao gồm kỳ phiếu, tín phiếu, Trái Phiếu, chứng chỉ tiền gửi được Agribank phát hành trong từng thời kỳ với kỳ hạn đa dạng và lãi suất hấp dẫn.

b) Tín dụng khách hàng pháp nhân

- *Cho vay, bao gồm:*
 - + *Cho vay tăng lần, cho vay hạn mức tín dụng*: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã liên hiệp hợp tác xã cần vốn cho chi phí sản xuất, kinh doanh.
 - + *Cho vay theo dự án đầu tư*: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã liên hiệp hợp tác xã cần vốn phục vụ chi phí đầu tư tài sản cố định như máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ để thực hiện dự án.
 - + *Cho vay dự án cơ sở hạ tầng*: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã liên hiệp hợp tác xã cần vốn để thực hiện các dự án hoặc phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.
 - + *Cho vay hợp vốn*: Agribank cung cấp một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.



- + Cho vay theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP: Là sản phẩm tín dụng của Agribank đối với khách hàng doanh nghiệp/ hợp tác xã/ liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu sử dụng vốn vay cho chi phí sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- + Cho vay các dự án theo chỉ định của Chính phủ: Agribank hỗ trợ chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh thuộc các dự án bằng nguồn vốn chỉ định của Chính phủ cho khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu, đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của dự án.
- + Cho vay theo dự án, chương trình bằng vốn tài trợ nước ngoài: Agribank hỗ trợ khách hàng doanh nghiệp chi phí phục vụ tiêu dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc dự án chương trình được tài trợ bằng vốn nước ngoài.
- + Cho vay ưu đãi xuất khẩu: Agribank hỗ trợ chi phí để thu mua, sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thông qua sản phẩm tín dụng "cho vay ưu đãi xuất khẩu" đối với khách hàng doanh nghiệp có tín nhiệm, có hợp đồng xuất khẩu, có nguồn thu ngoại tệ, thanh toán qua Agribank và có hợp đồng ký hạn hạn ngoại tệ cho Agribank.
- **Bảo lãnh:** Agribank cung cấp các loại hình bảo lãnh đa dạng như: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh đối ứng, xác nhận bảo lãnh, bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm, đồng bảo lãnh và các bảo lãnh khác theo yêu cầu của khách hàng.
- **Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá:** Agribank nhận chiết khấu, tái chiết khấu tối đa bằng nhu cầu của khách hàng doanh nghiệp là chủ sở hữu của Tin phiếu NHNN, Trái Phiếu phát hành theo quy định của Nhà nước (bao gồm Tin phiếu Kho bạc, Trái Phiếu Kho bạc, Trái Phiếu công trình trung ương, Trái Phiếu đầu tư, Trái Phiếu ngoại tệ, công trái xây dựng Tổ quốc, Trái Phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái Phiếu chính quyền địa phương), tín phiếu, kỳ phiếu, Trái Phiếu và giấy tờ có giá khác do các tổ chức tín dụng, tổ chức khác phát hành, hối phiếu đối nợ, hối phiếu nhận nợ, séc.
- e) **Dịch vụ thanh toán trong nước:** bao gồm dịch vụ gói rút nhiều nơi; dịch vụ chuyển nhận nhiều nơi (Agri-Pay); cung ứng séc trong nước, thanh toán thu hộ séc; thanh toán hóa đơn, thu hộ, chi hộ với đối tác (đơn vị quản lý tài chính công, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính); thu ngân sách nhà nước; kết nối thanh toán với khách hàng; quản lý vốn tập trung; số phụ điện tử; thu, chuyển và kinh phí công đoàn.
- d) **Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**
 - Agribank hiện đang cung cấp 40 sản phẩm dịch vụ liên quan đến thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại cho khách hàng pháp nhân, với các sản phẩm vượt trội trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, như: L/C, nhờ thu, bảo lãnh, chiết khấu, UPAS L/C (hình thức L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay) với sự tham gia tài trợ của 26 ngân hàng đại lý lớn (Wells Fargo, JP Morgan Chase, Standard Chartered, Shinhanbank, Citibank, ...), tài trợ thanh toán nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản Mỹ theo chương trình GSM – 102 của Bộ Nông nghiệp Mỹ... Agribank là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) – Sáng kiến đổi mới toàn cầu của Tổ chức SWIFT, sử dụng phương thức API với phần mềm SWIFT Microgateway hiện đại nhất.
 - Trên cơ sở hợp tác với các định chế tài chính lớn tại Trung Quốc và Lào, Agribank đã và



đang cung cấp dịch vụ thanh toán biên giới cho các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc bằng VND và CNY, qua biên giới Việt Nam – Lào bằng VND và LAK.

- Cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại đến các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: dịch vụ tài khoản, thu hộ chi hộ, thông báo, xác nhận L/C cho khách hàng của Agribank; phát hành bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng.

e) Mua bán ngoại tệ

Bao gồm mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ.

f) Thẻ

- Đơn vị chấp nhận thanh toán là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng ký kết với Agribank. Tró thành đơn vị chấp nhận thẻ của Agribank mang đến các lợi ích như: Sử dụng phương thức thanh toán hiện đại qua đó thu hút thêm khách hàng, giảm thiểu rủi ro về tiền giả, tiền rách, kiểm đếm, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tham gia các chương trình marketing, khuyến mại, quảng bá thương hiệu do Agribank triển khai,...
- Đơn vị chấp nhận thanh toán trực tuyến (E-merchant): Là tổ chức hoặc cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ qua Internet theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với Agribank.
- Dịch vụ chi lương qua tài khoản phát hành thẻ: Dịch vụ chi lương của Agribank là dịch vụ tự động chi trả lương căn bộ, nhân viên phát hành thẻ Agribank từ tài khoản của doanh nghiệp mở tại Agribank.
- Thẻ tín dụng quốc tế MasterCard dành cho công ty: Là sản phẩm thẻ do Agribank phát hành cho khách hàng là pháp nhân. Pháp nhân đăng tên để nghị phát hành thẻ, chỉ định cá nhân được ủy quyền quản lý, sử dụng thẻ. Thẻ có thể sử dụng để ứng tiền và được chấp nhận thanh toán trên phạm vi toàn cầu mang lại sự thuận tiện cho khách hàng mọi nơi mọi lúc. Thẻ tín dụng quốc tế Agribank MasterCard dành cho tổ chức có một hạng thẻ duy nhất: Hạng thẻ Vàng.

g) Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử là dịch vụ ngân hàng được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm:

- *Dịch vụ SMS Banking:* Với dịch vụ SMS Banking, khách hàng có thể vẫn tin số dư tài khoản của mình, được tự động thông báo biến động số dư.
- *Dịch vụ Agribank eBanking:* Là dịch vụ ngân hàng điện tử do Agribank cung cấp cho khách hàng thông qua hệ thống Agribank eBanking, bao gồm các kênh sau:
 - + Qua website tại địa chỉ <https://ebanking.agribank.com.vn/corporate/>, và/hoặc
 - + Qua ứng dụng *Agribank Corporate eBanking* dành cho khách hàng tổ chức được cài đặt trên điện thoại thông minh/máy tính bảng.
- Dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital): Là môi trường ngân hàng tự động



giao dịch 24/7, bao gồm thiết bị phần cứng và giải pháp phần mềm, cơ chức năng định danh, nhận diện khách hàng bằng công nghệ sinh trắc học để thực hiện các dịch vụ theo quy định của Agribank bao gồm các cửa phục: Kiosk, ATM/CMD, và hệ thống Web Admin và Web Counter.

k) Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ

Agribank cung cấp các loại hình dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ đa dạng như: Thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; Kiểm đếm, giao nhận tiền mặt với khách hàng; Thu chi tiền mặt lưu động tại địa chủ của khách hàng; Thu tiền theo tài niêm phụng; Dịch vụ bán-quản tài sản; Dịch vụ cho thuê tủ két an toàn...

l) Dịch vụ liên kết khác

Dịch vụ thu hộ tiền bán vé máy bay; Dịch vụ liên kết Ngân hàng – Bảo hiểm (Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm cháy nổ,...).

Cơ cấu thu nhập hoạt động kinh doanh trong doanh thu, lợi nhuận của Agribank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, cơ cấu doanh thu, lợi nhuận của Agribank không thể phân loại theo từng loại sản phẩm, dịch vụ nêu trên mà được phân loại theo các hoạt động như sau:

Cơ cấu doanh thu của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiết | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|--|----------------|--------------|----------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 128.077 | 78,995% | 153.631 | 85,224% | 34.908 | 86,933% |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 9.151 | 5,646% | 9.467 | 5,252% | 2.721 | 6,776% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 13.902 | 8,577% | 2.707 | 1,502% | 1.080 | 2,690% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 33 | 0,020% | 18 | 0,010% | 21 | 0,052% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư | 86 | 0,053% | 3.013 | 1,671% | - | - |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 10.821 | 6,676% | 11.342 | 6,292% | 1.425 | 3,549% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 53 | 0,033% | 90 | 0,050% | - | - |
| Tổng cộng | 162.083 | 100% | 180.267 | 100% | 40.125 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)



Cơ cấu doanh thu của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|--|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 127.833 | 80,913% | 153.423 | 86,263% | 34.856 | 89,219% |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ | 7.094 | 4,440% | 7.183 | 4,039% | 1.709 | 4,374% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 13.902 | 8,702% | 3.707 | 1,522% | 1.080 | 2,764% |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | - | - | - | - | - |
| Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư | 86 | 0,054% | 3.000 | 1,687% | - | - |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 10.803 | 6,762% | 11.315 | 6,362% | 1.423 | 3,642% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 47 | 0,029% | 726 | 0,127% | - | - |
| Tổng cộng | 159.768 | 100% | 177.854 | 100% | 39.068 | 100% |

(Nguồn: BCTC hàng đầu kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý 1/2024)

Cơ cấu thu nhập thuần của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần | 60.190 | 77,304% | 35.964 | 73,503% | 14.186 | 81,594% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 4.767 | 6,122% | 4.566 | 5,997% | 1.431 | 8,201% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 2.858 | 3,621% | 2.007 | 2,636% | 685 | 3,940% |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 14 | 0,018% | 5 | 0,007% | 18 | 0,104% |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 137 | 0,176% | 2.977 | 3,910% | - | - |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 9.842 | 12,640% | 10.529 | 13,829% | 1.066 | 6,131% |

(Chữ ký và dấu)



| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|----------------------------------|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 53 | 0,068% | 90 | 0,118% | - | - |
| Tổng cộng | 77.861 | 100% | 76.138 | 100% | 17.386 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Cơ cấu thu nhập thuần của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần | 59.839 | 77,913% | 55.610 | 74,109% | 14.097 | 83,523% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 4.111 | 3,353% | 3.726 | 4,965% | 1.032 | 6,114% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 2.857 | 3,720% | 2.007 | 2,675% | 685 | 4,059% |
| Lãi/Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | (0,04) | 0,000% | - | - | - | - |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán dài hạn | 125 | 0,160% | 2.965 | 3,951% | - | - |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 9.825 | 12,793% | 10.504 | 13,988% | 1.064 | 6,304% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 41 | 0,061% | 226 | 0,301% | - | - |
| Tổng cộng | 76.801 | 100% | 75.838 | 100% | 16.878 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

3.1.2. Hoạt động huy động vốn

Xác định huy động vốn là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quản trị điều hành hoạt động kinh doanh, Agribank đã tập trung chỉ đạo, lĩnh hoạt điều hành công tác huy động vốn phù hợp với tình hình thị trường, đảm bảo nguồn vốn cho tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng; triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt để huy động nguồn vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế; đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, phát huy công tác quản lý vốn huy động tập trung tại Trụ sở chính đối với nguồn tiền gửi lớn của các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn, thường xuyên theo dõi tình hình cần đổi vốn và sử dụng vốn của toàn hệ thống, đảm bảo thanh khoản và cân đối dư vốn để cho vay; Kiểm soát và điều hành tăng trưởng vốn huy động phù hợp tốc độ và cơ cấu tăng trưởng tín dụng; Thực hiện điều chuyển kịp thời vốn thanh toán và vốn tiền mặt trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chi nhánh Agribank.

Phát huy thế mạnh về mạng lưới, nguồn vốn huy động của Agribank tiếp tục tăng trưởng ổn định, khẳng định mức độ tin nhiệm lớn của khách hàng đối với uy tín, thương hiệu không ngừng



được nâng cao của Agribank. Tính đến thời điểm 31/03/2024, tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của Agribank đạt 1.906.303 tỷ đồng (tăng 1,099% so với cuối năm 2023), tổng nguồn vốn huy động riêng của Agribank đạt 1.908.715 tỷ đồng (tăng 1,058% so với cuối năm 2023). Tiền gửi của Khách hàng là kênh huy động vốn chính của Agribank (chiếm khoảng 96% tổng huy động vốn). Bên cạnh đó, từ năm 2018 đến nay, Agribank cũng liên tục tăng cường huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành Trái Phiếu riêng lẻ và phát hành Trái Phiếu ra công chúng giúp gia tăng vốn cấp 2, đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Tình hình huy động vốn của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|---|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Vay NHNN | 771 | 552 | 384 | 343 |
| Tiền gửi của KBNN | 646 | 5.355 | 892 | 1.818 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 3.448 | 32.502 | 2.743 | 10.293 |
| Tiền gửi của khách hàng | 1.542.504 | 1.623.933 | 1.817.271 | 1.829.889 |
| Vốn tài trợ ủy thác đầu tư cho vay NHNN chịu rủi ro | 5.788 | 4.957 | 3.737 | 3.422 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 28.561 | 78.463 | 60.559 | 60.538 |
| Tổng vốn huy động | 1.581.718 | 1.745.764 | 1.885.586 | 1.906.303 |
| Tăng trưởng huy động | 8,462% | 10,371% | 8,009% | 1,099% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Tình hình huy động vốn của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|---|------------------|------------------|------------------|------------------|
| Vay NHNN | 771 | 552 | 384 | 343 |
| Tiền gửi của KBNN | 646 | 5.355 | 892 | 1.818 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 3.239 | 32.302 | 2.509 | 9.343 |
| Tiền gửi của khách hàng | 1.545.474 | 1.627.716 | 1.820.846 | 1.833.216 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNN chịu rủi ro | 5.788 | 4.957 | 3.737 | 3.422 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 28.561 | 78.463 | 60.564 | 60.543 |
| Tổng vốn huy động | 1.584.479 | 1.749.365 | 1.888.732 | 1.908.715 |
| Tăng trưởng huy động | 8,453% | 10,406% | 7,967% | 1,058% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021



Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Trong nước | 1.581.265 | 99,971% | 1.745.677 | 99,993% | 1.883.531 | 99,987% | 1.906.304 | 99,999% |
| Ngoài nước | 453 | 0,029% | 87 | 0,005% | 55 | 0,003% | 19 | 0,001% |
| Tổng cộng | 1.581.718 | 100% | 1.745.764 | 100% | 1.883.586 | 100% | 1.906.323 | 100% |

(Nguồn: Agribank)

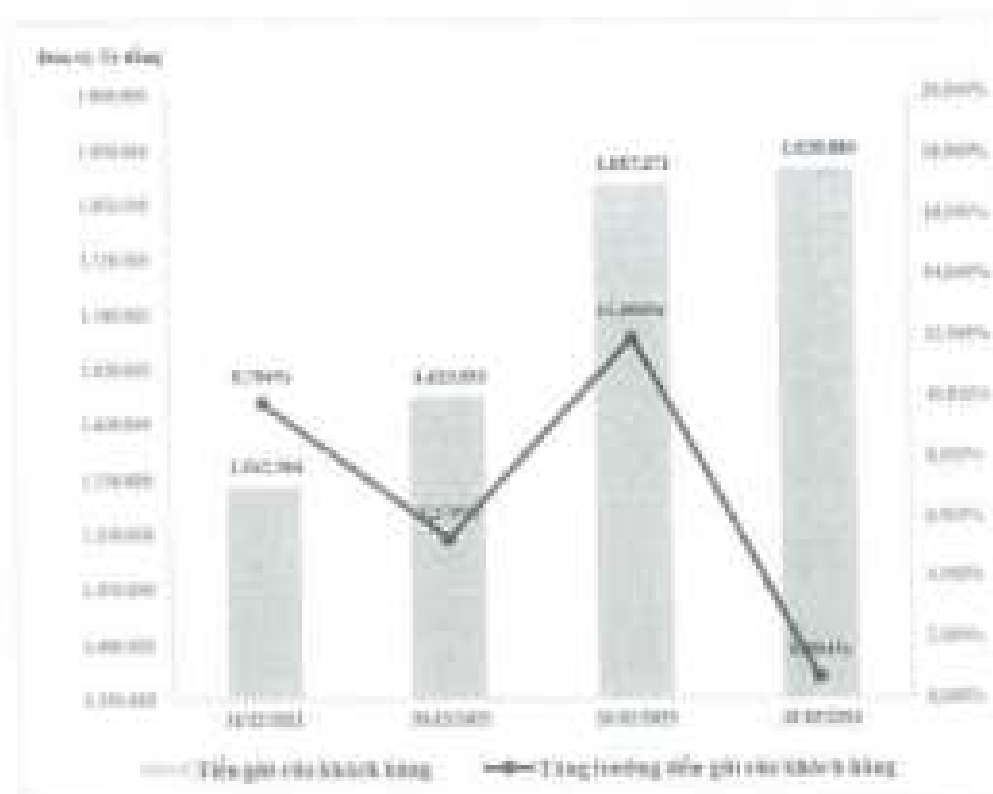
Cơ cấu nguồn huy động vốn trong nước và ngoài nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Trong nước | 1.584.026 | 99,971% | 1.749.278 | 99,993% | 1.888.677 | 99,997% | 1.908.096 | 99,999% |
| Ngoài nước | 453 | 0,029% | 87 | 0,005% | 55 | 0,003% | 19 | 0,001% |
| Tổng cộng | 1.584.479 | 100% | 1.749.365 | 100% | 1.888.732 | 100% | 1.908.115 | 100% |

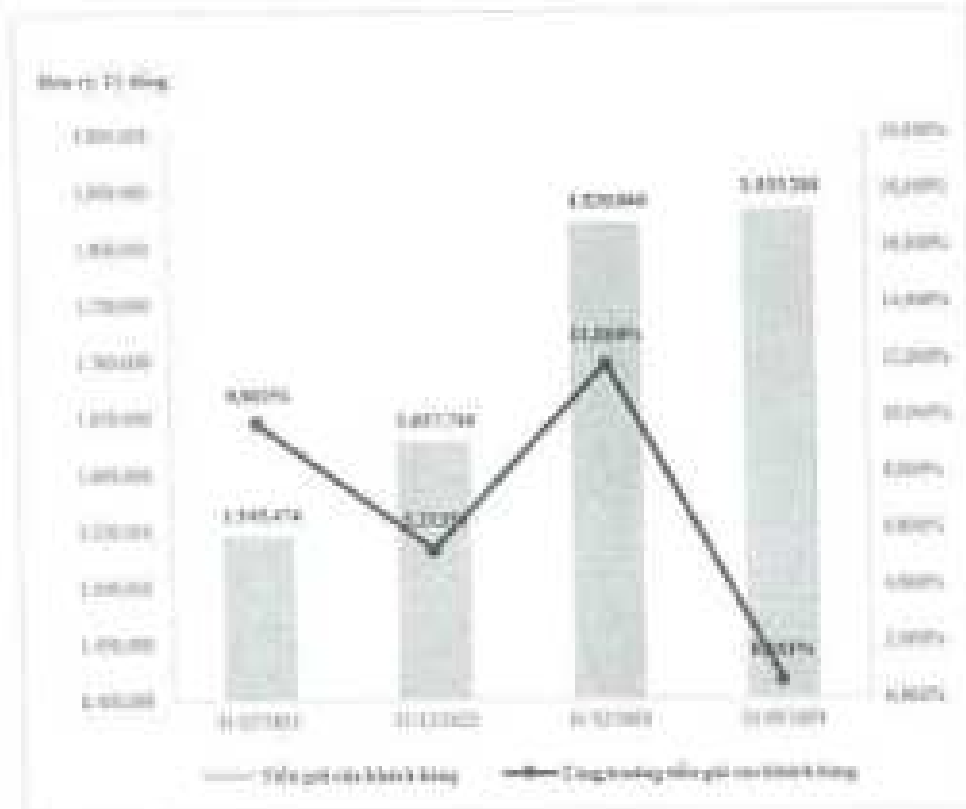
(Nguồn: Agribank)

Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm (Hợp nhất)



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Tình hình tiền gửi khách hàng của Agribank qua các năm (Công ty mẹ)



(Nguồn: BCTC công bố hiện tại năm 2022, 2023 & BCTC công bố 2024)

Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 (%) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|-------------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Vay NHNN | 771 | 552 | 384 | 343 |
| Bằng VND | 771 | 552 | 384 | 343 |
| Bằng ngoại tệ | - | - | - | - |
| Tiền gửi của KBNN | 646 | 5.355 | 892 | 1.818 |
| Bằng VND | 642 | 5.351 | 888 | 1.813 |
| Bằng ngoại tệ | 4 | 4 | 4 | 5 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 3.448 | 32.503 | 2.743 | 10.293 |
| Bằng VND | 2.552 | 1.733 | 2.139 | 9.741 |
| Bằng ngoại tệ | 896 | 24.769 | 604 | 552 |
| Tiền gửi của khách hàng | 1.542.504 | 1.623.935 | 1.817.271 | 1.829.889 |



| Chỉ tiêu | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|---|----------------|------------|------------|------------|
| Bảng VND | 1.530.332 | 1.609.637 | 1.803.969 | 1.817.523 |
| Bảng ngoại tệ | 12.172 | 14.298 | 13.302 | 12.366 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNN chưa rút ra | 5.788 | 4.957 | 3.737 | 3.422 |
| Bảng VND | 4.825 | 4.114 | 3.540 | 3.222 |
| Bảng ngoại tệ | 963 | 843 | 197 | 200 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 28.561 | 78.462 | 60.559 | 60.538 |
| Bảng VND | 28.561 | 78.462 | 60.559 | 60.538 |
| Bảng ngoại tệ | 0,262 | 0,271 | - | - |
| Vốn huy động | 1.581.718 | 1.745.764 | 1.885.586 | 1.906.303 |
| Huy động vốn VND | 1.567.683 | 1.705.849 | 1.871.479 | 1.893.180 |
| Huy động vốn ngoại tệ | 14.035 | 39.915 | 14.107 | 13.123 |
| Tỷ trọng huy động vốn VND | 99,113% | 97,714% | 99,252% | 99,312% |
| Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ | 0,887% | 2,286% | 0,748% | 0,688% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agrihank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Cơ cấu huy động theo loại tiền | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|--------------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Vay NHNN | 771 | 552 | 384 | 343 |
| Bảng VND | 771 | 552 | 384 | 343 |
| Bảng ngoại tệ | - | - | - | - |
| Tiền gửi của KBNN | 646 | 5.355 | 892 | 1.818 |
| Bảng VND | 642 | 5.351 | 888 | 1.813 |
| Bảng ngoại tệ | 4 | 4 | 4 | 5 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 3.239 | 32.302 | 2.309 | 9.343 |
| Bảng VND | 2.343 | 7.533 | 1.705 | 8.791 |
| Bảng ngoại tệ | 896 | 24.769 | 604 | 552 |
| Tiền gửi của khách hàng | 1.545.473 | 1.627.736 | 1.870.846 | 1.833.246 |



| Cơ cấu huy động theo loại tiền | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|---|----------------|------------|------------|------------|
| Bảng VND | 1.533.302 | 1.613.438 | 1.807.543 | 1.820.881 |
| Bảng ngoại tệ | 12.171 | 14.298 | 13.303 | 12.365 |
| Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay NHNN chưa rủi ro | 5.788 | 4.957 | 3.737 | 3.422 |
| Bảng VND | 4.825 | 4.114 | 3.540 | 3.222 |
| Bảng ngoại tệ | 963 | 845 | 197 | 200 |
| Phát hành giấy tờ có giá | 28.561 | 78.463 | 60.564 | 60.543 |
| Bảng VND | 28.561 | 78.463 | 60.564 | 60.543 |
| Bảng ngoại tệ | 0,262 | 0,271 | - | - |
| Vốn huy động | 1.584.479 | 1.749.365 | 1.888.732 | 1.908.715 |
| Huy động vốn VND | 1.570.444 | 1.709.451 | 1.874.624 | 1.895.593 |
| Huy động vốn ngoại tệ | 14.035 | 39.914 | 14.108 | 13.122 |
| Tỷ trọng huy động vốn VND | 99,114% | 97,718% | 99,253% | 99,313% |
| Tỷ trọng huy động vốn ngoại tệ | 0,886% | 2,282% | 0,747% | 0,687% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Đồng nội tệ chiếm phần lớn tỷ trọng trung cơ cấu huy động vốn theo loại tiền của Agribank, tại ngày 31/03/2024, giá trị huy động vốn Việt Nam đồng hợp nhất chiếm đến hơn 99% tổng nguồn vốn.

Với đặc điểm là NHTM chủ lực trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nguồn tiền gửi của Agribank đến chủ yếu từ khách hàng cá nhân (chiếm khoảng 80%). Xét về cơ cấu tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) của Agribank dao động quanh mức 10 – 13%.

Vốn huy động tăng trưởng bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh doanh và gần với đảm bảo khả năng thanh khoản và các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Về điều hành lãi suất huy động, Agribank bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường để điều hành linh hoạt, đồng bộ công cụ phi, lãi suất phù hợp theo hướng tiết giảm chi phí huy động vốn. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của NHNN về trần lãi suất tiền gửi, Agribank đã ban hành các văn bản về lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng), duy trì lãi suất huy động ở mức thấp và điều chỉnh giảm linh hoạt theo tín hiệu thị trường, góp phần định hướng mặt bằng lãi suất thị trường theo chủ trương của Chính phủ, NHNN.



8.1.3. Hoạt động tín dụng

8.1.3.1. Hoạt động cho vay khách hàng

Với vị trí là NHTM lớn nhất, đồng với trò chơi trên thị trường tài chính nông thôn, Agribank đã vượt qua nhiều khó khăn để có thể hoàn thành tốt hai nhiệm vụ: vừa phục vụ các chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn và phát triển.

Luôn xem trọng lợi ích của doanh nghiệp, lấy khách hàng làm trọng tâm trong mục tiêu hướng tới phát triển bền vững, Agribank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tiên phong triển khai mạnh mẽ các chương trình tín dụng ưu đãi đối với các đối tượng khách hàng pháp nhân và cá nhân. Cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực có chi phí hoạt động cao, rủi ro lớn do thiên tai, biến đổi khí hậu, thị trường tiêu thụ hàng hóa, lãi suất cho vay thấp theo chính sách ưu đãi lãi suất, phần nào ảnh hưởng đến năng lực tài chính, khả năng tự tăng vốn tự có từ lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

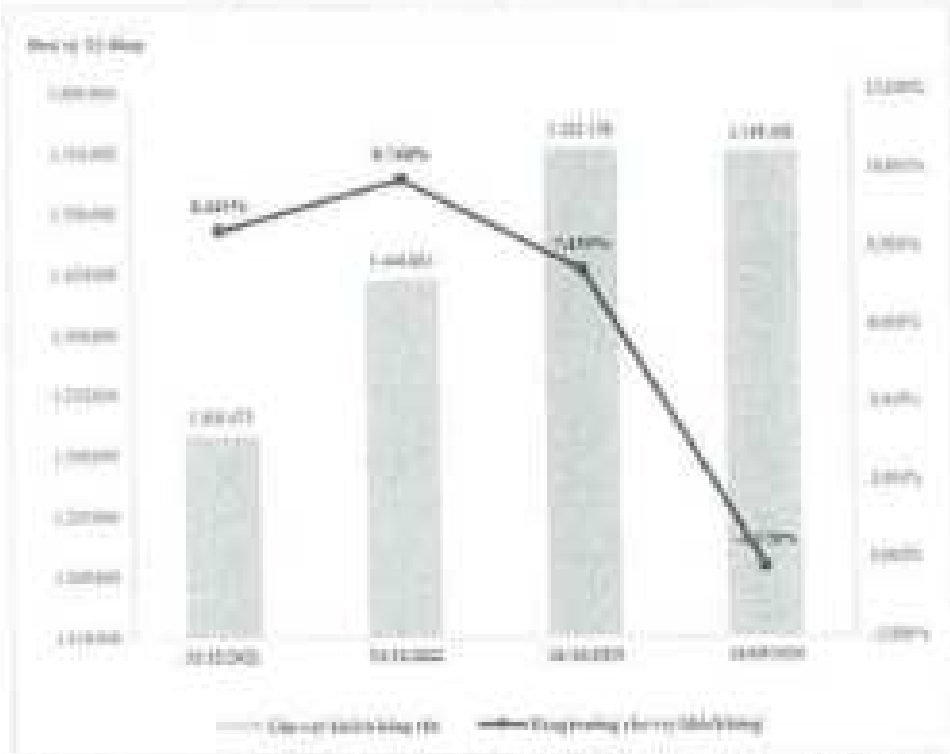
Với ưu tiên hàng đầu tiếp tục đẩy mạnh đầu tư tín dụng phát triển nông nghiệp an toàn, hiện quả và bền vững, Agribank đưa ra nhiều giải pháp hiệu quả như: ban hành đồng bộ chính sách ưu đãi về lãi suất tiền gửi, tiền vay, phí thanh toán, phí dịch vụ và các chính sách khác để khách hàng có thể sử dụng nhiều gói sản phẩm, dịch vụ có tính liên kết, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi khách hàng truyền thống, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Năm 2022, Agribank đã nỗ lực triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 2 năm (2022-2023) thông qua hệ thống các NHTM với tổng số tiền hỗ trợ lên tới 40.000 tỷ đồng là chương trình hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách Nhà nước có quy mô lớn nhất từ trước tới nay với mục tiêu phục hồi nhanh nền kinh tế. Sang năm 2023, trên cơ sở tiết giảm chi phí huy động đầu vào, Agribank đã thực hiện tám lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, theo đó lãi suất cho vay đã giảm mạnh từ 1,3-4%/năm so với đầu năm. Bên cạnh đó, Agribank còn triển khai nhiều chương trình chính sách lãi suất cho vay như cho vay lĩnh vực lâm thủy sản, chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị quyết 33/NQ-CP, cho vay hỗ trợ các cá nhân hưởng lương ngân sách, cho vay hỗ trợ đối với cán bộ nhân viên y tế; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ngành lúa gạo Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long... Cùng với giảm lãi suất cho vay, Agribank đã triển khai 03 chương trình giảm lãi suất đối với dư nợ hiện hữu của gần 2 triệu khách hàng với số tiền giảm lãi ước tính lên tới hơn 1.000 tỷ đồng trong năm 2023 và sẽ tiếp nối thực hiện trong năm 2024.

Tính đến 31/12/2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng hợp nhất tăng 7,430% so với thời điểm 31/12/2022, đạt 1.552.158 tỷ đồng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN và HĐTV giao, tiếp tục là một trong những trụ cột cung cấp tín dụng cho nền kinh tế. Đến 31/03/2024 tổng dư nợ cho vay khách hàng là 1.549.401 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN. Cơ cấu tín dụng được điều chỉnh theo hướng tập trung cho vay ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao như đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, BOT, BT giao thông, đầu tư.

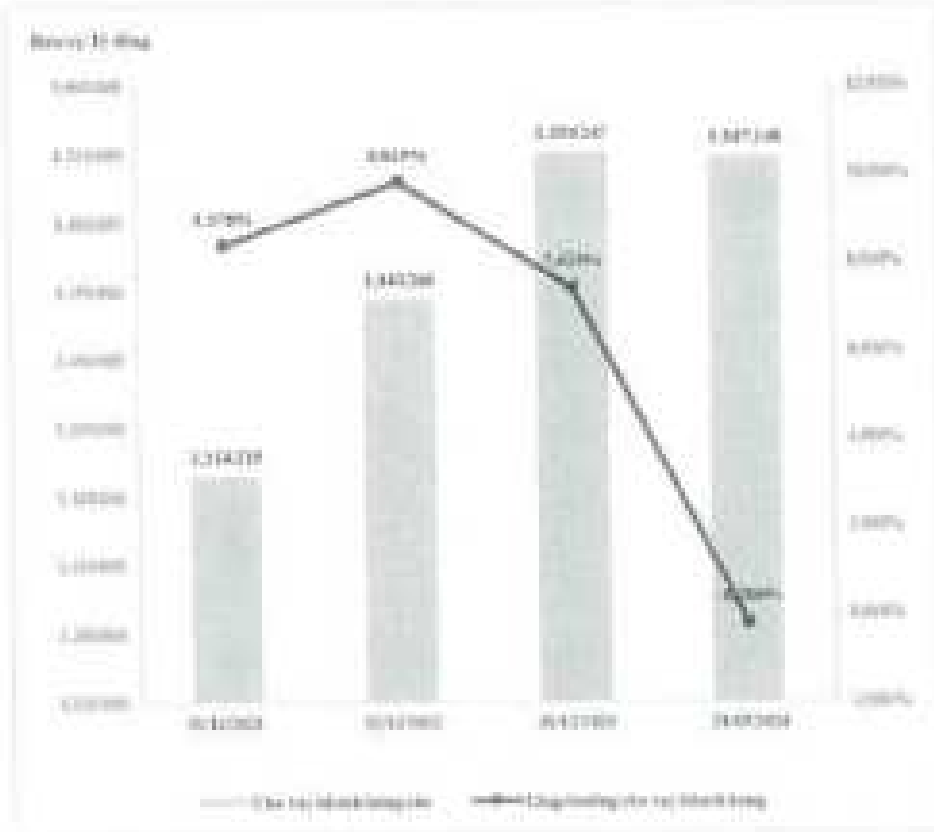


Tình hình cho vay khách hàng của Agribank qua các năm (Hợp nhất)



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Tình hình cho vay của Agribank qua các năm (Công ty mẹ)



(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

Handwritten signatures and initials



Chỉ tiêu phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời hạn cho vay theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của NHNN quy định về phân loại tín sản cơ, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11") như sau:

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Phân tích dư nợ vay khách hàng theo kỳ hạn | 31/12/2021 (*) | | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|--|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Gia trị | Tỷ trọng (%) | Gia trị | Tỷ trọng (%) | Gia trị | Tỷ trọng (%) | Gia trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 792.934 | 68,233% | 876.479 | 68,664% | 943.343 | 60,776% | 953.591 | 61,546% |
| Nợ trung hạn | 364.063 | 23,654% | 386.032 | 26,719% | 480.374 | 25,908% | 388.335 | 25,064% |
| Nợ dài hạn | 157.202 | 11,941% | 189.762 | 12,511% | 399.339 | 13,344% | 299.322 | 13,362% |
| Phân tích, cho vay của các công ty con | 2.254 | 0,177% | 1.338 | 0,100% | 1.911 | 0,122% | 2.257 | 0,142% |
| Tổng dư nợ cho vay | 1.316.453 | 100% | 1.443.582 | 100% | 1.592.358 | 100% | 1.549.401 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Phân tích dư nợ vay khách hàng theo kỳ hạn | 31/12/2021 (*) | | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|--|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | Gia trị | Tỷ trọng (%) | Gia trị | Tỷ trọng (%) | Gia trị | Tỷ trọng (%) | Gia trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 790.934 | 60,337% | 876.479 | 60,721% | 943.343 | 60,811% | 953.591 | 61,635% |
| Nợ trung hạn | 364.063 | 23,702% | 386.032 | 26,747% | 480.374 | 25,968% | 388.335 | 25,109% |
| Nợ dài hạn | 157.202 | 11,962% | 189.762 | 12,537% | 399.339 | 13,189% | 299.322 | 13,287% |
| Tổng dư nợ cho vay | 1.312.200 | 100% | 1.443.264 | 100% | 1.592.297 | 100% | 1.547.148 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Tính đến thời điểm 31/03/2024, theo báo cáo tài chính hợp nhất, tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 1.549.401 tỷ đồng. Trong đó cho vay ngắn hạn tiếp tục có tỷ trọng cao nhất khi phân tích dư nợ cho vay khách hàng phân theo kỳ hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 953.591 tỷ đồng tương đương 61,546%; nợ trung, dài hạn chiếm tỷ trọng lần lượt là 25,064% và 13,345%.



8.1.1.2. Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu

Chất lượng tín dụng luôn được Agribank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đồng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Chi tiết phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng theo Thông tư 11 như sau:

Chất lượng tín dụng của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Hạng mục | 31/12/2021 (*) | | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|-------------------------------------|----------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ đã thu chuẩn | 1.258.202 | 95,74% | 1.281.929 | 95,68% | 1.495.187 | 95,94% | 1.475.708 | 95,28% |
| Nợ cần chú ý | 39.482 | 2,12% | 35.288 | 2,40% | 32.348 | 2,04% | 39.134 | 2,32% |
| Nợ được tái chuẩn | 1.549 | 0,13% | 1.888 | 0,20% | 1.888 | 0,13% | 8.602 | 0,53% |
| Nợ nghi ngờ | 1.433 | 0,10% | 1.176 | 0,23% | 2.293 | 0,34% | 1.782 | 0,17% |
| Nợ có khả năng mất vốn | 18.705 | 1,40% | 19.009 | 1,31% | 19.247 | 1,24% | 17.923 | 1,13% |
| Phân bổ, chi dự của chi công ty con | 2.294 | 0,17% | 1.338 | 0,09% | 1.911 | 0,12% | 2.233 | 0,34% |
| Tổng dư nợ cho vay | 1.316.473 | 100% | 1.444.862 | 100% | 1.553.158 | 100% | 1.549.401 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021)

Chất lượng tín dụng của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

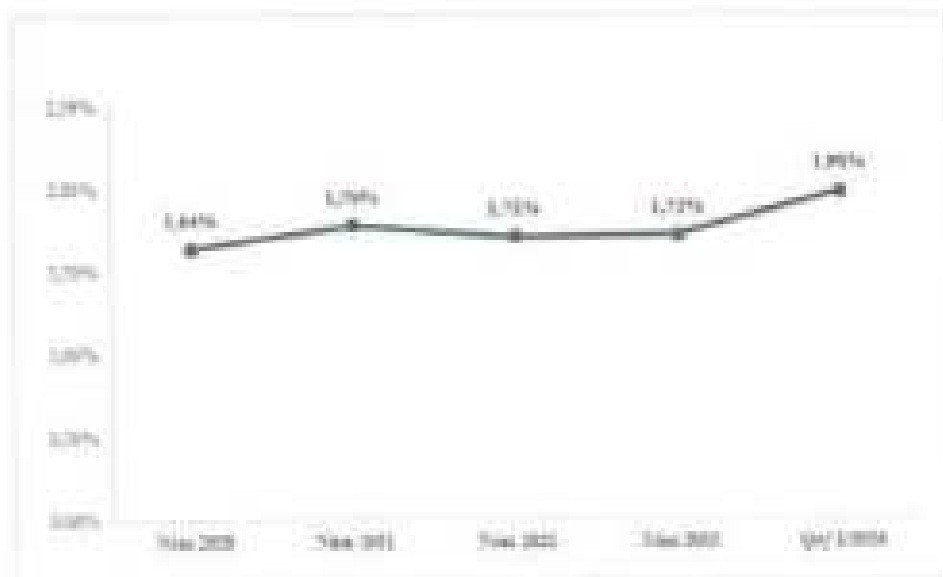
| Hạng mục | 31/12/2021 (*) | | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|------------------------|----------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ đã thu chuẩn | 1.258.202 | 95,73% | 1.281.929 | 95,73% | 1.488.187 | 96,86% | 1.475.708 | 95,38% |
| Nợ cần chú ý | 39.482 | 2,13% | 35.288 | 2,44% | 32.348 | 2,08% | 39.134 | 2,52% |
| Nợ được tái chuẩn | 1.549 | 0,13% | 1.888 | 0,26% | 1.888 | 0,23% | 8.602 | 0,28% |
| Nợ nghi ngờ | 1.433 | 0,10% | 1.176 | 0,23% | 2.293 | 0,36% | 1.782 | 0,17% |
| Nợ có khả năng mất vốn | 18.705 | 1,40% | 19.009 | 1,38% | 19.247 | 1,24% | 17.923 | 1,38% |
| Tổng dư nợ cho vay | 1.316.473 | 100% | 1.443.284 | 100% | 1.550.247 | 100% | 1.547.348 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021



Tình hình nợ xấu theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN



(Nguồn: Agribank)

Tính đến thời điểm 31/03/2024, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11 là 1,98% (đảm bảo kế hoạch NHNN giao). Tỷ lệ nợ xấu 3 tháng đầu năm 2024 tăng là do ảnh hưởng suy thoái của nền kinh tế thế giới và tốc độ phục hồi của nền kinh tế sau đại dịch Covid còn chậm.

2.1.3.3. Rủi ro lãi suất và phân loại trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Rủi ro lãi suất được Agribank thực hiện kiểm soát thông qua việc thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhằm đảm bảo chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra thực dương sau khi loại trừ các chi phí về huy động vốn, chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường để đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Agribank. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Agribank áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

Tính đến thời điểm 31/03/2024, số dự phòng rủi ro cho vay khách hàng hợp nhất và riêng của Agribank lần lượt là 36.265 tỷ đồng và 35.737 tỷ đồng.

Số dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 34.211 | 36.835 | 38.013 | 36.265 |
| Dự phòng cụ thể | 24.584 | 26.237 | 26.600 | 24.909 |
| Dự phòng chung | 9.627 | 10.598 | 11.413 | 11.356 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|------------------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng | 33.652 | 36.276 | 37.488 | 35.737 |
| Dự phòng cụ thể | 24.047 | 25.715 | 26.123 | 24.431 |
| Dự phòng chung | 9.605 | 10.561 | 11.365 | 11.306 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

() Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021*

8.1.3.4. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

Agribank luôn bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn. Cụ thể:

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 | Quy định (*) |
|----------------------------------|------------|------------|------------|------------|--------------|
| Tỷ lệ an toàn vốn riêng (CAR) | 10,2% | 10,6% | 9,2% | 9,5% | ≥ 8% |
| Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (CAR) | 10,5% | 10,8% | 9,2% | 9,5% | ≥ 8% |

(Nguồn: Agribank)

() Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022: Agribank áp dụng quản lý, tính toán tỷ lệ CAR theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, quy định CAR (riêng và hợp nhất) tối thiểu là 9%.*

Từ 01/01/2023, Agribank áp dụng quản lý, tính toán theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, quy định CAR (riêng và hợp nhất) tối thiểu là 8%.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

8.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Agribank là NHTM hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối và cung cấp các dịch vụ ngoại hối đa dạng cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Agribank luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của khách hàng cá nhân bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của Ngân hàng. Với lợi thế về mạng lưới, nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào và nhân sự giàu kinh nghiệm trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, Agribank không chỉ kịp thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng nội chung mà còn hỗ trợ tích cực cho khách hàng doanh nghiệp phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh thông qua việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngoại hối đặc thù, phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Agribank luôn chú trọng đến công tác phát triển khách hàng nhằm khai thác tối đa các kênh khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Lợi nhuận kinh doanh ngoại tệ của Agribank trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 2.838 tỷ đồng và 2.007 tỷ đồng. Đến hết Quý I/2024, con số này đạt 585 tỷ đồng.

Handwritten signatures and initials in blue ink.



8.1.4.2. Hoạt động thanh toán

Tình hình dịch vụ thanh toán của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 (*) | Năm 2022 | Năm 2023 | 3 tháng đầu năm 2024 |
|---------------------------------|--------------|----------|----------|----------------------|
| Thu từ dịch vụ thanh toán | 5.329 | 5.502 | 5.428 | 1.319 |
| Chi về dịch vụ thanh toán | 1.576 | 1.797 | 2.223 | 475 |
| Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán | 3.753 | 3.705 | 3.205 | 844 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

Tình hình dịch vụ thanh toán của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 (*) | Năm 2022 | Năm 2023 | 3 tháng đầu năm 2024 |
|---------------------------------|--------------|----------|----------|----------------------|
| Thu từ dịch vụ thanh toán | 5.329 | 5.502 | 5.428 | 1.319 |
| Chi về dịch vụ thanh toán | 1.576 | 1.797 | 2.223 | 475 |
| Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán | 3.753 | 3.705 | 3.205 | 844 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

u) Hoạt động thanh toán trong nước

Agribank đã phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng hệ thống công nghệ đồng tin, chủ động áp dụng các giải pháp ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ E-Banking: Mở tài khoản trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai phiên bản mới của dịch vụ Agribank Plus có tính năng hiện đại, độ tùy biến cao, chức năng được sắp xếp khoa học, rõ ràng hơn, màn sắc tươi trẻ, hiện đại và khách hàng có thể chủ động trong việc thiết lập các chức năng ưu tiên ngay trên ứng dụng theo nhu cầu; Triển khai dịch vụ chuyển khoản qua mã VietQR; Bổ sung chức năng chọn tài khoản nguồn; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự bất huộc mô tô - xe máy trên ứng dụng Agribank Plus; Triển khai dịch vụ thu nợ tiền vay trên ứng dụng; Nạp tiền vào tài khoản giao thông ePass; Nộp ngân sách Nhà nước; Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử trên ứng dụng; Bổ sung thêm nhiều tiện ích trên ứng dụng Agribank Plus (tính năng quét QR, gọi taxi, đặt món ăn, đặt sân Golf; mua sản trực tuyến, đặt vé tàu xe, giao hàng, thanh toán hóa đơn, dịch vụ mua gói học trực tuyến...); Triển khai thí điểm Agribank E-Banking, hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử thông qua các thiết bị có kết nối Internet (dịch vụ thanh toán, tài khoản tiền gửi, tín dụng, thanh toán quốc tế, thương mại điện tử, thẻ, dịch vụ phủ tài chính và các dịch vụ khác...); Phát triển sản phẩm Tiền gửi trực tuyến trên ứng dụng Agribank Plus đáp ứng nhu cầu gửi tiền trực tuyến, giảm tải giao dịch tại quầy; Cập nhật bổ sung đặc điểm, tiện ích tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của NHNN; Liên kết hợp tác, ký kết thỏa thuận hợp tác với



các đối tác, công ty fintech để phát triển dịch vụ ví điện tử, thu hộ, chi hộ... đáp ứng nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt của nền kinh tế; Triển khai phát hành thẻ chip nội địa không tiếp xúc theo chuẩn VCCS, ứng dụng kết nối POS với phần mềm hệ thống kế toán của Đơn vị chấp nhận thẻ; Triển khai thí điểm sản phẩm thẻ liên kết bệnh viện; Triển khai Đề án phát triển dịch vụ thẻ tại thị trường nông nghiệp, nông thôn. Xác định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ trên nền tảng công nghệ thông tin, Agribank tập trung phát triển mạnh dịch vụ ngân hàng điện tử, dịch vụ ứng dụng giải pháp công nghệ 4.0, triển khai các công việc ban đầu để phát triển ngân hàng số, thực hiện chuyển đổi số. Dịch vụ ngân hàng điện tử có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng tiện ích và chất lượng dịch vụ. Tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu ngày càng tăng, tạo nguồn thu đáng kể cho Agribank. Đây là nhóm dịch vụ sẽ là kênh phân phối khách hàng ưa thích sử dụng.

Năm 2022, Agribank ra mắt và triển khai sản phẩm thẻ chip nội địa Lộc Việt theo chuẩn VCCS sử dụng công nghệ hiện đại nhất hiện nay, tích hợp hai ứng dụng thẻ ghi nợ và tín dụng trên cùng một chip, giúp khách hàng linh hoạt và chủ động trong lựa chọn phương thức thanh toán. Với qua, sản phẩm Thẻ Lộc Việt của Agribank đã dành Giải Sao Khuê 2022 cho hệ thống công nghệ thông tin xuất sắc lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Cũng trong năm 2022, Agribank triển khai Dự án Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital) giai đoạn 1, mô hình được hình chọn là Giải pháp xuất sắc của ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam và được vinh danh Giải thưởng Sao Khuê 2023.

Năm 2023, Agribank triển khai bổ sung một số sản phẩm, chức năng, tiện ích mới, như: Sản phẩm thẻ First Class; bổ sung một số chức năng mới trên ứng dụng Agribank Plus (Đăng ký phát hành/phôi hành lại thẻ, chuyển đổi thẻ chip nội địa, mở khóa thẻ, định danh thẻ); Đơn vị chấp nhận thẻ trực tuyến (E-Merchant) chấp nhận thẻ nội địa; Thí điểm chức năng giao dịch bằng CCD gần chip tại ATM đến tháng 6/2024; Mở rộng chức năng rút tiền bằng mã QR tại ATM.

b) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại

Tính đến ngày 31/03/2024, Agribank có 171 Chi nhánh loại I, 38 Chi nhánh loại II và 01 chi nhánh nước ngoài tại Campuchia được phép thực hiện Thanh toán quốc tế trực tiếp, trong đó đã thực hiện xử lý tác nghiệp Thanh toán quốc tế tập trung đối với nghiệp vụ thư tín dụng (gồm UPAS L/C) và Nhò thu tại Trung tâm Tài trợ thương mại là 48 Chi nhánh loại I và loại II... Trong nhiều năm qua, Agribank liên tục nhận được các giải thưởng về "Tỷ lệ diện đạt chuẩn cao" được Bank of New York Mellon (Mỹ) và Citibank (Mỹ) trao tặng, "Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc" do Wells Fargo (Mỹ) trao tặng với tỷ lệ diện chuẩn đạt 100%, Giải "Chất lượng thanh toán xuất sắc và tỷ lệ diện thanh toán chuẩn (MT103)" do J.P Morgan Chase (Mỹ) trao tặng; Giải "Chất lượng thanh toán xuất sắc năm 2023" do Standard chartered Bank trao tặng.

c) Hoạt động thanh toán biên giới

Thanh toán biên giới là một trong những thế mạnh của Agribank và Agribank cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai nghiệp vụ này vào năm 1996 tại thị trường Trung Quốc. Hiện nay, Agribank đang triển khai hoạt động này với thị trường Trung Quốc và Lào. Tính đến năm 2024, Agribank



có 07 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Trung Quốc và 01 chi nhánh đầu mối trực tiếp thanh toán biên giới với Lào. Hoạt động thanh toán biên giới của Agribank được thực hiện qua Hệ thống thanh toán biên giới qua Internet Banking (CBPS) là hệ thống thanh toán, chuyển tiền quốc tế hoàn chỉnh do Agribank xây dựng và giữ bản quyền trên nền tảng công nghệ Internet tiên tiến, áp dụng các giải pháp bảo mật cao cấp của Agribank. Hệ thống này đã được Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) trao giải thưởng Sao Khuê 2017.

Việc triển khai thanh toán biên giới qua CBPS đã giúp Agribank nâng cao chất lượng và mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, đáp ứng chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy quan hệ hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tại biên giới.

Năm 2023, tổng doanh số thanh toán biên giới (TTBG) đạt 37.512 tỷ đồng và tổng phí TTBG đạt 18 tỷ đồng. Doanh số TTBG qua Agribank 3 tháng năm 2024 đạt gần 9.000 tỷ đồng và tổng phí TTBG đạt gần 6 tỷ đồng, lần lượt tăng 38% về doanh số và tăng 92% về phí so với cùng kỳ năm 2023.

8.1.4.3. Dịch vụ kiều hối

Để tăng doanh thu từ dịch vụ kiều hối, năm 2020 Agribank đã ký sửa đổi bổ sung Hợp đồng với Western Union, trong đó đã bỏ điều khoản độc quyền. Từ đó tạo cơ sở cho Agribank mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác là Công ty chuyển tiền ở những thị trường tiềm năng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Năm 2023, doanh số chi trả kiều hối Agribank đạt 1.050 triệu USD. Năm 2023, lượng kiều hối Agribank đạt 1,23 tỷ USD. Trong Quý 1/2024, lượng kiều hối Agribank đạt 287 triệu USD.

8.1.5. Hoạt động đầu tư

8.1.5.1. Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, Agribank cũng chú trọng đến phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư hiện đại. Danh mục đầu tư giấy tờ có giá liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời nhưng vẫn đảm bảo độ an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống. Tính đến 31/03/2024, quy mô đầu tư chứng khoán hợp nhất của Agribank đạt 224.326 tỷ đồng, tăng 28,68% so với cuối năm 2023. Trong đó, Trái Phiếu Chính phủ chiếm tỷ trọng khoảng 78,88% trong tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Agribank.

Danh mục đầu tư của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Danh mục Đầu tư | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|-----------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 68 | 10 | 11 | 366 |
| Chứng khoán sở | 68 | 10 | 11 | 106 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 58.404 | 154.789 | 97.288 | 146.793 |
| Chứng khoán nợ | 58.337 | 154.734 | 97.223 | 146.425 |



| Danh mục đầu tư | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Trái Phiếu chính phủ | 55.241 | 114.843 | 79.394 | 120.538 |
| Trái Phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành | 2.576 | 3.991 | 7.729 | 27.887 |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành | - | 35.500 | 10.602 | - |
| Trái Phiếu do các TCKT trong nước phát hành | 400 | 400 | - | - |
| Chứng khoán vốn | 187 | 55 | 55 | 368 |
| Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành | 187 | 55 | 55 | 368 |
| Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4.759 | 59.874 | 77.212 | 75.911 |
| Trái Phiếu Chính phủ đặc biệt | 3.590 | 2.090 | 690 | 690 |
| Trái Phiếu Chính phủ | - | 45.452 | 56.452 | 56.262 |
| Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành | - | 11.563 | 18.194 | 18.190 |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành | - | - | 1.103 | - |
| Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tín dụng của doanh nghiệp ("DATC") (**) | 170 | 170 | 170 | 170 |
| Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành | 909 | 599 | 599 | 599 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | (783) | (658) | (669) | (684,29) |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | (2) | (1) | (0,29) | (0,29) |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | (102) | (50) | (33) | (10) |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | (398) | (399) | (634) | (674) |
| Tổng cộng | 62.528 | 214.023 | 174.334 | 324.326 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021)

(**) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023

Danh mục đầu tư chứng khoán của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Danh mục đầu tư | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|-----------------------------|----------------|------------|------------|------------|
| Chứng khoán kinh doanh | 0,29 | 0,29 | 0,29 | 0,29 |
| Chứng khoán vốn | 0,29 | 0,29 | 0,29 | 0,29 |
| Chứng khoán sẵn sàng để bán | 58.345 | 154.744 | 97.295 | 148.435 |
| Chứng khoán nợ | 58.217 | 154.714 | 97.285 | 148.425 |
| Trái Phiếu chính phủ | 55.241 | 114.843 | 79.394 | 120.538 |

(Handwritten signatures and initials)



| Danh mục đầu tư | 31/12/2021 (*) | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
|--|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Trái Phiếu do các TCTD trong nước khác phát hành | 2.576 | 3.991 | 7.729 | 27.887 |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành | - | 35.500 | 10.162 | - |
| Trái Phiếu do các TCTD trong nước phát hành | 400 | 400 | - | - |
| Chứng khoán vốn | 128 | 10 | 10 | 10 |
| Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành | 128 | 10 | 10 | 10 |
| Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 3.760 | 59.275 | 76.613 | 75.312 |
| Trái Phiếu chính phủ đặc biệt | 3.590 | 7.690 | 690 | 690 |
| Trái Phiếu chính phủ | - | 45.452 | 56.452 | 56.262 |
| Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành | - | 11.563 | 18.198 | 18.190 |
| Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành | - | - | 1.103 | - |
| Trái Phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC") (**) | 170 | 170 | 170 | 170 |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư | (50) | (10) | (45) | (45) |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh | (0,26) | (0,70) | (0,70) | (0,29) |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán | (50) | (10) | (10) | (10) |
| Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn | - | - | (33) | (33) |
| Tổng cộng | 62.854 | 214.809 | 173.863 | 223.702 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2022, 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

(*) Số liệu 31/12/2021 được trình bày lại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2021

(**) Trái phiếu DATC có kỳ hạn 10 năm từ năm 2013 đến năm 2023 và có lãi suất cố định 8,9%/năm, lãi được trả một lần vào ngày đáo hạn trái phiếu. Trái phiếu này đã quá hạn trả gốc và lãi từ ngày 12 tháng 9 năm 2023

R.1.5.2. Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Trong những năm gần đây, ngành ngân hàng đã đẩy mạnh thoái vốn dần các khoản đầu tư góp vốn, không chỉ thoái vốn khỏi các TCTD khác, các ngân hàng cũng đã thoái vốn khỏi các khoản đầu tư ngoài ngành. Hiện nay, Agribank không còn nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết của một TCTD nào khác.

Đến thời điểm 30/04/2024, giá gốc các khoản đầu tư vào công ty con của Agribank là 1.765.005 triệu đồng; giá gốc các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác là 26.800 triệu đồng. Tổng giá trị dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến thời điểm 30/04/2024 là

(Handwritten signatures and initials)



466.503 triệu đồng. Số liệu chi tiết như sau:

| Nội dung | 30/04/2024 | |
|--|------------------------|----------------------|
| | Tỷ lệ năm prior (%) | Của gốc Triệu VND |
| ◆ Đầu tư vào công ty con | | |
| Công ty Cho thuê Tài chính I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | 100 | 172.087 |
| Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*) | 100 | 294.416 |
| Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam | 100 | 388.349 |
| Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác tài sản Agribank | 100 | 30.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank | 74,92 | 1.250.916 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam | 52,68 | 195.840 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con | | -466.503 |
| Tổng cộng | | 1.763.005 |
| ◆ Góp vốn đầu tư dài hạn khác | | |
| Quỹ Bảo Lành Tín dụng Yên Bái | 7,23 | 1.800 |
| Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam | 8 | 25.800 |
| Tổng cộng | | 26.800 |
| ◆ Dự phòng giảm giá vốn góp, đầu tư dài hạn | | |
| Số đầu năm | | 466.503 |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | | 0 |
| Số cuối dự phòng trong năm | | 0 |
| Số cuối năm | | 466.503 |

(Nguồn: Agribank)

(*) Ngày 11 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1009/2018/QĐ-TBP5 tuyên bố phá sản và chấm dứt hoạt động của Công ty Cho thuê Tài chính II Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("ALCH"), công ty con của Ngân hàng với tỷ lệ sở hữu là 100%. Ngày 8 tháng 9 năm 2018, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2936/QĐ-CTHADS về việc thi hành án chủ định của ALCH và phân công chấp hành viên chịu trách nhiệm tổ chức thi hành án. Kể từ thời điểm này, Ngân hàng không còn quyền kiểm soát đối với ALCH và vì vậy, ALCH không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là công ty con theo quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Theo Công văn số 9437/NHNN-TEKT ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng đã ngừng hợp nhất báo cáo tài chính của ALCH vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.



Agribank đã trích lập dự phòng toàn bộ 100% vốn đầu tư của Agribank tại ALCII (294,4 tỷ đồng) trong Báo cáo tài chính từ năm 2009 và theo Văn bản số 745/NTĐU-HĐTD ngày 29/12/2010 của Tổng Giám đốc Agribank.

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang trong quá trình thực hiện xử lý tài sản của ALCII để phân chia cho đối tượng liên quan của ALCII nên Agribank chưa xác định được số tiền được phân chia với vai trò là chủ nợ, chủ nợ hữu ALCII để xác định số tiền thiệt hại làm cơ sở cho việc xử lý tổn thất.

8.1.6. Hoạt động hợp tác quốc tế, ngân hàng đại lý và các dự án quốc tế

8.1.6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và ngân hàng đại lý

Agribank luôn duy trì và phát triển mạng lưới ngân hàng đại lý ("NHDL") đa dạng, an toàn; tích cực trao đổi, làm việc với các đối tác, thắt chặt quan hệ, tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả trong các lĩnh vực hợp tác; đánh giá và so sánh trong việc lựa chọn tối ưu các định chế tài chính cung cấp sản phẩm dịch vụ.

Tính đến 30/04/2024, số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 651 ngân hàng tại 79 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (374 ngân hàng, chiếm 57% tổng số lượng NHDL), tiếp đến là Châu Âu (191 ngân hàng, chiếm 29%), Châu Mỹ (70 ngân hàng, chiếm 11%), châu Úc (12 ngân hàng, chiếm 2%), ít nhất là Châu Phi (4 ngân hàng, chiếm 1%). Agribank đang triển khai 128 thỏa thuận hợp tác quốc tế về tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ phí... với các định chế tài chính trong nước và đối tác nước ngoài. Không dừng lại ở hợp tác song phương, Agribank còn là thành viên tích cực của các hiệp hội quốc tế như Hiệp hội Các tổ chức tín dụng nông nghiệp và Nông thôn Châu Á- Thái Bình Dương (APRACA), Hiệp hội Các tổ chức Tín dụng Nông nghiệp Quốc tế (CICA), Hiệp hội Ngân hàng Tiết kiệm và hùn hạp Thế giới (WSBI) và Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA).

Agribank tích cực kết nối, phối hợp với các Hiệp hội quốc tế (ABA, WSBI, APRACA...), Tổ chức quốc tế (ADB, AFD, USAID, LuxDev...), Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế, đại sứ quán, các NHDL, tổ chức, tham gia gần 100 hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế nhằm mở rộng và phát triển quan hệ hợp tác với đối tác. Một số hội nghị tiêu biểu: Hội nghị thường niên ADB lần thứ 57 tại Georgia, Hội nghị "Tài chính toàn diện" của ABA tại Philippines, Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Cuba, Việt Nam - Argentina, Sự kiện kỷ niệm 30 năm quan hệ đối tác Việt Nam - IFAD, Hội nghị Định chế tài chính toàn cầu của Citibank tại Hy Lạp, Hội nghị thường niên APRACA và diễn đàn chính sách khu vực lần thứ 76 tại Trung Quốc, Hội nghị Sibos năm 2023 của tổ chức SWIFT tại Toronto - Canada, Hội nghị thượng đỉnh ESG tại Thượng Hải - Trung Quốc, Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc - ASEAN lần thứ 15 tại Trung Quốc, Hội nghị thượng niên 2023 của AIB tại Ai Cập, Hội nghị thường niên của Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tại Ma Rôc, Hội nghị song phương năm 2023 giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Quốc gia Campuchia, Tham dự Phiên đối thoại Cộng đồng kinh tế ASEAN lần thứ 10,...

Agribank được Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's nâng xếp hạng tiền gửi và nhà phát hành nội tệ và ngoại tệ dài hạn; xếp hạng rủi ro đối tác và đánh giá rủi ro đối tác nội tệ và ngoại tệ dài hạn mức "Ba2" - mức xếp hạng cao nhất Việt Nam. Fitch Ratings xếp hạng Agribank lần đầu ở mức BB-, miêu vọng tích cực và tăng lên mức BB+, bằng với trần xếp hạng

[Handwritten signatures and initials]



quốc gia và là một xếp hạng cao nhất trong các ngân hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Agribank tiếp tục được nhận nhiều giải thưởng do các ngân hàng uy tín trên thế giới (JP Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank New York và The Bank of New York Mellon, Citibank...) trao tặng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc.

8.1.6.2. Dự án quốc tế

Agribank luôn là đối tác được tin nhiệm của các nhà tài trợ quốc tế trong việc triển khai các dự án tín dụng, phục vụ các dự án ODA, đồng thời được Chính phủ và các Bộ, Ngành tin tưởng, giao thực hiện nhiều dự án lớn. Tổng nguồn vốn Dự án đến 30/4/2024 đạt 3.366 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay từ nguồn vốn Dự án đạt 3.146 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu nội bảng vẫn được duy trì ở mức thấp là 0,17%. Hiện nay, Agribank đang thực hiện với trợ ngân hàng phục vụ cho 30 Dự án với tổng giá trị tương đương 1,65 tỷ USD. Lấy kể đến nay, Agribank đã tiếp nhận và triển khai 182 Dự án ngân hàng phục vụ với tổng số vốn tương đương 9,3 tỷ USD. Vốn từ các dự án giúp Agribank tăng thu phí dịch vụ, có thêm nguồn ngoại tệ ổn định với lãi suất hợp lý để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền nông nghiệp nước nhà và nâng cao đời sống người dân.

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình hợp nhất tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------------|---------------|------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 11.371 | 5.928 | 5.443 |
| Máy móc thiết bị | 3.885 | 3.216 | 669 |
| Phương tiện vận tải | 3.282 | 2.330 | 952 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 5.383 | 4.405 | 978 |
| Tài sản cố định khác | 641 | 318 | 323 |
| Tổng cộng | 24.562 | 16.197 | 8.365 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Chi tiết tình hình tài sản cố định hữu hình riêng tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

Tài sản cố định hữu hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------|------------|------------------------|-----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 11.269 | 5.874 | 5.395 |
| Máy móc thiết bị | 3.666 | 3.061 | 605 |



| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------------|---------------|------------------------|-----------------|
| Phương tiện vận tải | 3.147 | 2.230 | 917 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 5.353 | 4.382 | 971 |
| Tài sản cố định khác | 637 | 314 | 323 |
| Tổng cộng | 24.072 | 15.861 | 8.211 |

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2024)

2.2.2. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------|------------|------------------------|-----------------|
| Phương tiện vận tải | 19 | 18 | 1 |
| Tổng cộng | 19 | 18 | 1 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Chỉ tiết tình hình tài sản cố định thuê tài chính riêng tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

Tài sản cố định thuê tài chính của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------|------------|------------------------|-----------------|
| Phương tiện vận tải | 19 | 18 | 1 |
| Tổng cộng | 19 | 18 | 1 |

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2024)

2.2.3. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiết tình hình tài sản cố định vô hình hợp nhất tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

Tài sản cố định vô hình của Agribank (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------------|--------------|------------------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất | 2.571 | 296 | 2.275 |
| Phần mềm máy vi tính | 1.636 | 1.394 | 242 |
| Tài sản cố định vô hình khác | 72 | 19 | 53 |
| Tổng cộng | 4.279 | 1.709 | 2.570 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)



Chi tiết tình hình tài sản cố định vô hình cũng tại thời điểm 31/03/2024 như sau:

Tài sản cố định vô hình của Agribank (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Nguyên giá | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|------------------------------|--------------|------------------------|-----------------|
| Quyền sử dụng đất | 2.132 | 240 | 1.892 |
| Phần mềm máy vi tính | 1.585 | 1.369 | 216 |
| Tài sản cố định vô hình khác | 62 | 9 | 53 |
| Tổng cộng | 3.779 | 1.618 | 2.161 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023)

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng

Agribank cơ bản hoàn thiện các quy trình, chính sách và các hạn mức quản lý rủi ro, liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với quy định hiện hành của NHNN, đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thông tin, phòng chống gian lận bằng các giải pháp công nghệ, tăng cường các công cụ hỗ trợ quản lý rủi ro; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ trong toàn hệ thống.

Đối với Rủi ro tín dụng, Agribank đã ban hành: (i) Quy chế, quy trình về phân loại tài sản cò, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 11/2021/TT-NHNN; (ii) Quy định về cảnh báo sớm rủi ro tín dụng trong hệ thống Agribank và hướng dẫn các chi nhánh sử dụng, vận hành hệ thống cảnh báo sớm; (iii) Quy chế về Quản lý rủi ro; (iv) Quy định về Quản lý rủi ro tín dụng và quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN; (v) Quy định về Hạn mức rủi ro tín dụng và hạn mức rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống Agribank; (vi) Ban hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Agribank đáp ứng theo yêu cầu của Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

Đối với rủi ro thị trường, Agribank đã ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro thị trường, hướng dẫn định giá giá trị thị trường đối với các danh mục chứa rủi ro thị trường, quy định hạn mức rủi ro thị trường và các văn bản có liên quan đảm bảo đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank. Cơ chế giám sát và xử lý kịp thời giúp Agribank hạn chế tối đa việc vượt hạn mức rủi ro thị trường và khắc phục nhanh chóng các vi phạm phát sinh (nếu có).

Đối với rủi ro hoạt động, Agribank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro hoạt động bao gồm Quy định và các văn bản hướng dẫn có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN, phù hợp với tình hình thực tiễn tại Agribank.



Đối với rủi ro thanh khoản: Agribank thực hiện công tác quản lý rủi ro thanh khoản thống nhất toàn hệ thống, tập trung tại Trụ sở chính nhằm đáp ứng các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN và hiệu quả kinh doanh. Quy trình quản lý rủi ro thanh khoản được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với bản chất và mức độ phức tạp của các hoạt động của Agribank. Năm 2023, các tỷ lệ an toàn thanh khoản của Agribank luôn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và duy trì mức an toàn cao. Nguồn vốn của Agribank tăng trưởng ổn định, trong đó vốn huy động từ dân cư chiếm tỷ trọng lớn, tài sản có tính thanh khoản cao luôn duy trì đủ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong mọi điều kiện.

Để hạn chế rủi ro tập trung, Agribank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro tập trung tín dụng, xây dựng hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng, theo sản phẩm, ngành/lĩnh vực kinh tế; các tiêu chí nhận diện người có liên quan, quản lý nhóm khách hàng có liên quan.

Đối với rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng: Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Agribank hiện đang được quản lý với nội dung cơ bản như thiết lập các giới hạn về lãi suất huy động và lãi suất cho vay; quy định lại lãi suất cho vay tối thiểu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; thường xuyên bám sát diễn biến lãi suất trên thị trường, theo dõi chênh lệch lãi suất đầu ra-dầu vào (thực dương), giảm thiểu tổn thất do rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng.

8.1.2. Đánh giá thực trạng tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Trong năm 2022, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 cũng như ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina đã tác động tiêu cực đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trên cả nước. Agribank đã triển khai nhiều biện pháp kiểm soát chất lượng nợ, nhận diện sớm các lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để phân bổ nguồn thu hồi xử lý nợ kịp thời, giảm tổn thất cho ngân hàng. Agribank giữ vững vai trò chủ lực trong đầu tư phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với tỷ trọng đầu tư "Tam nông" chiếm trên 65%/tổng dư nợ, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong thị phần tín dụng đầu tư nông nghiệp, nông thôn tại Việt Nam. Với hiệu quả trong công tác phòng chống dịch và triển khai các biện pháp phục hồi kinh tế của Chính phủ, công tác tín dụng của Agribank tăng trưởng tích cực, tập trung vào sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên, cùng với đó, kiểm soát chặt chẽ cho vay đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Agribank nghiêm túc triển khai chỉ đạo của Chính phủ, NHNN về các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid-19, Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội; Chủ động triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; kéo dài thời gian triển khai chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 quy mô 100.000 tỷ đồng; Cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp lớn quy mô 30.000 tỷ đồng. Công tác trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được triển khai tuân thủ quy định của pháp luật và NHNN. Nhờ vậy tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2022 đã được kiểm soát ở mức 1,71%.

Ngay từ đầu năm 2023, Agribank tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật. Mọi



khác, Agribank thực hiện nghiêm túc kết luận của Thường trực Chính phủ, chỉ đạo của NHNN về việc tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vay vốn vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, Agribank triển khai Chương trình tín dụng ưu đãi đối với KHDN quy mô 100.000 tỷ đồng và 500 triệu USD, Chương trình tín dụng ưu đãi đối với khách hàng xuất nhập khẩu quy mô 25.000 tỷ đồng, Chương trình cho vay ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 quy mô 10.000 tỷ đồng, Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho KHDN năm 2023 quy mô 10.000 tỷ đồng, Chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp lớn năm 2023 quy mô 20.000 tỷ đồng. Ngoài ra để hỗ trợ khách hàng trả nợ xấu, nợ đã xử lý rồi ra trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid-19, Agribank không áp dụng lãi suất phạt quá hạn, lãi chậm trả, các khoản phí từ ngày phát sinh nợ quá hạn đến ngày khách hàng thực hiện trả nợ. Đến cuối năm 2023, tỷ lệ nợ xấu của Agribank là 1,72% (đảm bảo kế hoạch NHNN giao).

Ngoài việc tiếp tục triển khai các chương trình ưu đãi năm 2023 đến 31/03/2024, Agribank đã triển khai mới các chương trình tín dụng ưu đãi đối với Khách hàng doanh nghiệp năm 2024 như sau: Chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với khách hàng pháp nhân của Tập đoàn - Tổng Công ty thuộc Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước năm 2024 - Quy mô chương trình: 20.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay ưu đãi khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2024 - Quy mô chương trình: 10.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay ngắn hạn ưu đãi đối với Khách hàng doanh nghiệp lớn năm 2024 - Quy mô chương trình: 20.000 tỷ đồng; Chương trình cho vay ưu đãi tài trợ Dự án đầu tư dành cho Khách hàng doanh nghiệp năm 2024 - Quy mô chương trình: 13.000 tỷ đồng.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại Số 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng là ba (03) văn phòng đại diện, ba (03) đơn vị sự nghiệp, một trăm bảy mươi một (171) chi nhánh loại I, bảy trăm sáu mươi tám (768) chi nhánh loại II, một (01) chi nhánh tại Campuchia và một nghìn hai trăm tám mươi tư (1.284) phòng giao dịch.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các dịch vụ cho khách hàng

8.4.2.1. Mạng lưới khách hàng

- Khách hàng tổ chức kinh tế: quy mô khách hàng tổ chức kinh tế có số dư tiền gửi đạt trên 261.000 khách hàng. Số lượng khách hàng tổ chức kinh tế tại Agribank phân bố đều tại các khu vực trên toàn hệ thống. Một số khu vực có tỷ trọng khách hàng tổ chức kinh tế lớn: Khu vực Đồng bằng Sông hồng (13,69%), Khu 4 cũ (13,55%), Khu vực Tây Nam Bộ (12,43%).
- Khách hàng cá nhân: quy mô khách hàng cá nhân đạt trên 24 triệu khách hàng, tăng 2,3% so với đầu năm 2024; tốc độ tăng trưởng quy mô khách hàng cá nhân bình quân hàng năm đạt 11,6%/năm. Số lượng khách hàng cá nhân tập trung chủ yếu tại khu vực nông nghiệp,



nông thôn. Một số khu vực có khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn như: Đồng bằng sông Hồng (14,8%), Tây Nam Bộ (14,6%), Khu 4 cũ (bao gồm 12 chỉ thành loại 1 thuộc các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế) (13,5%). Khu vực nước ngoài (Campuchia) có số lượng khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng nhỏ với trên 700 khách hàng.

- Số lượng ngân hàng đại lý của Agribank là 651 ngân hàng tại 79 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mạng lưới ngân hàng đại lý hiện tại tập trung nhiều nhất ở Châu Á (374 ngân hàng, chiếm 57% tổng số lượng NHDL), tiếp đến là Châu Âu (191 ngân hàng, chiếm 29%), Châu Mỹ (70 ngân hàng, chiếm 11%), châu Úc (12 ngân hàng, chiếm 2%) và Châu Phi (4 ngân hàng, chiếm 1%).

2.4.2.2. Sản phẩm và dịch vụ cho Khách hàng

✓ Sản phẩm dịch vụ cho Khách hàng cá nhân:

- Tiền gửi: gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi trên kênh trực tuyến và giấy tờ có giá.
- Tín dụng: gồm cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất kinh doanh, chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác và bảo lãnh.
- Dịch vụ thanh toán
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: gồm dịch vụ Mobile Banking, dịch vụ Agribank eBanking, dịch vụ Ngân hàng số trong lĩnh vực thẻ (Agribank Digital).
- Thẻ: gồm thẻ ghi nợ nội địa, thẻ ghi nợ quốc tế, thẻ tín dụng quốc tế, thẻ phi vật lý, thẻ Lạc Việt và thẻ trả trước.
- Dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối.
- Dịch vụ liên kết ngân hàng - bảo hiểm - chứng khoán, liên kết khác: gồm bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, chứng khoán và dịch vụ liên kết khác.

✓ Sản phẩm dịch vụ dành cho Khách hàng tổ chức:

- Nhóm sản phẩm huy động vốn: gồm tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán), tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi rút gốc linh hoạt, tiền gửi tích lũy, tiền gửi trực tuyến, tiền gửi đầu tư tự động và giấy tờ có giá.
- Tín dụng khách hàng pháp nhân: gồm cho vay, bảo lãnh và chiết khấu, tài chất khấu giấy tờ có giá.
- Dịch vụ thanh toán trong nước.
- Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.
- Mua bán ngoại tệ.
- Thẻ.
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: gồm dịch vụ Internet Banking, dịch vụ SMS Banking và dịch vụ Agribank eBanking.
- Dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ.
- Dịch vụ liên kết khác.

[Handwritten signatures and initials]

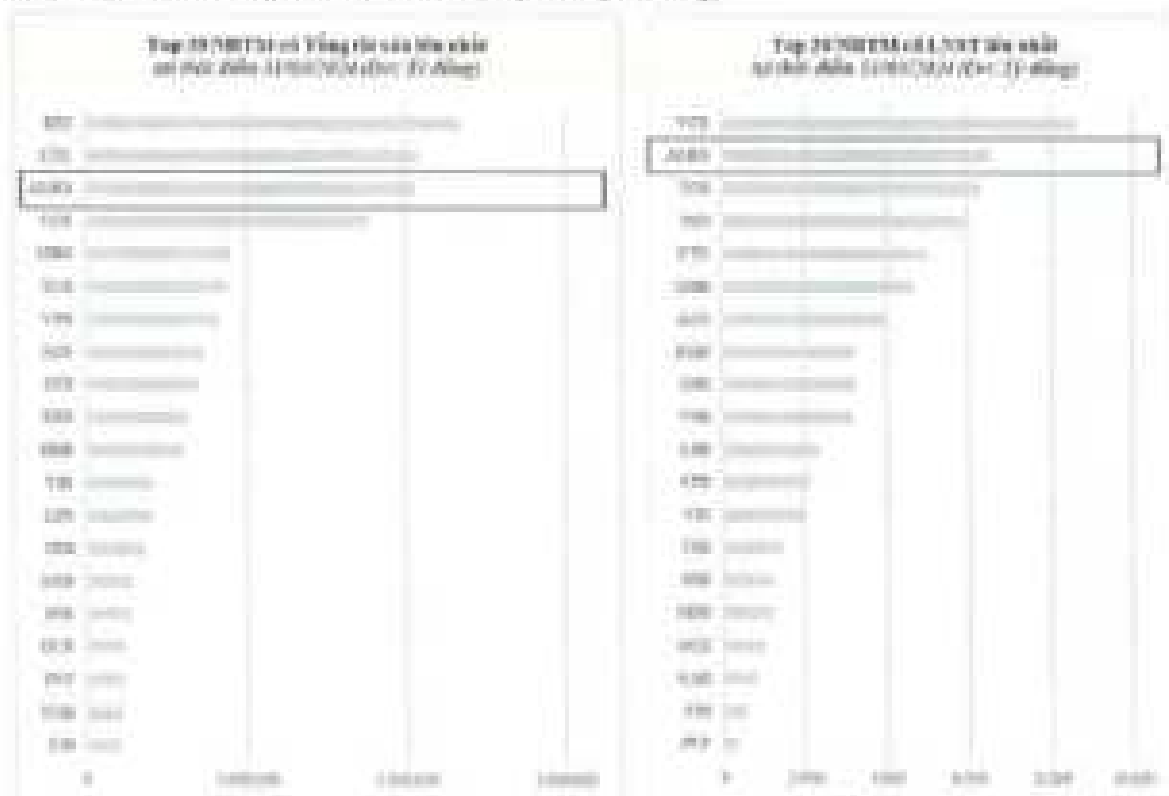


2.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

♦ Vị thế Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Xét về quy mô, Agribank là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ 3 trong số các NHTM tại Việt Nam. Tính đến 31/03/2024, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.058.401 tỷ đồng.

Xét về kết quả kinh doanh, với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 3 tháng đầu năm 2024 đạt 6.541 tỷ đồng, Agribank đứng vị trí thứ 2 trong ngành ngân hàng.



(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất bán niên đã audit xét năm 2023 của các NHTM)

♦ So sánh một số chỉ tiêu tài chính của Agribank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 31/03/2024)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | AGRB | VCB | BID | CTG | TCN | MHB |
|-------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|---------|
| Vốn điều lệ | 41.269 | 55.891 | 57.004 | 53.700 | 35.225 | 52.141 |
| Vốn chủ sở hữu | 105.651 | 173.614 | 129.018 | 130.582 | 137.873 | 101.341 |
| Tổng tài sản | 2.058.401 | 1.773.714 | 2.328.731 | 2.077.613 | 835.653 | 900.647 |
| Tiền gửi của khách hàng | 1.829.890 | 1.347.326 | 1.734.779 | 1.427.665 | 458.041 | 558.826 |
| Cho vay khách hàng | 1.549.401 | 1.266.478 | 1.791.930 | 1.514.398 | 599.277 | 615.317 |
| Thu nhập tài chính | 14.186 | 14.078 | 13.541 | 15.174 | 8.500 | 9.062 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 17.386 | 17.280 | 17.171 | 19.067 | 12.262 | 12.017 |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.541 | 8.586 | 5.916 | 5.003 | 6.277 | 4.624 |

(Nguồn: Tổng hợp từ BCTC hợp nhất Quý I/2024 của các NHTM)



◆ Thị phần và khả năng cạnh tranh

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu (tính ngày 31/03/2024) | Dư nợ cho vay | Tiền gửi của khách hàng |
|------------------------------------|---------------|-------------------------|
| Agribank | 1.549.401 | 1.829.890 |
| T toàn hệ thống NHNM | 13.604.257 | 13.160.231 |
| Thị phần của Agribank | 11,389% | 13,905% |

(Nguồn: NHNM & BCYC hợp nhất Quý I/2024 của Agribank)

Agribank hiện nay là NHNM có thị phần đứng thứ hai nếu xét trên chỉ tiêu tổng tài sản). Tiền gửi của khách hàng của Agribank chiếm 13,905% và dư nợ cho vay chiếm 11,389%.

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra, Agribank đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNM và xu thế của các NHNM trong nước và trên thế giới, cụ thể Agribank đang thực hiện Phương án triển khai tuân thủ yêu cầu về vốn theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNM và các dự án liên quan đến quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro,...

Liên quan đến dự án công nghệ thông tin (CNTT), quản trị rủi ro công nghệ thông tin, tại Đồ án chiến lược phát triển hệ thống CNTT giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 đã được HĐQT phê duyệt, Agribank đã xây dựng kiến trúc tổng thể CNTT phục vụ phát triển hoạt động kinh doanh của Agribank trong tương lai bao gồm 11 nhóm giải pháp, trong đó có các giải pháp trọng điểm sau:

| Lĩnh vực | Dự án/Chương trình | Bình cầu ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank | Thời gian phê duyệt dự án | Thời gian triển khai dự án |
|---------------------|--|--|---|--|
| Công nghệ thông tin | Khai triển hệ thống doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (Enterprise Data Warehouse and Business Intelligence). | Hệ thống Khai triển hệ thống doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDWBI) phục vụ phân tích khách hàng, sản phẩm và lợi nhuận. Đáp ứng các yêu cầu hoạt động, quản trị rủi ro, quản trị kinh doanh và các yêu cầu phát triển kinh doanh. Cung cấp các báo cáo phân tích nâng cao cho lãnh đạo. | Hội đồng thành viên phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Khai triển hệ thống doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh (EDWBI) (Nghị quyết số 36/NQ-HĐTV và Quyết định số 313/QĐ-HĐTV-CN ngày 15/4/2024). | Kế hoạch triển khai từ tháng 4/2024 đến tháng 12/2024. |
| | Nghiên cứu, xây dựng phương án, giải pháp và tổ chức duy trì hệ thống IPCAS, các giải pháp liên quan đến hệ thống CoreBanking. | CoreBanking là một hệ thống chủ quản xử lý các giao dịch ngân hàng hàng ngày, hạch toán giao dịch dựa vào tài khoản và hồ sơ tài chính liên quan. Agribank xác định | Hội đồng thành viên đã phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐTV và Quyết định số 310/QĐ- | Kế hoạch triển khai từ 07/2023-12/2027. |

[Handwritten signatures and initials]



| Lĩnh vực | Dự án/Chương trình | Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank | Thời gian phê duyệt dự án | Thời gian triển khai dự án |
|----------------|--|--|---|---|
| | theo yêu cầu về mô hình, nghiệp vụ ngân hàng hiện đại. | Corebanking là giải pháp tại chỗ, đưa vào chính trong toàn bộ hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của Agribank. Corebanking lấy tài nguyên người dùng làm trọng tâm để tự động hóa xử lý các quy trình nghiệp vụ lõi của Agribank, tạo nên tầng hình thành bộ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng mở, qua đó gia tăng trải nghiệm người dùng, chủ động quản lý rủi ro và hỗ trợ Agribank phát triển bền vững. | HĐTV-CN ngày 04/10/2023. | |
| | Giải pháp bảo hiểm đồng minh | Giải pháp bảo hiểm thông minh (Smart Farm) là ứng dụng hỗ trợ số hóa nghiệp vụ khách giao dịch tại quầy để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng trong cùng một thời điểm, qua đó giúp Ngân hàng phục vụ khách hàng nhanh hơn, thuận lợi hơn, giảm thiểu các bước làm thủ công. Smart Farm giúp giao dịch viên giảm thời gian giao dịch, đẩy mạnh việc bán sản phẩm dịch vụ theo gói và tăng hi các thiết bị hỗ trợ giúp tăng trải nghiệm khách hàng. | Hội đồng thành viên đã phê duyệt chủ trương đầu tư tạiNQ số 235/NQ-HĐTV và Quyết định số 1009/QĐ-HĐTV-CN ngày 19/12/2023. | Kế hoạch triển khai: Từ tháng 4/2024 đến tháng 3/2026 |
| Quản lý rủi ro | Triển khai giải pháp quản lý rủi ro | Hiện đại hóa công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu cho việc triển khai quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, của Agribank và thống lệ quốc tế. | Đang nghiên cứu triển khai thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> - Dự án Quản lý rủi ro tín dụng: Từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2026 (Đang triển khai giải pháp đang tập Dục thảo luận với các bên liên quan) - Dự án Quản lý rủi ro hoạt động: Từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2027 (Đang trong giai đoạn xây dựng báo cáo nghiên cứu tài liệu) - Dự án quản lý các khoản thu nợ có vấn đề: Từ tháng 10/2024 đến tháng 03/2027 (Đang trong giai đoạn xây dựng báo cáo nghiên cứu tài liệu) - Giải pháp quy trình đánh giá tình hình tài chính nội bộ (ICAAP): Từ tháng 11/2024 đến tháng 03/2027 (Đã ký Hợp đồng với nhà tài trợ 27/05/2024, Tổ chức khai |

(Chữ ký và dấu)



| Lĩnh vực | Dự án/Chương trình | Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của Agribank | Thời gian giải quyết dự án | Thời gian triển khai dự án |
|-----------------------|--|---|---|---|
| | | | | Đang phối hợp với nhà thầu thực hiện Hợp đồng tư vấn). - Giải pháp phòng chống rửa tiền (AML) và quản lý rủi ro gian lận: Từ tháng 04/2024 đến tháng 09/2026 (Ban triển khai giải pháp đang xây dựng phương án thuế tư vấn và tiếp tục xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án). |
| Thẩm định và tín dụng | Giải pháp Khởi tạo khoản vay (LOS) | Giải pháp Khởi tạo khoản vay (LOS) cung cấp chức năng quản lý công tác thẩm định và giải ngân khoản vay hiệu quả, minh bạch và nhanh chóng gồm các hạng mục: xử lý nghiệp vụ tín quỹ nhân thẩm định tín dụng cho đến giải ngân và phục thiện và một cách tự động. Giải pháp cũng cung cấp một cơ sở dữ liệu lịch sử về thông tin tín dụng của từng khách hàng (gồm khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp), nhân tài và được với các bộ phận liên quan khác. Giải pháp còn mở rộng chức năng ứng dụng OCR hiện có để số hóa các tài liệu liên quan đến LOS và tích hợp xuyên suốt với hệ thống BPM để liên kết nghiệp vụ và đồng bộ dữ liệu. | Đang nghiên cứu triển khai (Hiện tại Ban triển khai dự án đang tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Thành viên HĐQT phê duyệt tín dụng và công nghệ thông tin về dự án đầu bài cáo). | Kế hoạch triển khai: Từ tháng 4/2024 đến tháng 4/2027. |
| Tài chính kế toán | Giải pháp Báo cáo tài chính chuẩn IFRS | Giải pháp xây dựng báo cáo tài chính theo IFRS cung cấp công cụ quản lý nợ của, bao gồm hỗ trợ theo dõi quy trình thu hồi nợ, từ đó lập và xây dựng các báo cáo định kỳ nhằm đưa ra những thông tin có giá trị để phân loại nợ cũng như thanh lý các quy định quy định hiện hành về xử lý nợ của theo nhiều cấp độ. Giải pháp giúp tạo ra các nguồn thông tin bổ sung để đưa ra các quyết định chiến lược kinh doanh, tín phẩm, giải ngân khoản vay, phân bổ tín dụng và nhân lực. | Ngày 11/04/2024 đã triển khai đi ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá với bên thẩm định giá. Hiện tại Tổ triển khai đã dự thảo Báo cáo hợp đồng nhằm với đang phương án mua lại cơ Chứng thư thẩm định giá và KHLCNT gửi thẩm tra vốn về phương pháp luận triển khai IFRS tại Agribank. | Kế hoạch triển khai: Từ tháng 10/2023 đến tháng 3/2026. |

(Nguồn: Agribank)

[Handwritten signatures and marks]



3.6. Chiến lược kinh doanh

Tầm nhìn đến 2030: Tiếp tục giữ vị thế NHTM chủ lực tại Việt Nam, đạt các chuẩn mực quốc tế; có sức cạnh tranh, hoạt động hiệu quả cao, phát triển an toàn, ổn định và bền vững; nâng cao và nâng cao giá trị thương hiệu, uy tín của Agribank trên thị trường trong nước và quốc tế.

Mục tiêu chiến lược đến 2025:

- Giữ vững vị thế là NHTM đóng vai trò chủ lực tại Việt Nam;
- Hoạt động kinh doanh minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả;
- Phát triển dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với chuẩn mực hoạt động theo thông lệ quốc tế;
- Nâng cao, sáng tạo để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Đáp ứng nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng ngày càng tăng của khách hàng, tiến tới tài chính toàn diện vào năm 2030, bảo đảm khách hàng tiếp cận đầy đủ, thuận tiện các dịch vụ tài chính, ngân hàng có chất lượng, đóng góp tích cực cho phát triển bền vững.

Định hướng năm 2024

Bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và điều hành của NHNN, giữ vững vai trò chủ lực trên thị trường tiền tệ, tín dụng khu vực nông nghiệp, nông thôn, nâng cao vị thế hoạt động tại khu vực thành thị. Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản lý, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nông nghiệp nông thôn và các lĩnh vực ưu tiên, cho vay để khôi phục và phát triển các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Sắp xếp, cơ cấu mạnh mẽ lại mạng lưới để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động, đủ sức cạnh tranh, đặc biệt tại khu vực Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tập trung tối đa nguồn lực thực hiện Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin, Kế hoạch chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, tiện ích dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại. Nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn điều lệ, tháo gỡ khó khăn để chuẩn bị cơ sở phân hóa, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN và thông lệ quốc tế. Triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh ngân hàng có trình độ cao, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế. Chủ đạo kiểm tra, giám sát, xử lý trách nhiệm trong việc xử lý nợ xấu. Giám sát toàn diện, giám sát yếu tố rủi ro trong mọi hoạt động, giữ vững kỷ cương, kỷ luật điều hành trong hoạt động kinh doanh.

Nguồn vốn và nguồn lực

Việc kiến định với các định hướng và kế hoạch kinh doanh là cần thiết, tuy nhiên, HĐQT Agribank xác định trong quá trình thực hiện cần có sự nhạy bén trước các biến động thị trường và linh hoạt trong diễn biến hoạt động kinh doanh. HĐQT đưa ra các giải pháp cơ bản cho năm 2024, bao gồm:



- Nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính Phủ và chỉ đạo của Thống đốc NHNN tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023; thực hiện cân đối nguồn vốn, gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn, chủ động triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn.
- Tập trung thu hồi nợ xấu và nợ đã xử lý rủi ro tạo nguồn tài chính để tăng khả năng trích lập dự phòng, nâng cao tỷ lệ bao phủ nợ xấu, đồng thời tăng lợi nhuận góp phần tăng vốn điều lệ cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.
- Đẩy mạnh công tác huy động vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng trưởng tín dụng, tiếp tục cơ cấu kỳ hạn, danh mục nguồn vốn, điều hành lãi suất theo hướng tối ưu hóa hiệu quả, tăng hoặc triển khai áp dụng cơ chế định giá chuyển vốn FIP theo thống lệ.
- Tiếp tục phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại, tạo hệ sinh thái số dịch vụ, gia tăng trải nghiệm của khách hàng; tích cực góp phần thúc đẩy phát triển chiến lược tài chính toàn diện quốc gia.
- Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin, số hóa hoạt động ngân hàng đáp ứng có hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và công tác quản trị điều hành của toàn hệ thống.
- Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống mạng lưới, cơ cấu hoạt động các chi nhánh, đặc biệt trên địa bàn Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; cơ cấu lại mô hình tổ chức tại chi nhánh phù hợp với yêu cầu điều hành, nâng cao hiệu quả phục vụ khách hàng.
- Xây dựng, triển khai có hiệu quả Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025; chỉ đạo, giám sát việc triển khai đúng tiến độ để án chiến lược phát triển kinh doanh của các công ty con; chủ động triển khai, xử lý theo thẩm quyền những vấn đề liên quan và đề xuất cổ phần hóa Agribank.
- Quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu công tác quản trị, điều hành, quản lý rủi ro tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN; cập nhật, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và công tác tự kiểm tra góp phần phòng ngừa, hạn chế rủi ro; khắc phục có hiệu quả các tồn tại, sai phạm qua thanh tra, kiểm toán, tự kiểm tra, đặc biệt trong công tác tín dụng; xử lý nghiêm minh, nhanh chóng các sai phạm, tồn tại, đặc biệt là đối với người đứng đầu.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng người lao động đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và xu hướng số hóa hoạt động ngân hàng.

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



9. Thông tin về cổ đông lớn, chủ sở hữu công ty, thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

| | |
|--|---|
| Tên thành viên | NHNN |
| Năm thành lập | 1953 |
| Số GCNĐKKD hoặc mã số giao dịch | 15/SL |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Địa chỉ trụ sở chính | 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam |
| Vốn điều lệ/Vốn cổ phần | Không có (vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước) |
| Người đại diện theo pháp luật hoặc tương đương | Bà Nguyễn Thị Hồng Tổng đốc NHNN Việt Nam |
| Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành | Không có |
| Tỷ lệ vốn điều lệ nắm giữ | 100% vốn điều lệ |
| Lợi ích liên quan đối với Agribank | Không |

10. Thông tin về thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

10.1. Hội đồng thành viên

| Họ và tên | Chức vụ |
|--------------------------|------------------------------------|
| • Ông Phạm Đức Ân | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Phạm Toàn Vượng | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Minh Trí | Thành viên HĐQT |
| • Ông Trần Văn Dũng | Thành viên HĐQT |
| • Bà Nguyễn Tuyết Dương | Thành viên HĐQT |
| • Bà Nguyễn Thị Thảo | Thành viên HĐQT |
| • Ông Nguyễn Minh Phương | Thành viên HĐQT |
| • Ông Lê Xuân Trung | Thành viên HĐQT |
| • Bà Từ Thị Kim Thanh | Thành viên HĐQT |
| • Ông Phạm Đức Tuấn | Thành viên HĐQT |

➤ Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên: Phạm Đức Ân

Quốc tịch: Nam

Ngày sinh: 01/02/1970



Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 040070000255, Ngày cấp: 25/04/2021, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nghệ An

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|---------------------|--|
| Từ 1994 – 2000 | Cán bộ Pháp chế Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam |
| Từ 2000 – 2001 | Phó Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| Từ 2001 – 2004 | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| Từ 2004 – 2006 | Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| Từ 2006 – 2009 | Giám đốc Ban Pháp chế Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| Từ 2009 – 2011 | Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hưng Yên |
| Từ 2011 – 2014 | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam |
| Từ 2014 – 2017 | Phó Chủ tịch HĐQT Agribank |
| Từ 8/2017 – 12/2018 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank |
| Từ 1/2019 – 4/2020 | Chánh Văn phòng NHNN |
| Từ 5/2020 – 7/2022 | Chủ tịch HĐQT Agribank |
| Từ 07/2020 – nay | Chủ tịch HĐQT Agribank, Đại biểu Quốc hội khóa XV |
| Từ 03/2021 – nay | Chủ tịch HĐQT Agribank, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam nhiệm kỳ VII, Thành viên Hội đồng Hiệp hội ngân hàng Quốc gia Asean |
| Từ 09/2021 – nay | Chủ tịch HĐQT Agribank, Thành viên Hội đồng Quản trị Hiệp hội Ngân hàng Châu Á nhiệm kỳ 2021 – 2023 |
| Từ 06/2022 – 8/2022 | Chủ tịch HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự |
| Từ 07/2022 – nay | Chủ tịch HĐQT Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Chủ tịch HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thành viên Hội đồng Quản trị Hiệp hội Ngân hàng Châu Á, Thành viên Hội đồng Hiệp hội Ngân hàng Quốc gia Asean, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam nhiệm kỳ VII, Đại biểu Quốc hội khóa

[Signature]

[Signature]



XV, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc Agribank**

Họ và tên: Phạm Toàn Vượng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/5/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036076006776, Ngày cấp: 31/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------|--|
| Từ 1999 - 2000 | Chuyên viên Ban Quan hệ quốc tế Agribank |
| Từ 2000 - 2002 | Chuyên viên Ban Thư ký pháp chế Agribank |
| Từ 2002 - 2004 | Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 2004 - 2005 | Tổ phó phụ trách Tổ kiểm tra, kiểm toán nội bộ Agribank Chi nhánh Quảng An |
| Từ 2005 - 2006 | Phó phòng phụ trách phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An |
| Từ 2006 - 2007 | Trưởng phòng Nguồn vốn và Kế hoạch tổng hợp Agribank Chi nhánh Quảng An |
| Từ 2007 - 2008 | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Hồng Hà |
| Từ 2008 - 2012 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 2013 - 2015 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Mỹ Đình |
| Từ 06/2015 - 10/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 01/2017 - nay | Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam |
| Từ 05/2021 - 10/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ |
| Từ 10/2022 - 11/2022 | Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban điều hành Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ |
| Từ 12/2022 - 02/2023 | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ |
| Từ 02/2023 - nay | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BK3, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

> Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Nguyễn Minh Trí

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/12/1963

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 079063034666, Ngày cấp: 14/03/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------|--|
| Từ 1985 - 1988 | Cán bộ Tín dụng NHNN Chi nhánh Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh Cần Long |
| Từ 1988 - 1992 | Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Tỉnh Cần Long |

[Signature]

[Signature]



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1992 – 1994 | Phó Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Agribank Chi nhánh Tỉnh Trà Vinh |
| Từ 1995 – 1998 | Kinh tế viên Văn phòng Đại diện Agribank khu vực miền Nam |
| Từ 1998 – 2001 | Trưởng phòng Công ty cho thuê tài chính II Agribank (ALCII) |
| Từ 2001 – 2002 | Phó Giám đốc ALC II kiêm Giám đốc ALC II tại Đà Nẵng |
| Từ 2002 – 2003 | Phó Giám đốc ALC II |
| Từ 2003 – 2010 | Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý TP. Hồ Chí Minh, Agribank |
| Từ 2010 – 2012 | Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý TP HCM và Chủ tịch Hội đồng Quản trị ALC II |
| Từ 2012 – 2019 | Thành viên Hội đồng thành viên Agribank |
| Tháng 06/2019 | Thành viên HĐQT, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank |
| Từ 06/2019 – 07/2019 | Thành viên HĐQT, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank, phụ trách Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam. |
| Từ 7/2019 – 02/2020 | Thành viên HĐQT, kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư, Trưởng Văn Phòng Đại diện Khu vực Agribank Miền Nam |
| Từ 02/2020 – 05/2020 | Thành viên HĐQT, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam |
| Từ 05/2020 – nay | Thành viên HĐQT, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro Agribank, Trưởng Văn Phòng Đại diện Agribank Khu vực Miền Nam |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Quản lý rủi ro, Trưởng Văn Phòng Đại diện Khu vực Miền Nam Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2013 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BCS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCH ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Trần Văn Đông

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 06/12/1966



Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042066000202, Ngày cấp: 30/10/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 1994 – 2001 | Cán bộ Ban Thu lý pháp chế Agribank |
| Từ 2001 – 2004 | Cán bộ Ban Quan hệ quốc tế Agribank |
| Từ 2004 – 2005 | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 2005 – 2009 | Trưởng phòng Quản lý rủi ro Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 2009 – 2014 | Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 01/2014 – 10/2014 | Trưởng ban Thư ký HĐQT Agribank |
| Từ 10/2014 – 08/2022 | Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 01/09/2022 – nay | Thành viên HĐQT Agribank |
| Từ 05/09/2022 – nay | Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2017 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng, Giám đốc, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ **Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên: Nguyễn Tuyết Dương

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/12/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001168002410, Ngày cấp: 10/5/2015, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam



Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|-------------------------------------|
| Từ 1995 – 1997 | Chuyên viên tập sự Vụ Pháp chế NHNN |
| Từ 1997 – 2003 | Chuyên viên Vụ Pháp chế NHNN |
| Từ 2003 – 2005 | Phó Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN |
| Từ 2005 – 2008 | Trưởng phòng Vụ Pháp chế NHNN |
| Từ 02/2008 – 12/2018 | Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế NHNN |
| Từ 01/2019 – nay | Thành viên HĐQT Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➢ Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 10/10/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037179801768, Ngày cấp: 10/10/2017, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------|---|
| Từ 2001 – 2007 | Cán bộ phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Lăng Hồ |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 2007 – 2012 | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Láng Hạ |
| Năm 2012 | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Láng Hạ |
| Từ 2012 – 2013 | Trưởng phòng Thẩm định Agribank Chi nhánh Láng Hạ |
| Từ 2013 – 2016 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ |
| Từ 09/2016 – 04/2019 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Láng Hạ |
| Từ 04/2019 – 08/2022 | Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Nhân sự Agribank |
| Từ 01/9/2022 – nay | Thành viên HĐQT Agribank |
| Từ 05/09/2022 – nay | Thành viên HĐQT kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank |
| Từ 03/2023 – nay | Thành viên HĐQT, Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/3/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Nguyễn Minh Phương

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025068000023, Ngày cấp: 26/12/2022, Nơi cấp: Cục CS QLHK và TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Phú Thọ

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------|--|
| Từ 1988 – 1996 | Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú |
| Từ 1997 – 1998 | Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ |
| Từ 1998 – 2001 | Chuyên viên Ban Hạch toán kinh doanh Agribank |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 2001 – 2002 | Phó Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank |
| Từ 2002 – 2003 | Trưởng phòng Tổng hợp Trung tâm thanh toán Agribank |
| Từ 2003 – 2003 | Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 2003 – 2004 | Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 2004 – 2014 | Giám đốc Trung tâm Thẻ Agribank |
| Từ 10/2014 – 11/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 01/2015 - nay | Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) |
| Từ 11/2018 – 11/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Thành viên Hội đồng quản trị ALCI |
| Từ 12/2022 – 10/2023 | Thành viên HĐQT Agribank, Thành viên HĐQT ALCI |
| Từ 08/2023 – 10/2023 | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Thành viên HĐQT ALCI, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank |
| Từ 11/2023 – 02/2024 | Thành viên HĐQT Agribank, Thành viên phụ trách HĐQT ALCI |
| Từ 08/2023 – nay | Thành viên HĐQT Agribank kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên HĐQT Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Đầu tư Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS)

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 1278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Lê Xuân Trung

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 09/12/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001070001883, Ngày cấp: 20/7/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Nội



Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1994 - 1994 | Cán bộ phòng Tín dụng Quốc doanh Trung tâm Điều hành Agribank |
| Từ 1994 - 1996 | Cán bộ phòng Dự án lớn, Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank |
| Từ 1996 - 1998 | Cán bộ phòng Tín dụng Nông nghiệp Khối Tín dụng Trung tâm Điều hành Agribank |
| Từ 1998 - 2001 | Cán bộ Tín dụng Doanh nghiệp Agribank |
| Từ 2001 - 2007 | Cán bộ Ban Tín dụng Agribank |
| Từ 2007 - 2009 | Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank |
| Từ 2009 - 2012 | Phó Trưởng ban Thư ký Hội đồng Quản trị (nay là Ban Thư ký HĐQT) Agribank |
| Từ 2012 - 2014 | Phó Trưởng ban Tín dụng doanh nghiệp (sau là Ban Khách hàng doanh nghiệp) Agribank |
| Năm 2014 | Quyển Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank |
| Từ 2014 - 2015 | Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank |
| Từ 2016 - 2017 | Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank |
| Từ 2017 - 11/2021 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 04/2018 - 06/2021 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 6/2021 - 1/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank, kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Tây Hồ |
| Từ 1/2022 - 5/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 01/12/2022 - nay | Thành viên HĐQT Agribank |
| Từ 01/6/2023 - nay | Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT Agribank, Chủ nhiệm Ủy ban Chính sách Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng



đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

> Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Từ Thị Kim Thanh

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 20/11/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001172008280, Ngày cấp: 04/7/2016, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|--------------------------|---|
| Từ 5/1995 - 10/1998 | Chuyên viên Vụ Quản lý các Tổ chức tín dụng hợp tác |
| Từ 10/1998 - 6/2005 | Chuyên viên Văn phòng NHNN |
| Từ 6/2005 - 9/2008 | Phó Trưởng phòng Tổng hợp - Văn phòng NHNN |
| Từ 9/2008 - 11/2011 | Trưởng phòng Tổng hợp thuộc Văn phòng NHNN |
| Từ 11/2011 - 11/2022 | Phó Chánh văn phòng NHNN |
| Từ ngày 01/12/2022 - nay | Thành viên HĐQT Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên HĐQT Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

> Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên: Phạm Đức Tuấn

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/7/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036069000002, Ngày cấp: 12/10/2012, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL

[Handwritten signature and date]



cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|------------------------------------|--|
| Từ 1992 – 1994 | Cán bộ phòng Quản lý quốc tế Agribank |
| Từ 1994 – 1999 | Cán bộ Sở kinh doanh hối đoái Agribank |
| Từ 1999 – 2004 | Trưởng phòng SWIFT Sở giao dịch hối đoái (Sở giao dịch) Agribank |
| Từ 2004 – 2005 | Trưởng phòng SWIFT Sở Quản lý kinh doanh vốn và ngoại tệ Agribank |
| Từ 2005 – 2007 | Trưởng phòng Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ Agribank |
| Năm 2007 | Cán bộ phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank |
| Từ 2007 – 2008 | Phó Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank |
| Từ 2008 – 2009 | Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank |
| Từ 2009 – 2013 | Trưởng phòng, Trưởng ban Nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ Agribank |
| Từ 2013 – 2015 | Trưởng ban Kế hoạch nguồn vốn Agribank |
| Năm 2015 | Trưởng ban Định chế tài chính Agribank |
| Từ 2015 - 2016 | Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank |
| Từ 2016 - 2017 | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tổ chức Lao động và Tiền lương kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nhân sự Agribank |
| Từ 03/2017 – 05/2020 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 12/2019 – nay | Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam (VITMA) |
| Từ 06/2020 – 12/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) |
| Từ 12/2022 – 08/2023 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 08/2023 – nay | Thành viên HĐQT Agribank |
| Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: | Thành viên HĐQT Agribank |
| Chức vụ hiện đang nắm giữ tại | Phó Chủ tịch Hiệp hội Thị trường Trái Phiếu Việt Nam |



| | |
|---------------------------------------|--------|
| các tổ chức khác: | (VBMA) |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Các khoản nợ đối với Agribank: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: | Không |

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 29/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TUCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

10.2. Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|--------------------------|
| • Ông Trần Trọng Dương | Trưởng Ban kiểm soát |
| • Ông Bùi Hồng Quảng | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Hoàng Văn Thắng | Thành viên Ban kiểm soát |
| • Ông Nguyễn Xuân Hồng | Thành viên Ban kiểm soát |

➤ Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Trần Trọng Dương

Gới tính: Nam

Ngày sinh: 10/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037064006839, Ngày cấp: 10/5/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Ninh Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------|---|
| Từ 1985 – 1987 | Cán bộ Kế hoạch Chi nhánh NHNN huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải |
| Từ 1988 – 1990 | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải |
| Từ 1990 – 1992 | Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1993 – 1995 | Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Khu vực Bình Minh, Huyện U Minh, Tỉnh Minh Hải |
| Năm 1996 | Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng phục vụ người nghèo Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải |
| Năm 1997 | Phó Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu |
| Từ 1997 – 2001 | Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu |
| Từ 2001 – 2008 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Tỉnh Bạc Liêu |
| Từ 2008 – 2011 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hàng Vương, Thành phố Hồ Chí Minh |
| Từ 2011 – 2012 | Phó Giám đốc Phụ trách Agribank Chi nhánh Bình Chánh |
| Từ 2012 – 2015 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Bình Chánh |
| Từ 10/2015 – 08/2017 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| Từ 08/2017 – nay | Trưởng Ban Kiểm soát Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Trưởng Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 23/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 1273/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Bùi Hồng Quảng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 31/08/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 01707000097, Ngày cấp: 18/12/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

[Handwritten signatures and stamps]



Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hòa Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 1994 - 2001 | Cán bộ phòng Kế toán Ban Hạch toán kinh doanh Trung tâm Điều hành Agribank |
| Từ 2001 - 2003 | Phó Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội |
| Từ 2003 - 2007 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Kim Mã thuộc Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội |
| Từ 2007 - 2014 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Hà Nội |
| Từ 05/2014 - 09/2014 | Trưởng Kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát Agribank |
| Từ 10/2014 - nay | Thành viên Ban Kiểm soát Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

> Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Hoàng Văn Thắng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/7/1966

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 038066001130, Ngày cấp: 10/07/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thanh Hóa

(Handwritten signatures and dates)



Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1990 - 1991 | Cán bộ Phòng đại diện Bim Sơn, NHNN Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa |
| Từ 1992 - 1993 | Cán bộ phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh Bim Sơn, Tỉnh Thanh hóa |
| Từ 1993 - 1997 | Cán bộ phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Chi nhánh Tỉnh Thanh Hóa |
| Từ 1997 - 1999 | Cán bộ phòng Giám sát và phân tích, Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 1999 - 2006 | Thanh tra viên, phòng Giám sát và phân tích Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 2006 - 2008 | Thanh tra viên chính, phòng Giám sát và phân tích Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 2008 - 2009 | Phó Trưởng phòng Giám sát và phân tích, Vụ Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 2009 - 2012 | Trưởng phòng Tổng hợp và thu thập, xử lý thông tin Vụ Giám sát Ngân hàng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 12/2012 - 09/2014 | Phó Vụ trưởng Vụ Giám sát Ngân hàng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| Từ 10/2014 - nay | Thành viên Ban Kiểm soát Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3276/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Xuân Hùng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 11/10/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 024074000385, Ngày cấp: 24/06/2022, Nơi cấp: Cục Cảnh sát

(Handwritten signatures and stamps)

**QLHC về TTXH**

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|---------------------|---|
| Từ 10/1998 - 2001 | Cán bộ tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa |
| Từ 2001 - 2003 | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa |
| Từ 2005 - 10/2006 | Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Như Xuân Thanh Hóa |
| Từ 10/2006 - 9/2015 | Cán bộ Ban Kiểm tra, Kiểm soát nội bộ |
| Từ 10/2015 - 7/2017 | Cán bộ Ban thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo xử lý nợ Agribank |
| Từ 8/2017 - 11/2019 | Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 11/2019 - 3/2020 | Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 3/2020 - 11/2022 | Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Agribank |
| Từ 01/12/2022 - nay | Thành viên Ban Kiểm soát Agribank |

Chức vụ đang đảm giữ tại Agribank:

Thành viên Ban Kiểm soát Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2661/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 1278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

10.3. Ban Điều hành

| Họ và tên | Chức vụ |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Phạm Toàn Vượng | Tổng Giám đốc |
| • Bà Nguyễn Thị Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Hoàng Minh Ngọc | Phó Tổng Giám đốc |



| Họ và tên | Chức vụ |
|-------------------------|-------------------|
| • Ông LÊ HỒNG PHÚC | Phó Tổng Giám đốc |
| • Bà PHƯƠNG THỊ BÌNH | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông TÔ ĐÌNH TON | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông TRẦN VĂN DUY | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông NGUYỄN QUANG HỒNG | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông ĐUẬN NGỌC LƯU | Phó Tổng Giám đốc |

➤ Tổng Giám đốc

Họ và tên: Phạm Toàn Vượng

Đã trình bày tại Khoản 10.1 Mục IV.

➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Thị Phương

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 29/3/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 601168013074, Ngày cấp: 27/12/2018, Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Năm 1992 | Nhân viên tập sự tại phòng Quan hệ quốc tế Agribank |
| Từ 1992 - 1994 | Nhân viên phòng Kinh doanh đối ngoại Agribank |
| Từ 1994 - 1999 | Nhân viên Sở kinh doanh hối đoái Agribank |
| Từ 1999 - 2001 | Phó Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch Agribank |
| Từ 2001 - 2002 | Trưởng phòng Thanh toán quốc tế Sở giao dịch Agribank |
| Từ 2002 - 2004 | Phó Bao Quan hệ quốc tế Agribank |
| Từ 2004 - 2006 | Trưởng Ban Quan hệ quốc tế Agribank |
| Từ 2006 - 2011 | Phó Giám đốc Sở giao dịch Agribank |
| Từ 2011 - 2014 | Giám đốc Sở giao dịch Agribank |
| Từ 06/2014 - 07/2020 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 07/2020 - 05/2021 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng ban Truyền Thông |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 05/2021 – 03/2023 | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng khối Truyền thông và phát triển thương hiệu Agribank |
| Từ 03/2023 – nay | Phó Tổng Giám đốc, Trưởng khối Truyền thông và Phát triển thương hiệu |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng khối Truyền thông và Phát triển thương hiệu

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

> Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Hoàng Minh Ngọc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/04/1977.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 042077000267, ngày cấp: 17/8/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH.

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 01/2003 – 02/2004 | Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh tỉnh Gia Lai |
| Từ 02/2004 – 5/2005 | Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 5/2005 – 4/2008 | Trưởng phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 5/2008 – 10/2010 | Giám đốc Phòng giao dịch số 16 Khu Công nghiệp Thăng Long thuộc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 10/2010 – 4/2013 | Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 5/2013 – 4/2014 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 5/2014 – 6/2014 | Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |
| Từ 6/2014 – 4/2023 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|------------------|---|
| Từ 4/2023 - nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 11/2023 - nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank Chi nhánh Gia Lâm

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

> Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Lê Hồng Phúc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/12/1976.

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030076006999, ngày cấp: 12/4/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TT&XH.

Dân tộc: Kinh.

Nơi sinh: Hải Dương.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ.

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 11/1998 - 12/1998 | Nhân viên Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương |
| Từ 01/1999 - 10/2001 | Nhân viên Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương |
| Từ 10/2001 - 4/2003 | Phó Trưởng phòng Tín dụng thuộc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương |
| Từ 5/2003 - 4/2005 | Giám đốc Phòng giao dịch Ngũ Hành thuộc Agribank Chi nhánh |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| | Thanh Miện Hải Dương |
| Từ 4/2005 – 02/2008 | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương |
| Từ 02/2008 – 11/2009 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Thanh Miện, Hải Dương |
| Từ 12/2009 – 3/2010 | Quyền Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương |
| Từ 4/2010 – 10/2015 | Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện Ninh Giang, Hải Dương |
| Từ 11/2015 – 9/2017 | Phó Chánh Văn phòng Trụ sở chính Agribank |
| Từ 10/2017 – 12/2018 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Hải Dương II |
| Từ 01/2019 – 4/2023 | Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Hải Dương |
| Từ 4/2023 - nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank
 Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Agribank: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 13/3/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Phùng Thị Bình**

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 08/03/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 036177011959, ngày cấp: 29/7/2022, nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về TTXH

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|---------------------|---|
| Từ 12/1998 – 3/2000 | Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Nam Sài Gòn |



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 3/2009 – 6/2005 | Nhân viên phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch |
| Từ 6/2005 – 3/2013 | Phó Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch |
| Từ 3/2013 – 16/2014 | Trưởng phòng Tín dụng Agribank Chi nhánh Sở giao dịch |
| Từ 16/2014 – 12/2015 | Phó Trưởng ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank |
| Từ 01/2016 – 01/2016 | Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng doanh nghiệp Agribank |
| Từ 02/2016 – 02/2017 | Phó Trưởng ban Tín dụng Agribank |
| Từ 3/2017 – 8/2017 | Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank |
| Từ 8/2017 – 02/2018 | Phó Trưởng ban phụ trách điều hành ban Khách hàng lớn Agribank |
| Từ 3/2018 – 9/2019 | Phó Trưởng ban Khách hàng lớn Agribank |
| Từ 10/2019 – 8/2021 | Giám đốc Trung tâm quản lý rủi ro Agribank |
| Từ 8/2021 – 4/2023 | Trưởng ban Thẩm định và phê duyệt tín dụng Agribank |
| Từ 4/2023 - nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

> Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Tô Đình Tâm

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 17/8/1963

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034063000237, Ngày cấp: 19/3/2014, Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Thái Bình



Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1987 – 1996 | Cán bộ Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng) |
| Từ 1996 – 1998 | Cán bộ Xây dựng cơ bản Agribank |
| Từ 1998 – 1999 | Phó Trưởng phòng Xây dựng cơ bản thuộc ban Quản trị Agribank |
| Từ 1999 – 2001 | Trưởng phòng Xây dựng cơ bản thuộc Ban Quản trị Agribank |
| Từ 2001- 2005 | Phó Trưởng ban Xây dựng cơ bản Agribank |
| Từ 2005 - 07/2016 | Trưởng ban Xây dựng cơ bản (nay là Ban Quản lý đầu tư nội ngành) |
| Từ 07/2016 - 11/2020 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 11/2020 – 12/2021 | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Quản lý Tài sản phục lợi Agribank |
| Từ 01/2022 – nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng, BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

➤ Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Trần Văn Dự

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/11/1964

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001964012222, Ngày cấp: 21/08/2022, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh



Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|---|
| Từ 1985 - 1992 | Cán bộ Tín dụng Agribank Chi nhánh Mỹ Đức, Hà Tây |
| Từ 1992 - 1994 | Cán bộ Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 1994 - 1994 | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 1994 - 1998 | Trưởng phòng Điện toán Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 1998 - 2003 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 2003 - 2004 | Phó Giám đốc phụ trách Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 02/2004 - 08/2017 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Tây |
| Từ 08/2017 - nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank: Phó Tổng Giám đốc Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mâu thuẫn đối với Agribank: Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

> Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Quang Hùng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 18/12/1967

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 027067011597, Ngày cấp: 01/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Bắc Ninh

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:



| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 1987 – 1988 | Cán bộ NHNN Chi nhánh huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc |
| Từ 1988 – 1991 | Nhập ngũ tham gia quân đội tại E-445 – Quân khu I |
| Từ 1991 – 1993 | Cán bộ Kế toán Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc |
| Từ 1993 – 1996 | Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chính nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc |
| Từ 1996 – 1997 | Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh huyện Quế Võ Hà Bắc |
| Năm 1997 | Cán bộ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 1997 – 2003 | Phó Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 02/2003 – 09/2010 | Trưởng phòng Kế toán và Ngân quỹ Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 10/2010 – 12/2013 | Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 01/2014 – 08/2022 | Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 09/2022 – 10/2022 | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Giám đốc Agribank chi nhánh tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 11/2022 – 03/2023 | Phó Tổng Giám đốc Agribank |
| Từ 02/2023 – nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc Agribank kiêm Trưởng Khối Kiểm tra và Giám sát tuân thủ Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi thỏa thuận đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NIENN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NIENN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Đoàn Ngọc Lưu

Giới tính: Nam



Ngày sinh: 12/8/1976

Số CMND/CCCT/Hộ chiếu: 036076009576, Ngày cấp: 23/09/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|-------------------|---|
| 09/1998 - 04/2004 | Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính - Công ty TNHH kiểm toán Việt Nam VACO (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam) |
| 04/2004 - 04/2008 | Giảng viên Khoa kế toán - Học viện Tài chính |
| 05/2008 - 05/2009 | Phó Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) |
| 06/2009 - 09/2013 | Thành viên Ban kiểm soát PVFC, Trưởng kiểm toán nội bộ - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) |
| 10/2013 - 06/2016 | Trưởng kiểm toán nội bộ PsecomBank |
| 07/2016 - 06/2017 | Phó Trưởng kiểm toán nội bộ, Agribank |
| 12/2016 - 06/2017 | Tham gia Lãnh đạo Ban Kế hoạch - Nguồn vốn, Agribank |
| 06/2017 - 05/2018 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định |
| 06/2018 - 05/2020 | Trưởng Ban Kế hoạch Nguồn vốn Agribank |
| 06/2020 - 02/2022 | Giám đốc Agribank Chi nhánh Thăng Long |
| 03/2022 - 01/2024 | Phó Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ, Ngân hàng Nhà nước; |
| 02/2024 đến nay | Phó Tổng Giám đốc Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Các khoản nợ đối với Agribank:

Không

Quyền lợi mua thuận đối với Agribank:

Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng



đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3278/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

10.4. Kế toán trưởng

Họ và tên: **Phùng Văn Hưng Quang**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/02/1965

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 026065603963, Ngày cấp: 19/5/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian | Quá trình công tác |
|----------------------|--|
| Từ 1988 - 1992 | Nhân viên Agribank Chi nhánh Đoàn Hùng, Tỉnh Vĩnh Phú |
| Từ 1992 - 1993 | Nhân viên phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú |
| Từ 1993 - 1996 | Phó Trưởng phòng Kế toán thanh toán Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phú |
| Từ 1997 - 2000 | Trưởng phòng Kế toán Ngân quỹ Agribank Chi nhánh Tỉnh Vĩnh Phúc |
| Từ 2001 - 2002 | Trưởng phòng Kế toán Sở giao dịch Agribank |
| Từ 2002 - 2005 | Phó ban Tài chính Kế toán Agribank |
| Từ 2005 - 2007 | Phó ban Tín dụng doanh nghiệp Nhỏ và vừa Agribank |
| Từ 2007 - 2009 | Trưởng ban Quản lý dự án cổ phần hóa Agribank |
| Từ 2009 - 2014 | Trưởng ban Thống kê và dự báo kinh tế Agribank |
| Năm 2014 | Trưởng ban Tài chính kế toán và ngân quỹ Agribank |
| Từ 10/2014 - 04/2021 | Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính kế toán Agribank |
| Từ 04/2021 - Nay | Kế toán trưởng Agribank |

Chức vụ đang nắm giữ tại Agribank:

Kế toán trưởng Agribank

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không



Các khoản nợ đối với Agribank: Không

Quyền lợi mẫu (thuần đối với Agribank): Không

Lợi ích liên quan đối với Agribank: Được hưởng lương, thưởng theo Quyết định số 2601/QĐ-NHNN ngày 28/12/2018 của NHNN về trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trường BKS, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên do NHNN Việt Nam làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ; Văn bản số 3378/NHNN-TCCB ngày 17/5/2022 của NHNN về Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, kiểm soát viên Agribank và các quy định pháp luật có liên quan

11. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

Do là ngân hàng có 100% vốn của Nhà nước nên chính sách lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Agribank được quyết định bởi NHNN. Agribank hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên nên không có chính sách trả cổ tức.

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trái Phiếu do Agribank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2020 đến năm 2023) và đến thời điểm hiện tại đều đã được Agribank thanh toán đầy đủ và đúng hạn trả gốc và lãi Trái Phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các Trái Phiếu.

Tình hình thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu

Đơn vị: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Quý 1/2024 |
|-------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Dư nợ gốc đầu kỳ | 32.388.834 | 28.553.877 | 40.984.877 | 50.928.877 |
| Phát hành thêm trong kỳ | 7.415.846 | 12.431.000 | 10.000.000 | - |
| Trả gốc trong kỳ | 11.250.000 | - | 56.000 | 1.140.000 |
| Dư nợ cuối kỳ | 28.553.877 | 40.984.877 | 50.928.877 | 49.788.877 |
| Trả lãi trong kỳ | 1.946.560 | 1.383.346 | 1.298.562 | 149.054 |

(Nguồn: Agribank)

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái Phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến hết ngày 31/03/2024, tổng số dư giá trị Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 49.788.877 triệu đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái Phiếu phát hành ra công chúng: 35.346.677 triệu đồng, chiếm 70,997% tổng số dư giá trị Trái Phiếu đã phát hành,
- Trái Phiếu phát hành riêng lẻ: 14.442.200 triệu đồng, chiếm 29,007 % tổng số dư giá trị Trái Phiếu đã phát hành.

Theo Nghị quyết HĐQT số 79/NQ-HĐTV ngày 19/05/2023 về việc mua lại trước hạn Trái



Phiếu do Agribank phát hành, Agribank dự kiến mua lại 01 mã Trái Phiếu riêng lẻ với giá trị 4.350 tỷ đồng theo ngày thỏa thuận với nhà đầu tư.

Đối với các Trái Phiếu khác chưa đáo hạn người Trái Phiếu trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư về các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

13.2. Hình thức thuê và sử dụng đất

Agribank hiện có 2.224 chi nhánh và phòng giao dịch tại 63 tỉnh thành trên cả nước. Địa điểm giao dịch của các chi nhánh/phòng giao dịch là đất thuê hoặc đất được Nhà nước giao sử hữu.

Đối với địa điểm đặt Chi nhánh tại Campuchia, Agribank thực hiện thuê trụ sở để làm việc là 5 năm/lần, giá thuê được chi nhánh trả theo quý.

T trụ sở chính của Agribank đặt tại số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội và một số địa điểm khác trên địa bàn TP. Hà Nội được sử dụng làm văn phòng làm việc của một số Phòng, Ban là đất thuê trả tiền hàng năm.

Ngoài ra, Agribank còn thuê đất và/hoặc được giao đất để phục vụ các hoạt động kinh doanh khác như đào tạo, dịch vụ bao gồm: 06 nhà nghỉ, 05 nhà khách, 03 nhà nghỉ điều dưỡng, 02 nhà nghỉ dưỡng, 02 khách sạn, 01 khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, 01 đất xây dựng khu nghỉ dưỡng, 01 cơ sở nhà, đất và 01 khu dự kiến xây dựng Trụ sở Trung tâm đào tạo Agribank.

Đối với phần đất thuê, Agribank thực hiện thanh toán tiền thuê đất theo quy định tại các Hợp đồng thuê đất và pháp luật có liên quan.

Giá trị quyền sử dụng đất của Agribank tính đến thời điểm 31/03/2024 như sau:

| | Quyền sử dụng đất (Tỷ đồng) | |
|-----------------|--------------------------------|----------|
| | Công ty mẹ | Hợp nhất |
| Nguyên giá | 2.132 | 2.571 |
| Hạn mức lũy kế | 240 | 296 |
| Giá trị còn lại | 1.892 | 2.275 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất và riêng Quý I/2024)

13.3. Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 31/03/2024 của Agribank như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| Khoản mục (Đơn vị: tỷ đồng) | Hợp nhất | | | Công ty mẹ | | |
|--------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 | 31/12/2022 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
| Bảo lãnh vay vốn | 56 | 31 | 40 | 56 | 31 | 40 |
| Cam kết giao dịch hối đoái | 166.876 | 237.037 | 396.361 | 166.876 | 237.037 | 396.361 |

(Chữ ký và dấu)



| Khóm mục Đơn vị: Tỷ đồng | Hợp nhất | | | Công ty mẹ | | |
|---|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | 31/12/2021 | 31/12/2023 | 31/03/2024 | 31/12/2021 | 31/12/2023 | 31/03/2024 |
| - Cam kết mua ngoại tệ | 86 | 337 | 389 | 86 | 337 | 389 |
| - Cam kết bán ngoại tệ | 410 | 296 | 410 | 416 | 306 | 410 |
| - Cam kết giao dịch hoán đổi | 166.374 | 236.394 | 369.502 | 166.374 | 236.394 | 369.502 |
| Cam kết trong nghiệp vụ L/C | 2.916 | 3.467 | 5.367 | 2.916 | 3.467 | 5.367 |
| Bảo lãnh khác | 22.104 | 23.348 | 23.082 | 22.105 | 23.350 | 23.082 |
| Cam kết khác | 170 | 772 | 180 | 170 | 772 | 180 |
| Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được | 16.961 | 19.712 | 22.697 | 17.179 | 19.917 | 22.027 |
| Nợ thuế đối đã xử lý | 181.112 | 205.218 | 211.852 | 179.365 | 203.188 | 210.334 |
| Tài sản và chứng từ khác | 4.121 | 5.946 | 1.838 | 1.709 | 1.798 | 1.838 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất và riêng Quý I/2024)

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng, liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Người thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại Khoản 13 Mục IV nêu trên, tính đến thời điểm ban hành Bản cáo bạch này, theo đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án

Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

L. Kết quả hoạt động kinh doanh

L.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và tùy kế đến quý gần nhất

L.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm | 3 tháng đầu năm 2024 |
|--|-----------|-----------|-------------|----------------------|
| Tổng tài sản | 1.874.839 | 2.044.927 | 9,072% | 2.058.401 |
| Vốn chủ sở hữu | 86.998 | 100.536 | 15,561% | 105.651 |
| Thu nhập lãi thuần | 60.190 | 55.964 | -7,021% | 14.186 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 77.861 | 76.138 | -2,213% | 17.386 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 49.711 | 45.206 | -9,062% | 9.809 |
| Lợi nhuận trước thuế | 22.539 | 25.859 | 14,730% | 8.169 |
| Lợi nhuận sau thuế | 18.043 | 20.696 | 14,704% | 6.541 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 144 | 155 | 7,639% | 62 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 17.899 | 20.541 | 14,761% | 6.479 |
| Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức | N/A | N/A | N/A | N/A |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý 1/2024)

Kết quả hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm | 3 tháng đầu năm 2024 |
|-------------------------|-----------|-----------|-------------|----------------------|
| Tổng tài sản | 1.873.683 | 2.042.976 | 9,035% | 2.055.665 |
| Vốn chủ sở hữu | 84.500 | 97.931 | 15,895% | 102.918 |
| Thu nhập lãi thuần | 59.839 | 55.610 | -7,067% | 14.097 |
| Tổng thu nhập hoạt động | 76.802 | 75.038 | -2,297% | 16.878 |

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % tăng/giảm | 3 tháng đầu năm 2024 |
|--|----------|----------|-------------|----------------------|
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | 49.247 | 44.904 | -8,819% | 9.631 |
| Lợi nhuận trước thuế | 22.087 | 25.525 | 15,566% | 7.997 |
| Lợi nhuận sau thuế | 17.680 | 20.467 | 15,765% | 6.398 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

Theo BCTC hợp nhất, tổng tài sản năm 2023 tăng trưởng 9,07% so với năm 2022, đạt 2.044.927 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần trong năm 2023 đạt 20.541 tỷ đồng, tăng 5.800 tỷ đồng tương đương 47,938% so với năm 2021.

Kết thúc 3 tháng đầu năm 2024, tổng tài sản hợp nhất của Agribank đạt 2.038.401 tỷ đồng, lợi nhuận thuần đạt 6.479 tỷ đồng.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Cơ cấu Thu nhập lãi và các khoản tương tự

Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 4.714 | 3,682% | 6.188 | 4,028% | 1.145 | 3,280% |
| Thu nhập lãi cho vay khách hàng | 119.371 | 93,232% | 139.192 | 90,602% | 32.098 | 91,950% |
| Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán | 3.659 | 2,851% | 7.915 | 5,152% | 1.583 | 4,535% |
| Thu nhập từ nghiệp vụ cho thuê tài chính | 1 | 0,001% | 0.145 | 0,0001% | 0,041 | 0,0001% |
| Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh | 300 | 0,234% | 331 | 0,215% | 82 | 0,235% |
| Thu khác từ hoạt động tín dụng | 1 | 0,001% | 4 | 0,003% | 0.235 | 0,001% |



| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|--|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 128.037 | 100% | 153.630 | 100% | 34.908 | 100 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Thu nhập lãi và các khoản tương tự (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|--|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 4.669 | 3,652% | 6.123 | 3,991% | 1.147 | 3,291% |
| Thu nhập lãi cho vay khách hàng | 119.214 | 93,257% | 139.053 | 90,634% | 32.059 | 91,978% |
| Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán | 3.650 | 2,853% | 7.915 | 5,159% | 1.567 | 4,496% |
| Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh | 300 | 0,233% | 331 | 0,216% | 82 | 0,233% |
| Thu khác từ hoạt động tín dụng | 1 | 0,001% | 1 | 0,001% | 0,236 | 0,001% |
| Tổng thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 127.834 | 100% | 153.423 | 100% | 34.855 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

b) Cơ cấu Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần | 60.190 | 77,304% | 55.964 | 73,503% | 14.186 | 81,594% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 4.767 | 6,122% | 4.566 | 5,997% | 1.431 | 8,231% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vãng và ngoại hối | 2.858 | 3,671% | 2.007 | 2,636% | 683 | 3,940% |



| Chi tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 14 | 0,018% | 5 | 0,007% | 18 | 0,104% |
| Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 137 | 0,176% | 2977 | 3,910% | - | - |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 9.842 | 12,640% | 10.529 | 13,829% | 1.066 | 6,131% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 53 | 0,068% | 90 | 0,118% | - | - |
| Tổng cộng | 77.861 | 100% | 76.138 | 100% | 17.386 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Thu nhập lãi thuần | 59.839 | 77,913% | 55.619 | 74,109% | 14.097 | 83,523% |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 4.111 | 5,353% | 3.726 | 4,965% | 1.032 | 6,114% |
| Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối | 2.857 | 3,720% | 2.007 | 2,675% | 685 | 4,059% |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | (0,036) | -0,0000005% | - | - | - | - |
| Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 123 | 0,160% | 2.905 | 3,951% | - | - |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 9.825 | 12,793% | 10.504 | 13,998% | 1.064 | 6,304% |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 47 | 0,061% | 226 | 0,301% | 0 | 0,000% |
| Tổng cộng | 76.802 | 100% | 75.038 | 100% | 16.878 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)



c) Cơ cấu Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|--|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Chi phí nộp thuế và các khoản phí, lệ phí | 196 | 0,696% | 198 | 0,640% | 27 | 0,356% |
| Chi phí cho nhân viên | 16.139 | 57,332% | 17.730 | 57,319% | 4.545 | 59,984% |
| Chi về tài sản | 3.702 | 13,151% | 3.988 | 12,893% | 795 | 10,492% |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ | 5.342 | 18,977% | 6.019 | 19,459% | 1.257 | 16,590% |
| Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng | 1.915 | 6,803% | 2.088 | 6,750% | 559 | 7,378% |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác | 14 | 0,050% | (9) | -0,029% | - | - |
| Chi phí hoạt động khác | 342 | 2,991% | 918 | 2,968% | 394 | 5,200% |
| Tổng cộng | 28.150 | 100% | 30.932 | 100% | 7.577 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|---------------------------------------|----------|--------------|----------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí | 167 | 0,606% | 156 | 0,518% | 17 | 0,233% |
| Chi phí cho nhân viên | 15.799 | 57,338% | 17.331 | 57,511% | 4.466 | 61,630% |
| Chi về tài sản | 3.696 | 13,414% | 3.971 | 13,177% | 787 | 10,860% |



| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | 3 tháng đầu năm 2024 | |
|--|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Chi cho hoạt động quản lý công vụ | 5.043 | 18,302% | 5.649 | 18,346% | 1.243 | 17,152% |
| Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng | 1.992 | 7,229% | 2.109 | 6,999% | 559 | 7,714% |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác | 14 | 0,051% | 1 | 0,003% | - | - |
| Chi phí hoạt động khác | 843 | 3,059% | 918 | 3,046% | 175 | 2,415% |
| Tổng cộng | 27.554 | 100% | 30.135 | 100% | 7.247 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

d) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|-------------------------------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Vốn của TCID | 34.839 | 40,104% | 41.847 | 41,634% | 41.919 | 39,677% |
| - Vốn điều lệ | 34.447 | 39,596% | 41.269 | 41,049% | 41.269 | 39,062% |
| - Vốn khác | 442 | 0,508% | 578 | 0,573% | 650 | 0,615% |
| Quỹ của TCID | 31.149 | 35,805% | 42.872 | 42,643% | 42.731 | 40,446% |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - | (2) | -0,002% |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 223 | 0,258% | 223 | 0,222% | 223 | 0,211% |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 19.456 | 22,364% | 14.246 | 14,170% | 19.384 | 18,347% |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 1.280 | 1,471% | 1.348 | 1,341% | 1.385 | 1,320% |



| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|------------------|---------------|--------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Tổng cộng | 86.997 | 100 | 100.536 | 100% | 105.650 | 100% |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | 31/03/2024 | |
|----------------------------|---------------|----------------|---------------|----------------|----------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Vốn của TCTD | 34.652 | 41,008% | 41.474 | 42,350% | 41.474 | 40,298% |
| - Vốn điều lệ | 34.447 | 40,766% | 41.269 | 42,143% | 41.269 | 40,099% |
| - Vốn khác | 205 | 0,243% | 205 | 0,209% | 205 | 0,199% |
| Quỹ của TCTD | 30.659 | 36,283% | 42.402 | 43,298% | 42.401 | 41,199% |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | - | (2) | -0,002% |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 19.189 | 22,709% | 14.053 | 14,352% | 19.044 | 18,504% |
| Tổng cộng | 84.500 | 100% | 97.931 | 100% | 102.917 | 100% |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

1.1.1. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với kết quả kinh doanh: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức phát hành

1.2.1. Những nhân tố tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Năm 2022, do kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ có nhiều biến động, huy động vốn của ngành Ngân hàng nói chung và Agribank nói riêng gặp nhiều khó khăn; tăng trưởng huy động vốn của toàn ngành Ngân hàng thấp hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng, cân đối vốn khó khăn. NHNN đã điều chỉnh tăng lãi suất điều hành với tổng mức tăng 2%/năm, lãi suất tiền gửi VND bình quân tăng 1,19%/năm, lãi suất cho vay VND bình quân tăng 1,21%/năm nhằm kiểm soát lạm phát, giữ ổn định tỷ giá, tạo cơ địa thích ứng mới với các biến động trên thị trường. Trong điều kiện đó, Agribank đã điều hành linh hoạt lãi suất tiền gửi và cho vay thông qua (3) lần điều chỉnh lãi suất niêm yết và 10 lần điều chỉnh biên độ mức lãi suất lũy tiến theo số dư tiền gửi, đồng thời ban hành nhiều cơ chế khuyến khích huy động vốn để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng. Đồng thời, ban lãnh đạo Agribank quản trị toàn bộ



thống chấp hành nghiêm túc quy định lãi suất huy động, kiểm soát việc tăng lãi suất huy động để tránh tạo ra cuộc đua lãi suất, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, an toàn hệ thống ngân hàng; tiết giảm tối đa chi phí hoạt động để giữ ổn định và phân đầu giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh. Đến 31/12/2022, nguồn vốn huy động đạt 1.711.585 tỷ đồng, tăng 136.808 tỷ đồng (tăng 8,3%) so với đầu năm, đạt 103,8% kế hoạch NHNN giao (tăng 8%-11%, điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng tín dụng).

Sang năm 2023, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm, lạm phát ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, nợ công tăng mạnh, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; hoạt động xuất, nhập khẩu bị thu hẹp; rủi ro an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng gia tăng. Kinh tế - xã hội trong nước chịu tác động của các yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm; khả năng cạnh tranh, sức chống chịu của các doanh nghiệp còn hạn chế vì bị bào mòn; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành Ngân hàng cũng như hoạt động kinh doanh của Agribank. Agribank đã phát huy sức mạnh toàn hệ thống, đoàn kết, nỗ lực tối đa, vượt qua khó khăn, tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt trong giai đoạn nửa cuối năm 2023. Đến 31/12/2023, vốn huy động (không gồm KBNN) đạt 1.885.384 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm năm 2022 và hoàn thành 145% so với kế hoạch đặt ra. Dự nợ cho vay nền kinh tế đạt 1.550.333 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2022 đảm mức tăng tối đa 7,5% theo thống báo điều chỉnh của NHNN.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kinh tế thế giới 3 tháng đầu năm 2024 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự giữa Nga – U-crai-na diễn biến phức tạp và kéo dài, xung đột tại đại Gaza leo thang, các cuộc tấn công hoạt động vận tải tại Biển Đỏ đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng hàng hóa, dầu thô, lương thực toàn cầu, gia tăng rủi ro đối với an toàn hàng hải, ảnh hưởng tới triển vọng tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng, nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng... Lạm phát mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu; nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ thắt chặt, duy trì mức lãi suất cao; thương mại, tiền đồng và dân tư toàn cầu phục hồi chậm.

Trong nước, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đột phá mục tiêu tăng trưởng. Bản sắc chủ đạo của Chính phủ và NHNN, từ năm 2023 đến nay, Agribank đã tôn phong thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phát triển kinh tế -



sĩ hội. Tin dụng tập trung vào sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, gia tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp, Agribank triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 02 của Ngân hàng Nhà nước, triển khai 13 chương trình tín dụng ưu đãi với quy mô 200 nghìn tỷ đồng, 08 lần điều chỉnh giảm lãi suất cho vay hỗ trợ trực tiếp các đối tượng khách hàng, tích cực tham gia các hội nghị kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, nắm bắt, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

a) Tình hình các tài sản có khác

Hiện nay, Agribank còn một số các khoản phải thu từ các hoạt động đầu tư, cung cấp dịch vụ bảo hiểm, nộp thừa thuế thu nhập doanh nghiệp..., cụ thể như sau:

Các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | % tăng/giảm | 31/03/2024 |
|--|---------------|---------------|----------------|---------------|
| Các khoản phải thu | 9.971 | 8.293 | -16,829% | 8.227 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 10.958 | 13.675 | 24,795% | 14.319 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 1 | 2 | 100,000% | - |
| Tài sản Có khác | 1.873 | 3.510 | 87,400% | 3.369 |
| Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác | (1.765) | (1.756) | -0,510% | (1.756) |
| Tổng cộng | 11.038 | 23.724 | 12,767% | 24.159 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | % tăng/giảm | 31/03/2024 |
|--------------------------------|------------|------------|-------------|------------|
| Các khoản phải thu | 9.462 | 7.623 | -19,436% | 7.592 |
| Các khoản lãi, phí phải thu | 10.896 | 13.589 | 24,715% | 14.297 |
| Tài sản có khác | 1.310 | 3.988 | 128,092% | 2.775 |
| Các khoản dự phòng rủi ro khác | (1.295) | (1.296) | 0,077% | (1.296) |



| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | % tăng/giảm | 31/03/2024 |
|-----------|------------|------------|-------------|------------|
| Tổng cộng | 20.373 | 22.904 | 12,423% | 23.368 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

b) Tình hình công nợ

Agribank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | % tăng/giảm | 31/03/2024 |
|-------------------------------------|------------|------------|-------------|------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 28.709 | 39.837 | 38,761% | 33.651 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại phải trả | 6 | 6 | - | 7 |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 13.363 | 17.333 | 29,700% | 12.789 |
| Tổng cộng | 42.078 | 57.176 | 35,881% | 46.447 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 & BCTC hợp nhất Quý I/2024)

Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | 31/12/2023 | % tăng/giảm | 31/03/2024 |
|------------------------------------|------------|------------|-------------|------------|
| Các khoản lãi, phí phải trả | 28.758 | 39.869 | 38,636% | 33.523 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | 2 | 2 | - | - |
| Các khoản phải trả và công nợ khác | 11.060 | 14.812 | 33,924% | 10.509 |
| Tổng cộng | 39.820 | 54.683 | 37,325% | 44.032 |

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023 & BCTC riêng Quý I/2024)

c) Trái Phiếu chưa đáo hạn

Tính đến hết ngày 31/03/2024, tổng dư nợ Trái Phiếu do Agribank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 49.788.877 triệu đồng theo mệnh giá, bao gồm cả Trái Phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng.

Toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành của Agribank đều là Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (được gọi là Trái Phiếu tăng vốn).

Thông tin chi tiết về các Trái Phiếu chưa đáo hạn của Agribank như sau:



| T T | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị mệnh giá (trên đồng) | Loại trái phiếu | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm) | Điều kiện mua bán |
|-----------|------------------------------------|----------------|--------|-----------------|------------------------------|---------------------|--|--|
| I | Trái Phiếu phát hành ra công chúng | | | | | | | |
| 1. | Agribank182801 | 25/12/2018 | 10 năm | 1.000.000 | 3.961.937 | Trái Phiếu tăng vốn | LSTC + 1,1% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 2. | Agribank192601 | 24/06/2019 | 07 năm | 1.000.000 | 4.997.671 | Trái Phiếu tăng vốn | LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành Theo HQ HĐQT số 02 ngày 05/01/2024, Agribank dự kiến mua lại theo quyền |
| 3. | Agribank202701 | 24/12/2020 | 07 năm | 1.000.000 | 4.617.921 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,2% 07 năm sau: LSTC + 1,5% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 4. | VBA121013 | 11/12/2021 | 07 năm | 1.000.000 | 1.789.146 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,0% 02 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 5. | VBA123504 | 30/12/2022 | 08 năm | 100.000 | 10.000.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,0% 03 năm sau: LSTC + 3,1% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 03 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 6. | VBA123016 | 05/12/2023 | 08 năm | 100.000 | 10.000.000 | Trái Phiếu tăng vốn | LSTC + 2,0% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 03 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| Tổng cộng | | | | | 35.346.677 | | | |
| II | Trái Phiếu phát hành riêng lẻ | | | | | | | |
| 1. | AGRIBANK BOND-13 | 02/12/2013 | 10 năm | 1.000.000.000 | 4.338.060 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: 7,0% 05 năm sau: 7,9% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành. Theo HQ HĐQT số 02 ngày 05/01/2024, Agribank dự kiến mua lại theo quyền |
| 2. | Agribank20030212 | 24/09/2009 | 07 năm | 1.000.000.000 | 2.900.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |



| T T | Mô Tả Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mức gọi (đồng) | Giá trị mệnh gọi (trên đồng) | Đặc điểm loại Trái Phiếu | Lãi suất Trái Phiếu (%) năm | Điều kiện mua trước hạn |
|--------|------------------|----------------|--------|----------------|------------------------------|--------------------------|--|---|
| | | | | | | | ưu: LSTC + 1,3% | |
| 3. | Agribank2027003 | 30/06/2020 | 07 năm | 500.000.000 | 75.500 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 4. | Agribank2027002 | 30/06/2020 | 07 năm | 1.000.000.000 | 387.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 5. | Agribank2027001 | 15/12/2020 | 07 năm | 500.000.000 | 117.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 6. | Agribank2027002 | 15/12/2020 | 07 năm | 1.000.000.000 | 630.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 7. | VBA12101 | 04/08/2021 | 07 năm | 500.000.000 | 500.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 8. | VBA12102 | 04/08/2021 | 07 năm | 1.000.000.000 | 1.489.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,3% 02 năm sau: LSTC + 1,3% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 9. | VBA12103 | 30/08/2021 | 09 năm | 100.000.000 | 1.300.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,0% 05 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 10. | VBA12105 | 28/10/2021 | 07 năm | 100.000.000 | 1.000.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,0% 02 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 11. | VBA12104 | 30/11/2021 | 07 năm | 100.000.000 | 1.057.700 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,0% 02 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 12. | VBA12105 | 22/12/2021 | 07 năm | 100.000.000 | 600.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,1% 02 năm sau: LSTC + 1,2% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 02 năm kể từ Ngày Phát Hành |

| T.T | Mã Trái Phiếu | Ngày phát hành | Kỳ hạn | Mệnh giá (đồng) | Giá trị mệnh giá (triệu đồng) | Loại trái phiếu | Lãi suất Trái Phiếu (%/năm) | Điều kiện quan trọng khác |
|-------------------|---------------|----------------|--------|-----------------|-------------------------------|---------------------|--|---|
| 13. | VBA12207 | 30/06/2022 | 05 năm | 1.000.000.000 | 200.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,5% 05 năm sau: LSTC + 3,8% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 14. | VBA12208 | 10/08/2022 | 05 năm | 1.000.000.000 | 600.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,5% 05 năm sau: LSTC + 3,8% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| 15. | VBA12209 | 16/09/2022 | 05 năm | 1.000.000.000 | 435.000 | Trái Phiếu tăng vốn | 05 năm đầu: LSTC + 1,5% 05 năm sau: LSTC + 3,8% | Agribank có quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn tại thời điểm tròn 05 năm kể từ Ngày Phát Hành |
| Tổng cộng: | | | | | 14.443.200 | | | |

(Nguồn: Agribank)

Đối với Trái Phiếu chưa đáo hạn nói trên, Agribank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành Trái Phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn với tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được Agribank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Số đã nộp trong kỳ | | |
|---------------------|--------------------|--------------|-----------------|
| | Năm 2022 | Năm 2021 | % tăng/giảm |
| Thuế GTGT đầu m | 595 | 609 | 2,353% |
| Thuế TNDN hiện hành | 3.093 | 3.082 | -20,832% |
| Các loại thuế khác | 1.003 | 1.222 | 21,834% |
| Tổng cộng: | 5.491 | 4.913 | -10,526% |

(Nguồn: BCTC, riêng dữ liệu kiểm toán năm 2021)



c) Trích lập các quỹ

Agribank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được Agribank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chi tiêu | Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2022) | Lợi nhuận chưa phân phối (năm 2023) |
|--|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Số dư đầu năm | 8.864 | 19.456 |
| Tăng trong năm | 17.899 | 20.541 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 17.899 | 20.541 |
| Điều chỉnh quỹ trong năm | | |
| Tăng khác | | |
| Giảm trong năm | (7.307) | (25.751) |
| Cộng ty con tăng vào điều lệ từ quỹ dự trữ bổ sung vào điều lệ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức | | (110) |
| Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | | (11.748) |
| Trích quỹ của các công ty con | (90) | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | | (6.530) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty con | (36) | |
| Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành | | (3) |
| Thoái vốn công ty con | | |
| Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước | 15 | |
| Chuyển lợi nhuận về Ngân sách Nhà nước ("NSNN") trong năm | (6.739) | (7.370) |
| Quyết toán khoản tạm chuyển lợi nhuận về NSNN năm trước | (453) | |
| Biến động khác | 10 | 12 |
| Số dư cuối năm | 19.456 | 14.248 |

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023)

d) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Được sang năm 2024, tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cuộc tranh chấp lãnh thổ giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột quân sự giữa Nga – U-crai-na diễn biến phức tạp và kéo dài, xung đột tại dải Gaza leo thang, các cuộc tấn công hoạt động vận tải tại Biển Đỏ đã ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng hàng hóa, dầu thô, lương thực toàn cầu, gia tăng rủi ro đối với an toàn hàng hải, ảnh hưởng



với triển vọng tăng trưởng của các quốc gia trên thế giới. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng. ... Lạm phát mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn cao hơn mục tiêu; nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền tệ thắt chặt, duy trì mức lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu phục hồi chậm. Các tổ chức quốc tế đưa ra nhận định ở các mức khác nhau về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 nhưng đều thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2023 từ 0,2 đến 0,3 điểm phần trăm.

Theo đó, Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các sở chức tin dụng triển khai tích cực các giải pháp tăng trưởng tín dụng, hướng tín dụng vào sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; Tiếp tục tiết giảm chi phí, phân đầu giảm mặt bằng lãi suất cho vay ở mức hợp lý; Tăng cường cho vay phục vụ đời sống, tiêu dùng, đẩy mạnh triển khai cho vay qua các hình thức điện tử, trực tuyến; Đẩy mạnh triển khai các chương trình, đề án, chính sách tín dụng; Tích cực, chủ động triển khai có hiệu quả, thiết thực chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp; Tiếp tục triển khai chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và gói nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN, đảm bảo kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp và người vay vốn gặp khó khăn...

Trong thời gian qua, Agribank đã chủ động, linh hoạt cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế và phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tập trung cho 3 động lực tăng trưởng chính là tiêu dùng, xuất khẩu, đầu tư và ưu tiên 5 lĩnh vực mũi nhọn bao gồm xuất khẩu, nông nghiệp, công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ. Từ đầu năm 2024, Agribank đã triển khai nhiều giải pháp gia tăng khả năng tiếp cận vốn và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, trong đó chủ động điều chỉnh giảm lãi suất cho vay, triển khai các chương trình tín dụng quy mô hơn 150.000 tỷ đồng với lãi suất cho vay thấp hơn từ 1-3% so với lãi suất thông thường để khuyến khích, hỗ trợ khách hàng sử dụng vốn. Đảm bảo kịp thời hỗ trợ khách hàng vay vốn gặp khó khăn, Agribank đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHNN để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh. 4 tháng đầu năm 2024, doanh số cho vay của Agribank đạt khoảng 777.657 tỷ đồng, cao hơn 105.854 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023. Một số lĩnh vực tăng trưởng tín dụng mạnh là công nghệ chế biến chế tạo (tăng 1.778 tỷ đồng), sản xuất và phân phối điện (tăng 1.026 tỷ đồng), bán buôn bán lẻ (tăng 9.478 tỷ đồng), thủy sản (tăng 640 tỷ đồng).

2.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Công ty mẹ | | |
|-----------------------|----------|----------|----------------------|------------|----------|----------------------|
| | Năm 2022 | Năm 2023 | 3 tháng đầu năm 2023 | Năm 2022 | Năm 2023 | 3 tháng đầu năm 2024 |
| 1. Vốn tự có | | | | | | |
| Vốn điều lệ (tỷ đồng) | 34.447 | 41.269 | 41.269 | 34.447 | 41.269 | 41.269 |
| Vốn tự có (tỷ đồng) | 130.275 | 147.002 | 152.194 | 127.717 | 148.023 | 149.294 |



| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Công ty mẹ | | |
|---|----------|----------|----------------------|------------|----------|----------------------|
| | Năm 2022 | Năm 2023 | 3 tháng đầu năm 2023 | Năm 2022 | Năm 2023 | 3 tháng đầu năm 2023 |
| Tỷ lệ an toàn vốn CAR | 10,8% | 9,2% | 9,5% | 10,6% | 9,2% | 9,7% |
| 2. Chất lượng tài sản | | | | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | 4,25% | 3,94% | 4,62% | 4,25% | 3,94% | 4,62% |
| Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng (Dư nợ cho vay khách hàng) | 1,81% | 1,85% | 2,09% | 1,81% | 1,85% | 2,09% |
| (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + Các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản | 77,14% | 75,93% | 75,27% | 77,11% | 75,93% | 75,26% |
| Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội hàng | 97,24% | 97,54% | 97,48% | 97,21% | 97,52% | 97,46% |
| 3. Kết quả hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 27,64% | 27,58% | 7,92% | 27,89% | 27,98% | 7,96% |
| Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập | 5,65% | 5,25% | 6,78% | 4,44% | 4,04% | 4,37% |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế | 21,15% | 17,66% | 17,32% | 18,61% | 14,60% | 12,90% |
| Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân | 1,26% | 1,32% | 0,40% | 1,24% | 1,30% | 0,39% |
| Thu nhập lãi cận biên (NIM) | 3,47% | 2,93% | 0,71% | 3,43% | 2,92% | 0,71% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | 1,01% | 1,06% | 0,32% | 0,99% | 1,03% | 0,31% |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | 22,12% | 22,07% | 6,34% | 22,33% | 22,44% | 6,37% |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A |
| 4. Khả năng thanh toán | | | | | | |
| Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân ^(*) | N/A | N/A | N/A | 14,80% | 15,88% | 17,41% |
| Tỷ lệ dự trữ thanh khoản ^(**) | N/A | N/A | N/A | 16,60% | 16,35% | 18,28% |
| Tỷ lệ vốn ngân hàng được sử dụng cho vay trung và dài hạn ^(**) | N/A | N/A | N/A | 25,18% | 23,11% | 23,14% |
| Tỷ lệ dự nợ cho vay/Tổng tiền gửi ^(**) | N/A | N/A | N/A | 82,83% | 82,38% | 81,37% |

Handwritten signature and date: 10/12/23



¹⁷ Chỉ tiêu này được tính toán theo quy định của Thông tư 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này chỉ tính toán dựa trên số liệu tài chính riêng, không tính toán dựa trên số liệu tài chính hợp nhất

¹⁸ Các chỉ tiêu được tính toán theo quy định của Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài. Các chỉ tiêu này chỉ tính toán dựa trên số liệu tài chính riêng, không tính toán dựa trên số liệu tài chính hợp nhất

(Nguồn: Agribank)

2.3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có

3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính năm 2022

3.1.1. Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2022

Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2022 số tham chiếu 21-02-00182-23-41 ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

3.1.2. Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2022

Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2022 số tham chiếu 21-02-00482-23-39 ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

3.2. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023

3.2.1. Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023

Báo cáo kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2023 số tham chiếu 23-02-00175-24-7 ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ



chào tin dùng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

3.2.2. Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2023

Báo cáo kiểm toán BCTC riêng năm 2023 số tham chiếu 23-02-00175-24-5 ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH KPMG đưa ra ý kiến của kiểm toán viên như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức chào tin dùng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không có.

Agribank và Trái Phiếu Agribank đăng ký chào bán ra công chứng đợt này không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành (tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), vì lý do sau:

- Tổng giá trị Trái Phiếu theo mệnh giá mà Agribank đã huy động trong 12 tháng gần nhất (từ 31/05/2023 đến 31/05/2024) là 10.000 tỷ đồng. Mặc dù giá trị này lớn hơn 500 tỷ triệu đồng, nhưng giá trị này so với vốn chủ sở hữu của Agribank (theo BCTC hợp Quý I/2024) chỉ chiếm 9,465 % vốn chủ sở hữu, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%.
- Tổng dư nợ Trái Phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán (tính đến 31/05/2024) là 49.788.877 triệu đồng, chiếm 47,126% vốn chủ sở hữu của Agribank theo BCTC hợp nhất Quý I/2024, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 100%.

Như vậy, theo các quy định nêu trên, Agribank và Trái Phiếu đăng ký chào bán của Agribank không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

5. Kế hoạch kinh doanh năm 2024

5.1. Các chỉ tiêu kế hoạch

- Tổng tài sản: tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng nguồn vốn (bao gồm cả nguồn vốn thị trường 1 và thị trường 2).
- Vốn huy động thị trường 1: tăng từ 5% - 8%, có điều chỉnh phù hợp với tăng trưởng dư nợ.
- Dư nợ cho vay nền kinh tế: tăng từ 7% - 10% và phù hợp với kế hoạch được NHNN phê duyệt.
- Tỷ trọng cho vay nông nghiệp, nông thôn: phần đầu 65%.
- Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 11/202/TT-NHNN: dưới 2%; tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn dưới 2%, phần đầu dưới 1,5%.
- Thu dịch vụ (không bao gồm thu tăng kinh doanh ngoại tệ của Trung tâm kinh doanh Vốn và tiền tệ): 8.400 tỷ đồng.



- Thu nợ đã xử lý rủi ro: tối thiểu 10.000 tỷ đồng.
- Trích lập dự phòng rủi ro: dự kiến 20.000 tỷ đồng.
- Tổng thu nhập: tối thiểu 165.000 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 6% so với năm 2023 và không thấp hơn mức lợi nhuận kế hoạch được NHNN phê duyệt; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tối thiểu 19%.
- Năng cao thu nhập người lao động phù hợp với quy định của NHNN.
- Các tỷ lệ an toàn hoạt động: đảm bảo theo quy định.

Chỉ tiêu kế hoạch nêu trên được phê duyệt tại nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 05/01/2024 của HĐTV Agribank về chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2024.

5.2. Các giải pháp chủ yếu

- Có giải pháp nâng cao khả năng tăng trưởng tín dụng ngay từ những tháng đầu năm; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tín dụng theo hướng tập trung hơn nữa thẩm quyền phê duyệt tại Trụ sở chính, cải tiến quy trình, thủ tục cấp tín dụng phù hợp với từng sản phẩm tín dụng gắn với cơ cấu lại thị sản có tổng thể trên cơ sở nâng cao hiệu quả và cạnh tranh; hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn; khuyến khích khách hàng ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các biện pháp kiểm soát nợ tiềm ẩn, phòng ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh, xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro.
- Điều hành hoạt động vốn linh hoạt, kết hợp đồng bộ với công tác kế hoạch và điều hành tăng trưởng tín dụng nhằm tối ưu hóa cấu trúc vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định; nâng cao năng lực phân tích, dự báo hỗ trợ có hiệu quả cho công tác điều hành tài sản.
- Xây dựng chính sách, giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tiếp tục xác định đầu tư vào công nghệ thông tin, chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 và các năm tiếp theo; tập trung nguồn lực triển khai các giải pháp được Đề án chiến lược phát triển công nghệ thông tin và kế hoạch chuyển đổi số, đặc biệt là các giải pháp nền tảng và giải pháp hỗ trợ mục tiêu tuân thủ, đáp ứng có hiệu quả yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm, siết chặt kỷ cương, kỷ luật đảm bảo tuân thủ các quy trình, thủ tục nội bộ; nâng cao năng lực, hiệu quả, vai trò của kiểm toán nội bộ, công tác giám sát, kiểm tra từ Trụ sở chính đến chi nhánh, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các tồn tại, rủi ro trong quá trình hoạt động; xử lý quyết liệt, nhanh chóng, nghiêm minh các tồn tại, yếu kém, sai phạm, vi phạm được phát hiện.
- Triển khai có hiệu quả Phương án cơ cấu lại Agribank gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025; các biện pháp nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả kinh doanh, tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động.
- Tập trung nghiên cứu vai trò hoạt động ngân hàng trong tương lai để có chiến lược, giải pháp phù hợp về mạng lưới, hoạt động và nhân sự của các chi nhánh; rà soát, xây dựng lộ trình cơ cấu lại mạng lưới và hoạt động các chi nhánh, đặc biệt trên địa bàn thành phố Hà



Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- 9) Triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới, hoàn thiện các cơ chế tiền lương, chính sách để tạo động lực cho người lao động.
- 10) Xây dựng đề án, giải pháp phát triển văn hóa, thương hiệu Agribank phù hợp với yêu cầu, điều kiện mới; khẩn trương hoàn thiện và triển khai Đề án triển khai tiêu chuẩn môi trường – xã hội – quản trị (ESG) trong hệ thống Agribank phù hợp với thực tiễn hoạt động và đáp ứng được xu hướng thiết lập những chuẩn mực mới về phát triển bền vững.

5.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được dựa trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động kinh doanh có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024 của Agribank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HDKD của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu được từ phát hành Trái Phiếu ra công chúng, nguồn vốn tích lũy của Agribank, nguồn vốn huy động khác, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Agribank sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, bù đắp lãi để thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng hoạt động kinh doanh của Agribank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Agribank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu của Agribank.

6. Kế hoạch chào bán Trái Phiếu trung vòng 03 năm tiếp theo

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐTV ngày 09/05/2024 của HĐTV về việc thông qua phương án phát hành trái Phiếu ra công chúng năm 2024, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024.



Nghị quyết số 96/NQ-HĐTV ngày 13/6/2024 của Hội đồng thành viên về việc triển khai phương án phát hành và cam kết của Agribank khi thực hiện chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024.

Ngoài kế hoạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2024 đã được HĐTV Agribank thông qua tại Nghị quyết số 77, Nghị quyết số 96 nêu trên, trong 03 năm với Agribank chưa có kế hoạch chào bán Trái Phiếu nào khác. Các đợt chào bán Trái Phiếu cụ thể trong các năm tiếp theo sẽ được HĐTV thông qua theo từng năm.

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Nội dung được trình bày tại Mục VI “Thông tin về đợt chào bán” này là Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được phát hành.

1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán

- Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-ĐTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký sổ quỹ đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/3/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu trong nước của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank;
- Nghị quyết số 77/NQ-HĐTV ngày 09/05/2024 của Hội đồng thành viên về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024;
- Nghị quyết số 96/NQ-HĐTV ngày 13/6/2024 của Hội đồng thành viên về việc triển khai phương án phát hành và cam kết của Agribank khi thực hiện chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

2. Định nghĩa và nguyên tắc diễn giải

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



2.1. Các định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Các Điều Khoản và Điều Kện của Trái Phiếu và Bản Cáo Bạch này sẽ có ý nghĩa như bên dưới:

“**Tổ Chức Phát Hành**” là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, gọi tắt là “**Agribank**”.

“**Trái Phiếu**” là Trái Phiếu do Agribank phát hành, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, có độ đến hạn thỏa mãn Các Điều Khoản và Điều Kện của Trái Phiếu trong Bản Cáo Bạch này.

“**Chuyển Quyền Sở Hữu**” là các hành thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hành thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

“**Người Sở Hữu Trái Phiếu**” là tổ chức hoặc cá nhân trong nước hoặc nước ngoài mua hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và (i) đã được đăng ký và có tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC hoặc (ii) có tên trong danh sách người sở hữu Trái Phiếu do VSDC quản lý và cung cấp tại từng thời điểm sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC.

“**Năm Tài Chính**” là thời gian được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

“**Ngày Phát Hành Trái Phiếu**” là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Agribank đối với Trái Phiếu.

“**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**” là thời điểm tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành.

“**Ngày Đáo Hạn**” là ngày tròn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành.

“**Ngày Làm Việc**” là bất kỳ ngày nào trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, Tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

“**Nợ Phải Trả**” là tất cả các khoản nợ phải trả hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của Tổ Chức Phát Hành được lập theo Các chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần của Tổ Chức Kiểm Toán nhưng nếu Tổ Chức Phát Hành đang bị đặt trong tình trạng phá sản hay giải thể thì báo cáo tài chính có thể được Tổ Chức Kiểm Toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận.

“**Nợ Thứ Cấp**” là khoản nợ mà trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị giải quyết theo thủ tục phá sản hay giải thể, chủ nợ chỉ được thanh toán sau các yêu cầu thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (các chủ nợ không phải là chủ nợ thứ cấp khác của Tổ Chức Phát Hành). Các khoản nợ bao gồm toàn bộ các khoản nợ phải trả tồn tại hoặc sẽ phát sinh.

“**Tài sản**” là tổng tài sản hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành được thể hiện trong báo cáo tài chính mới nhất của Tổ Chức Phát Hành được lập theo Các chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần của Tổ Chức Kiểm Toán nhưng nếu Tổ Chức Phát Hành đang bị đặt trong tình trạng phá sản hoặc giải thể thì báo cáo tài chính có thể được Tổ Chức Kiểm Toán điều chỉnh lại hoặc khi tòa án chấp nhận.

“**Quyền Mua Lại**” hay “**Quyền Mua Lại Trước Hạn**” là quyền của Tổ Chức Phát Hành được mua lại tối đa 100% khối lượng Trái Phiếu đã phát hành vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

[Handwritten signatures and initials]



nếu việc mua lại trước thời gian đáo hạn đó thực hiện trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, phù hợp với quy định tại Khoản 19 Mục VI dưới đây.

“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng” hoặc “Ngày Chốt Danh Sách” là ngày chốt danh sách những Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tại Ngày Chốt Danh Sách, nếu có tên trong danh sách, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được nhận các quyền liên quan đến Trái Phiếu. Ngày Chốt Danh Sách được xác định như sau:

- (i) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Ngày Chốt Danh Sách là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày được nhận các quyền lợi khác liên quan đến Trái Phiếu.
- (ii) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSDC: Ngày Chốt Danh sách là ngày được ấn định theo quy định của pháp luật và VSDC để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó hoặc được nhận các quyền lợi khác liên quan đến Trái Phiếu.

“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu” là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.

“Trái Phiếu đang lưu hành” là Trái Phiếu đã được phát hành nhưng chưa được hoàn trả tiền gốc hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành mua/mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

“Tổ Chức Kiểm Toán” là đơn vị kiểm toán độc lập do Tổ Chức Phát Hành chỉ định.

“Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký”: Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (“Agriseo”) là “Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký”

“Trung thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu” là trung thông tin đồng tài thông tin chính thức về lợi suất và các thông tin khác của (04) bốn ngân hàng thương mại Việt Nam được sử dụng làm Ngân Hàng Tham Chiếu như quy định tại tại Khoản 11 Mục VI dưới đây, cụ thể:

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: <http://www.vietcombank.vn>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: <http://www.bidv.com.vn>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: <http://www.vietcombank.com.vn>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: <https://www.agribank.com.vn>

“Việt Nam Đồng” hoặc “VND” là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

“Vốn cấp 2” là vốn cấp 2 xác định theo các quy định của pháp luật (kể cả quy định và hướng dẫn của NHNN) áp dụng đối với việc tính vốn tự có và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của Tổ chức tín dụng.

Ngoài ra, đồng từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 năm 2010 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



2.2. Nguyên tắc diễn giải

- Các cụm từ “Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu” và “Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này” sẽ có nghĩa là đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- Các tiền đề của bất kỳ Điều kiện nào chỉ đề cập cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Kiện đó.

3. Tên Trái Phiếu

Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024 đáo hạn năm 2034.

4. Mã Trái Phiếu trước khi niêm yết

AGRIBANK243401.

5. Loại Trái Phiếu

Loại hình Trái Phiếu là Trái Phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Hình thức Trái Phiếu

Hình thức Trái Phiếu là: Bất toán ghi số.

7. Mệnh giá Trái Phiếu

Mệnh giá Trái Phiếu là: 100.000 VND/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/1 Trái Phiếu).

8. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là : 100.000.000 Trái Phiếu (Một trăm triệu Trái Phiếu)

9. Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá là: 10.000.000.000.000 VND (Mười nghìn tỷ đồng).

10. Kỳ hạn Trái Phiếu

Kỳ hạn Trái Phiếu là 10 năm (Mười năm) (ngày đáo hạn là ngày tròn 10 năm kể từ Ngày Phát Hành).

11. Lãi suất

Lãi suất của Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024 đáo hạn năm 2034 (“Lãi Suất”) là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Suất Trái Phiếu} = \text{LSTC} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- Biên độ: 2%/năm
- Nếu Agribank không mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại, biên độ) = 3,0%/năm áp



dụng trong 05 năm cuối

- **LSTC:** là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank (trước ngân hàng này được gọi là “Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Nếu không phải là số nguyên sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân. Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu theo các quy định sau:
 - Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên.
 - Trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của cả 04 Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền bằng văn bản. Khi đó, Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ in bằng chứng để chứng minh việc trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động/không công bố lãi suất nêu trên.
 - Trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền không lấy được lãi suất mà lý do không phải xuất phát từ phía Ngân Hàng Tham Chiếu thì Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh TP Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch).
 - Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam của kỳ hạn tính bằng ngày gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày



Xác Định Lãi Suất, có 02 (hai) mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn hơn;

- Tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền xác định lãi suất sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi suất cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi;
- Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về sổ học một cách rõ ràng.
- “Ngày Xác Định Lãi Suất”: là ngày Agribank ban hành Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đối với kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Nếu tại Ngày Xác Định Lãi suất của bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào mà có quy định của pháp luật về mức lãi suất trần và quy định đó có hiệu lực bất kể đối với Trái Phiếu khi xác định lãi suất như vậy thì Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức trên (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần đó (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

12. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

12.1. Kỳ tính lãi và Kỳ thanh toán lãi

- “Kỳ Tính Lãi/Kỳ Xác Định Lãi Suất”: định kỳ 01 năm/lần kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi tiếp sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- “Ngày Bắt Đầu Tính Lãi”: là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- “Kỳ Thanh Toán Lãi”: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào “Ngày Thanh Toán Lãi” là mỗi ngày tròn 01 năm kể từ Ngày Phát Hành, cũng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

12.2. Tiền lãi

- (a) Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng tròn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi được tính như sau:



$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi được hưởng cho} \\ \text{một thời hạn không tròn Kỳ} \\ \text{Thanh Toán Lãi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị Trái Phiếu} \\ \text{theo Mệnh giá} \\ \text{Trái Phiếu Năm Gốc} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ} \\ \text{Thanh Toán Lãi đó} \end{array}$$

- (b) Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn không tròn Kỳ Thanh Toán Lãi (chưa 01 (một) năm), tiền lãi được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi được hưởng cho} \\ \text{một thời gian không tròn} \\ \text{Kỳ Thanh Toán Lãi (chưa} \\ \text{01 (một) năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị} \\ \text{Trái Phiếu theo} \\ \text{Mệnh giá Trái} \\ \text{Phiếu Năm Gốc} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi suất áp} \\ \text{dụng trong Kỳ} \\ \text{Thanh Toán} \\ \text{Lãi đó} \end{array} \times \frac{\text{Số ngày thực tế nằm giữ Trái} \\ \text{Phiếu} \\ \text{trong Kỳ Thanh Toán Lãi}}{365 \text{ ngày}}$$

- (c) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo Lãi Suất áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc của Trái Phiếu đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ Ngày Đáo Hạn, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- (d) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại Khoản 12.3 Mục VI dưới đây) không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo mức Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản lãi không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó cho đến nhưng không bao gồm ngày số tiền lãi đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (e) Lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán theo quy định tại Khoản 12.2(c), (d) Mục VI nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền) chịu trách nhiệm chỉ trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm phối hợp ngay lập tức với Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền để rà soát và đưa ra biện pháp xử lý khắc phục tình trạng đó.
- (f) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền giữ hộ và không được hưởng lãi. Trong trường hợp này, chậm nhất vào Ngày Lâm Việc kế tiếp tổ chức khác được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền lên đầu mối phối hợp với Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu để thống nhất các biện pháp xử lý.
- (g) Trường hợp Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC, phí chuyển khoản thanh toán tiền lãi/gốc Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành chịu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản thanh toán tiền lãi/gốc tại Tổ Chức Phát Hành. Phí chuyển khoản thanh toán tiền



Lãi/gốc Trái Phiếu sẽ do Người Sở Hữu Trái Phiếu chịu trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản thanh toán tiền lãi/gốc tại Tổ chức Tín dụng khác và được khấu trừ vào số tiền Người Sở Hữu Trái Phiếu được nhận trước khi chuyển khoản. Trường hợp Trái Phiếu đã lưu ký tại VSDC, việc thanh toán tiền gốc/lãi Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của VSDC.

12.3. Ngừng thanh toán tiền lãi

Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn do của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("Sổ Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán"). Việc Tổ Chức Phát Hành chậm trả lãi theo quy định tại câu trên sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "Kỳ Tạm Ngừng" thanh toán tiền lãi đó.

Sổ Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày tạm ngừng trả lãi cho đến và không bao gồm ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Sổ Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Sổ Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).

Lãi suất áp dụng cho Sổ Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi suất của Kỳ Tạm Ngừng Thanh Toán đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

12.4. Kỳ hạn trả gốc

- Nếu không được mua lại trước hạn, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả tiền gốc bằng mệnh giá vào Ngày Đến Hạn.
- Nếu Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo các quy định tại Bản Cáo Bạch này thì tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại tương ứng.

12.5. Thanh toán vào Ngày Lâm Việc

Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đến Hạn không phải là Ngày Lâm Việc thì việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào Ngày Lâm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Để tránh hiểu lầm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi liên quan đến việc thanh toán chậm do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Lâm Việc.

13. Giá chào bán

Giá chào bán là 100.000 VNĐ/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái Phiếu).

14. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong mọi trường hợp, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán



sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là các chủ Nợ Thứ Cấp). Tại mọi thời điểm, các Trái Phiếu phát hành theo Các Điều Khoản và Điều Kiện quy định tại Bản Cảo Bạch này có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

15. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và có quyền nhận tất cả các khoản tiền thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu đó.

15.1. Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (“Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký”) lập và duy trì sổ đăng ký (“Sổ Đăng Ký”) ghi tên của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2024 (sau đây gọi là “Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký”).
- Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu (“Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu”) theo quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Phát Hành, Tư Vấn Niêm Yết, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký.
- Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi các bên hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng mà Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về Bên nhận chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký đảm bảo chuyển giao cho Bên nhận chuyển nhượng một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận khoản tiền gốc của Trái Phiếu được nhận chuyển nhượng, xác nhận tên và quyền sở hữu của Bên nhận chuyển nhượng Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc kể từ ngày Người Sở Hữu Trái Phiếu và Bên nhận chuyển nhượng nộp đầy đủ hồ sơ về việc chuyển nhượng đó.
- Để tránh nhầm lẫn, Bên nhận chuyển nhượng sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận chuyển nhượng ngay khi: (i) Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký nhận được đầy đủ hồ sơ về việc chuyển nhượng và các loại phí, thuế liên quan từ Bên nhận chuyển nhượng và Bên chuyển nhượng; (ii) Quyền sở hữu của Bên nhận chuyển nhượng đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc Bên nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa.
- Các chi phí hành chính liên quan đến chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ấn định trong từng thời kỳ và áp dụng khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu, phù hợp với pháp luật Việt Nam và thực tiễn thị trường, và phải được các bên có liên quan thanh toán cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu.



- Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu khi bị mất, cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác hoặc bị rách, nhòe; việc thay đổi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.

(b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- **Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại VSDC:** Việc quản lý, lưu giữ thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện thông qua VSDC và tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của VSDC và SGDCK (khi Trái Phiếu được niêm yết).
- **Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC:** Để thực hiện các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện lưu ký Trái Phiếu theo quy định của VSDC và pháp luật Việt Nam. Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và thay đổi thông tin cho những Trái Phiếu chưa lưu ký tại VSDC sẽ thực hiện theo quy định của Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền thực hiện.

15.2. Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu đối với Trái Phiếu do mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

(a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đến Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký tại Ngày Chốt Danh Sách sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền thanh toán các khoản gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho tới Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đến Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, Người Sở Hữu Trái Phiếu không được yêu cầu Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và bất kỳ khoản thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu.

(b) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC:

- Vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đến Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong danh sách những Người Sở Hữu Trái Phiếu của VSDC tại Ngày Chốt Danh Sách sẽ được thanh toán các khoản tiền gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) theo các quy định sau đây:
 - + Với các Trái Phiếu đã được lưu ký tại VSDC: việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của VSDC và các quy định pháp luật có liên quan.
 - + Với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSDC: việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đã đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- Việc thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán sẽ được công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán và VSDC.

15.3. Quyền giao dịch Trái Phiếu



- (a) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- (b) Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của tổ chức tín dụng đó.
- (c) Không ảnh hưởng đến quy định tại Khoản 15.3(b) Mục VI nêu trên, Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành, trừ trường hợp mua lại trước hạn quy định tại Khoản 19 Mục VI.
- (d) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu được thực hiện tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký.
- (e) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ thực hiện theo các quy định của VSDC, các quy định của pháp luật có liên quan khác.
- (f) Nhằm mục đích đăng ký Trái Phiếu tại VSDC của Tổ Chức Phát Hành, việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ bị tạm ngưng trong một khoảng thời gian nhất định kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho đến ngày giao dịch đầu tiên của Trái Phiếu theo thông báo của VSDC.

15.4. Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trưng tập lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định tại Khoản 18 Mục VI dưới đây.

15.5. Quyền nhận thông báo

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Khoản 27 Mục VI dưới đây.

15.6. Quyền có tổ chức đại diện

Trường hợp UBCKNN, SGDCK hoặc pháp luật có yêu cầu nhằm mục đích niêm yết Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải lựa chọn một tổ chức đáp ứng các điều kiện cần thiết làm đại diện cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ theo các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau đây gọi tắt là "Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"). Tổ Chức Phát Hành sẽ chủ động ký kết hợp đồng đại diện người sở hữu Trái Phiếu ("Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu") với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản do các bên tự thỏa thuận nhưng không được trái với quy định của các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này và am đó thông báo cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu được biết. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ công nhận và đồng ý không bày ngang việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

15.7. Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành

Handwritten signature and date: 12/12/2023



Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây gọi là một “Sự Kiện Vi Phạm”:

- (a) *Không thanh toán*: Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu, và vi phạm đó vẫn chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Khoản 12.3 Mục VI).
- (b) *Mất khả năng thanh toán*: Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc chưa được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc.

Thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền thực hiện bất kỳ quyền nào dưới đây:

- (a) Quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán (chỉ áp dụng đối với Sự Kiện Vi Phạm “Không thanh toán”) nêu trên; hoặc
- (b) Quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép).

Ngoài ra, nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không, và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Tổ Chức Phát Hành và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cũng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả theo công thức tại Khoản 12.2 Mục VI.

15.8. Nghĩa vụ

Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập liên quan đến Trái Phiếu. Ngoài ra, trong thời gian sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải tuân thủ các quy định của Tổ Chức Phát Hành, các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, quy định tại Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, quy định của VSDC (trường hợp Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC), SGDCK (trường hợp Trái Phiếu được niêm yết), các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có) và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

15.9. Các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, quy định của Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký, Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

15.10. Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có quyết định



của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Khoản 18 Mục VI hoặc theo yêu cầu bất hoặc của pháp luật.

16. Đại diện người sở hữu Trái Phiếu (nếu có)

Tại thời điểm lập Bản cáo bạch này Agribank không có Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu do pháp luật không quy định việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng phải có Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Trường hợp pháp luật có quy định mới và/hoặc khi Agribank nhận thấy cần thiết phải có Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Agribank sẽ thực hiện ký kết hợp đồng với Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

17. Cam kết về bảo đảm

Không có, vì Trái Phiếu châu bản của Tổ Chức Phát Hành là Trái Phiếu không có tài sản bảo đảm.

18. Nghị quyết người sở hữu Trái Phiếu

Việc đưa ra quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu sẽ theo quyết định của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu như các quy định dưới đây:

- (a) Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có). Việc triệu tập được thực hiện với thông báo tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc (trung trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có)).

Sau khi xác nhận thẩm quyền triệu tập hợp hợp lệ thì Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) phối hợp với Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký hoặc VSĐC (tên hành xác định Thời Điểm Khóa sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội nghị).

Các bên cùng làm việc hoặc trên cơ sở thông báo của người có thẩm quyền triệu tập họp để xác định thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội nghị và tên hoặc nội dung và chương trình họp của Hội nghị để gửi thông báo đến Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành (Thông Báo Tổ Chức Hội nghị). Người có thẩm quyền triệu tập họp sẽ gửi Thông Báo Tổ Chức Hội nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dưới dạng một trong các hình thức sau đây: (i) văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành; (ii) thư điện tử, fax, thông bản trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có); (iii) thông báo công khai trên mạng thông tin điện tử cả Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) hoặc (iv) bất kỳ hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

Thông báo triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung dự kiến của Hội nghị.



Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- (b) Phụ thuộc vào Khoản 18(c) Mục VI dưới đây, số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.
- (c) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung (1) thay đổi Ngày Đào Hạo của Trái Phiếu, hoặc (2) thay đổi bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào của Trái Phiếu ngoại trừ Khoản 12.3 Mục VI nêu trên, hoặc (3) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (4) thay đổi Lãi Suất, hoặc (5) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu, hoặc (6) thay đổi yêu cầu về số đại biểu cần thiết để tổ chức Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu, hoặc (7) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định của Người Sô Hữu Trái Phiếu về từng vấn đề (những vấn đề nêu tại mục (1) đến mục (7) gọi chung là "**Các Vấn Đề Trọng Yếu**", thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.
- (d) Nghị quyết Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu được một hoặc nhiều Người Sô Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sô Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sô Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội nghị hay không), với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Các Vấn Đề Trọng Yếu phải được sự chấp thuận của (những) Người Sô Hữu Trái Phiếu sô hữu/đại diện sô hữu ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả những Người Sô Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp.
- (e) Nghị quyết Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu tại Khoản 18(a) Mục VI và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sô Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sô Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký/danh sách Người Sô Hữu Trái Phiếu tại Ngày Chốt Danh Sách lấy ý kiến và (2) phải được Người Sô Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với các Vấn Đề Trọng Yếu, phải được Người Sô Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).
- (f) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội nghị Người Sô Hữu Trái Phiếu thông qua theo quy định tại Khoản 18 Mục VI này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được chấp thuận bởi Tổ Chức Phát Hành (trừ các nghị quyết của những Người Sô Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).
- (g) Không phụ thuộc vào các quy định tại các Khoản 18 (a), (b), (c), (d), (e), (f) nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sô Hữu Trái Phiếu duy nhất sô hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng



mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó. Trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thông nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua (Đối với các nội dung đề xử lý Các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành).

19. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn

19.1. Mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan (từ khi việc hoàn trả gốc Trái Phiếu phải thực hiện theo quy định tại Khoản 15.7 Mục VI), Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn 100% khối lượng Trái Phiếu đã phát hành tại thời điểm tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, giá mua lại bằng mệnh giá của Trái Phiếu.
- Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại Trái Phiếu theo thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành với giá bán lại bằng mệnh giá.
- Trường hợp các quy định pháp luật hiện hành không quy định khác, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và việc thực hiện quyền mua lại tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

19.2. Mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến Khoản 19.1 Mục VI nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất kỳ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu.

20. Hủy bỏ Trái Phiếu

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành hoàn trả/mua lại trước hạn đầy đủ cả gốc và lãi sẽ được hủy bỏ ngay và không được phát hành lại hoặc bán lại. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không được hủy bỏ Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.

Các Trái Phiếu đã hủy bỏ sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định các vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.



21. Phương thức phân phối

Trái Phiếu được bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các chi nhánh/Phòng giao dịch của Agribank trên phạm vi toàn quốc và Phân phối thông qua Đại lý Phát Hành là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (Agrisecco).

Trách nhiệm của Đại lý phát hành:

- Agrisecco với vai trò Tổ Chức Tư Vấn, Đại Lý Phát Hành sẽ hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết trước khi chào bán Trái Phiếu ra công chúng và hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành trong việc phân phối Trái Phiếu.
- Agrisecco sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu cho các nhà đầu tư đăng ký mua Trái Phiếu hợp lệ thông qua chào bán trực tiếp hoặc một hình thức phù hợp khác theo thông báo cụ thể của Agrisecco.
- Công bố đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành Trái Phiếu đã được phê duyệt và chỉ bán Trái Phiếu cho các nhà đầu tư đủ điều kiện mua Trái Phiếu theo quy định của Pháp luật.
- Cập nhật định kỳ, đột xuất các thông tin về tiến độ và kết quả chào bán Trái Phiếu của các nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành.
- Thực hiện các dịch vụ khác theo quy định tại Hợp đồng đã ký với Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và đảm bảo thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho Nhà Đầu Tư là 20 (hai mươi) ngày.

22. Đăng ký mua Trái Phiếu

- (i) **Thời hạn:** Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành công bố Bản thông báo phát hành theo quy định và sẽ thông báo thời gian và địa điểm đăng ký mua Trái Phiếu. Thời gian dự kiến để các nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày.
- (ii) **Số lượng:** Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng là 100.000.000 (Một trăm triệu) Trái Phiếu.
- (iii) **Đối tượng được đăng ký mua:** Các nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.
- (iv) **Phương thức đăng ký mua và thanh toán:**
 - Thời gian muộn nhất để nhà đầu tư thực hiện thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành;
 - Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Trường hợp tại ngày kết thúc đăng ký mua, tổng số lượng đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua. Để tránh hiểu lầm, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài khoản phòng



tồn nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành nêu tại Khoản 24 Mục VI. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị và nhà đầu tư không được ưu tiên mua.

Địa điểm đăng ký mua và thanh toán:

- Thông qua Tổ Chức Phát Hành: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD đăng tải tại <https://www.agribank.com.vn/>.
- Thông qua Đại Lý Phát Hành: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD đăng tải tại <https://agriseco.com.vn/>.

- (v) **Thời hạn cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu:** Chậm nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Nhà đầu tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại địa điểm mà nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu.
- (vi) **Quyền lợi người mua Trái Phiếu:** Nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán thành công tiền mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Người Sở Hữu Trái Phiếu, được Tổ Chức Phát Hành chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định trên đây và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu.
- (vii) **Nghĩa vụ của người mua Trái Phiếu:** Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy hoặc sửa đổi đăng ký mua Trái Phiếu.
- (viii) **Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu:** 01 (một) Trái Phiếu, tương đương 100.000 (một trăm nghìn) đồng tính theo mệnh giá. Để tránh hiểu lầm, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chậm đến hàng đơn vị và tối thiểu là 01 (một) Trái Phiếu.
- (ix) **Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu:** trong trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng khối lượng đăng ký đặt mua Trái Phiếu vượt quá khối lượng Trái Phiếu chào bán:
- ✓ Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài khoản phong tỏa được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc Đợt Phát Hành).
 - ✓ Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu ghi tại Phiếu đăng ký mua Trái Phiếu hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà người đặt mua Trái Phiếu đăng ký và nộp tiền mua.

23. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận chào bán Trái Phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu. Thời gian phân phối của Đợt Phát Hành tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày, giá trị Trái Phiếu phát hành dự kiến là 10.000.000.000.000 đồng (Mười nghìn tỷ đồng). Cụ thể:

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng

| STT | Nội dung công việc | Thời gian |
|-----|--|------------|
| 1 | Thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng | T |
| 2 | Nhà Đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu tại Đại lý phát hành | T đến T+20 |



| STT | Nội dung công việc | Thời gian |
|-----|--|---------------|
| 3 | Báo cáo kết quả chào bán | T+21 |
| 4 | Xác nhận kết quả chào bán Trái Phiếu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | T+24 |
| 5 | Làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu cho Nhà đầu tư | T+24 đến T+54 |
| 6 | Hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu | T+54 |

Ghi chú: Ngày T là ngày Tổ Chức Phát Hành thông báo về việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng (sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước). Thời gian phân phối trái phiếu cụ thể sẽ thực hiện theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành. Thời gian phân phối cụ thể có thể thay đổi nhưng vẫn đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và nhu cầu của Agribank.

24. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu

- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
- Tên tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
- Số tài khoản: 1220983668

25. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành

Ngày 15/4/2021, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định 649/QĐ-NHNN về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tiền tệ thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của NHNN.

Ngày 31/03/2021, NHNN đã ban hành Thông tư 01/2021/TT-NHNN (có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021) quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, Trái Phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thay thế Thông tư 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 và Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013, trong đó, Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN đã bãi bỏ quy định “Phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng của TCTD phải được NHNN chấp thuận”. Theo quy định của Thông tư 01/2021/TT-NHNN việc phát hành Trái Phiếu trong nước của TCTD phải tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định trong Thông tư 01 này.

Như vậy, áp dụng Thông tư 01/2021/TT-NHNN, kể từ ngày 17/05/2021, TCTD nói chung và Agribank nói riêng không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành Trái Phiếu ra công chúng.

26. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định Pháp luật có hiệu lực tại Ngày Phát Hành, không phải là những phân tích có tính toán diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia về thuế và các loại thuế có



liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

26.1. Thuế thu nhập cá nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi Trái Phiếu do các tổ chức trong nước phát hành

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, Thu nhập từ lãi Trái Phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu

Căn cứ Khoản 9, 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 Thông tư số 68/VBHN-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng Trái Phiếu chịu mức thuế suất 10% (mười phần trăm) thu nhập tính thuế áp dụng đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

26.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 sửa đổi bổ sung Thông tư 78/2014/TT-BTC, Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà đầu tư nước ngoài hay nhà đầu tư phụ nước ngoài) thì theo quy định tại thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014:

- Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi Trái Phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên lãi nhận được.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 0,1% (không phải một phần trăm) trên tổng giá trị Trái Phiếu bán ra.



26.3. Thuế Giá trị gia tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế Giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

26.4. Khấu trừ Thuế Thu Nhập Cá Nhân

- (a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC: Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lãi Trái Phiếu trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí tính trên giá trị chuyển nhượng cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tập trung tại VSDC: Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSDC.

27. Thông báo, địa chỉ đăng ký

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của bên gửi, VSDC hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu niên yếu), hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/qua đường thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức) đến địa chỉ và/hoặc số fax quy định tại Sổ Đăng Ký, hoặc đã liên lạc tự được quản lý bởi VSDC (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

28. Thông tin về các cam kết

(a) Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán trên 30 tỷ đồng, tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được HĐQT của Tổ Chức Phát Hành thông qua;
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu và các điều kiện khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hỗ trợ đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của các đợt chào bán, phù hợp với quy



định của pháp luật.

(b) Cam kết về thực hiện niêm yết Trái Phiếu tại SGDCK

- Tổ Chức Phát Hành có văn bản cam kết của HĐQT về việc triển khai niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán ra công chúng.
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết trái phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

(c) Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Ngoài các cam kết nêu trên, Agribank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu/Nhà đầu tư về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích và theo Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã nêu tại Bản Cáo Bạch này;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ và điều kiện khác theo quy định Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch.

29. Luật điều chỉnh

Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản và Điều Khoản của Trái Phiếu này, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

[Handwritten signatures and stamps]



VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành Trái Phiếu Agribank ra công chúng năm 2024 để:

- Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy NHNN.
- Tăng quy mô vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế nói chung, đặc biệt là các dự án đầu tư trung dài hạn.

2. Phương án khả thi

Tổ Chức Phát Hành chào bán Trái Phiếu không phải nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện các dự án.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được Agribank sử dụng với mục đích: tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu), đặc biệt là các dự án trung dài hạn trong các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về các TCTD và quy định nội bộ của Agribank:

Đơn vị: Tỷ đồng

| STT | Lĩnh vực | Giá trị phát hành | Giá trị giải ngân | Tiền độ sử dụng vốn dự kiến |
|-----------|-------------------------------|-------------------|-------------------|------------------------------|
| 1 | Năng lượng, điện | 10.000 | 3.500 | Quý III/2024 đến Quý II/2025 |
| 2 | Nông, lâm thủy sản | | 1.300 | |
| 3 | Công nghiệp chế biến, chế tạo | | 1.700 | |
| 4 | Ngành khác | | 3.500 | |
| Tổng cộng | | 10.000 | 10.000 | |

Agribank dự kiến sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên và do đặc thù ngành ngân hàng nên Agribank không đưa ra thứ tự ưu tiên sử dụng vốn cho các lĩnh vực. Mức độ sử dụng vốn cụ thể sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực, nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Trường hợp không huy động đủ số tiền phát hành như dự kiến, Agribank đảm bảo thực hiện giải ngân theo đồng tỷ lệ giải ngân của từng lĩnh vực tương ứng như trên. Phần thừa hụt vốn dự kiến phát hành, Agribank sẽ sử dụng nguồn vốn cho vay thông thường (từ nguồn huy động thông thường) để bù đắp.



2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư

Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Phát Hành dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các Nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

Thanh toán gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái Phiếu của Agribank và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận từ hoạt động kinh và tiền lục tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

[Handwritten signatures]



IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

1.1. Tổ Chức Kiểm Toán báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH KPMG

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa nhà Keangnam 72, E6 Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại : 024. 3946 1600

Số fax : 024. 3946 1601

1.2. Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành, Đại Lý Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại : 024. 6276 2666

Số fax : 024. 6276 5666

2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành về đợt chào bán

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐQT Agribank thông qua, và những nhận định về tình hình tài chính kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn cho đợt phát hành Trái Phiếu, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank nhận định kế hoạch chào bán của Tổ Chức Phát Hành là hợp lý và khả thi, với giá định không có những biến động bất thường và bất khả kháng nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế và các thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu. Ý kiến này chỉ mang tính chất tham khảo.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, Agribank đã ký hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco). Theo đó, Agriseco – với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Phát Hành – thực hiện cung cấp dịch vụ cho đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng với Agribank. Do vậy, Agribank không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào cho đợt chào bán này.

**X. PHỤ LỤC**

1. Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2004, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024 & Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN ngày 28/05/2021 của NHNN.
2. Phụ lục 2:
 - Nghị quyết số 77/NQ-HĐTV ngày 09/05/2024 của Hội đồng thành viên về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024.
 - Nghị quyết số 96/NQ-HĐTV ngày 13/06/2024 của Hội đồng thành viên về việc triển khai phương án phát hành, cam kết của Agribank khi thực hiện chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024 và phương án sử dụng vốn chi tiết từ nguồn phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024.
 - Nghị quyết số 97/NQ-HĐTV ngày 13/06/2024 của Hội đồng thành viên về việc thông qua hồ sơ chào bán Trái Phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2024.
3. Phụ lục 3: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Agribank ban hành kèm theo Quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/04/2012 của Hội đồng thành viên Agribank.
4. Phụ lục 4: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư số 7835/NHNN-KDVT ngày 13/06/2024 của Agribank.
5. Phụ lục 5: Báo cáo tài chính Quý I/2024 (riêng và hợp nhất); Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022, 2023.



X. NGÀY THĂNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2024

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



PHẠM ĐỨC AN

TỔNG GIÁM ĐỐC

KÊ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature of Phạm Toàn Vương]

PHẠM TOÀN VƯƠNG

[Handwritten signature of Phùng Văn Hùng Quang]

PHÙNG VĂN HÙNG QUANG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ SƠN TÙNG